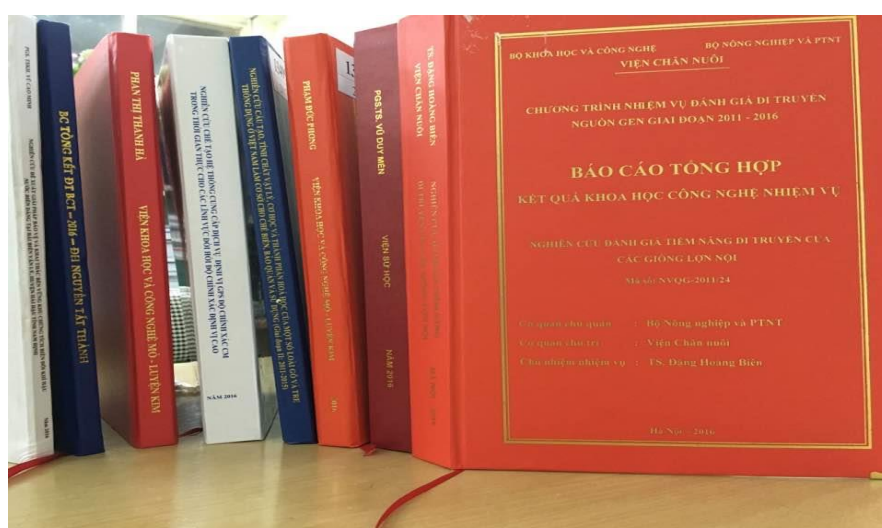


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 7
2021



THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Định kỳ 1 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban: THS. VŨ ANH TUẤN

Phó Trưởng ban: ThS. Võ Thị Thu Hà
ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh

Ủy viên thư ký: ThS. Nguyễn Thị Thưa
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu
CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	ii
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
<u>Phụ lục</u> : Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	88

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

**GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

CHÚ GIẢI

① 74479.1-2020. Nghiên cứu đề xuất một số khu vực có thể phục hồi và tái tạo hệ sinh thái rạn san hô phục vụ du lịch sinh thái biển Khánh Hòa/ Võ Sĩ Tuấn, TS. Nguyễn Văn Long; CN. Phan Kim Hoàng; ThS. Thái Minh Quang; ThS. Phan Thị Kim Hồng; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Phạm Sĩ Hoàn; ThS. Phạm Bá Trung; CN. Hứa Thái Tuyên; TS. Hoàng Xuân Bền - Khánh Hòa - Viện Hải dương học Nha Trang, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

②
③
④
⑤
⑥
⑦
⑧
⑨

⑩—Tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, đa dạng sinh học ở vùng biển Khánh Hoà. Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô ở các khu vực có tiềm năng sử dụng cho mục tiêu du lịch sinh thái biển. Điều tra hiện trạng sử dụng và quản lý tài nguyên tại các khu vực tiềm năng. Phân tích các yếu tố tích cực và hạn chế liên quan đến phục hồi rạn san hô và phát triển du lịch sinh thái và đề xuất các khu vực có thể phục hồi và tái tạo rạn san hô nhằm sử dụng cho du lịch sinh thái. Xây dựng mô hình phục hồi, tái tạo rạn san hô với sự tham gia quản lý của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: KHA-2019-002

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	9
101. Toán học và thống kê.....	9
10101. Toán học cơ bản	9
10102. Toán học ứng dụng.....	9
102. Khoa học máy tính và thông tin	10
10201. Khoa học máy tính	12
10299. Khoa học máy tính và khoa học thông tin khác.....	13
103. Vật lý	14
10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học	14
104. Hóa học	14
10402. Hoá vô cơ và hạt nhân.....	14
10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân) ..	15
105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan	16
10507. Núi lửa học	16
10509. Các khoa học môi trường	16
10511. Khí hậu học	17
10512. Hải dương học	18
106. Sinh học.....	18
10606. Sinh học phân tử.....	18
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	18
201. Kỹ thuật dân dụng	19
20102. Kỹ thuật xây dựng	19
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải	19
20105. Kỹ thuật thủy lợi.....	20

202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin	20
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..	21
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông	22
20207. Cơ điện tử; hệ vi cơ điện tử (MEMS),..	23
20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác.....	23
203. Kỹ thuật cơ khí.....	24
20302. Chế tạo máy nói chung.....	24
20303. Chế tạo máy công cụ	24
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	25
20306. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy thủy lợi	26
20310. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy xây dựng.....	26
20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác	27
204. Kỹ thuật hóa học	27
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)	27
20403. Kỹ thuật hoá dược	28
205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim.....	29
20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen	29
20509. Vật liệu kim loại	30
20513. Gỗ, giấy, bột giấy	30
20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp.....	31
20515. Vật liệu tiên tiến	31
206. Kỹ thuật y học	31
20601. Kỹ thuật và thiết bị y học	31

20603. Kỹ thuật phân tích mẫu thuốc	32
207. Kỹ thuật môi trường.....	32
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	32
20706. Kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển	34
20708. Kỹ thuật bờ biển	35
208. Công nghệ sinh học	35
20899. Công nghệ sinh học môi trường khác	35
209. Công nghệ sinh học công nghiệp	36
210. Công nghệ nano.....	36
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất).....	37
211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống.....	37
21101. Kỹ thuật thực phẩm	38
299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác	38
3. Khoa học y, dược.....	39
302. Y học lâm sàng	39
30201. Nam học	39
30204. Hệ tim mạch	39
30214. Nha khoa và phẫu thuật miệng.....	39
30215. Da liễu, Hoa liễu.....	40
30217. Bệnh về khớp.....	40
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư	41
30222. Nhãn khoa. Bệnh mắt.....	42
30299. Y học lâm sàng khác	42
303. Y tế.....	43
30303. Điều dưỡng.....	43
30309. Dịch tễ học.....	43

304. Dược học	43
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc	43
30404. Hoá dược học	43
4. Khoa học nông nghiệp	45
401. Trồng trọt	45
40101. Nông hoá	45
40102. Thổ nhưỡng học	46
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	47
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả	48
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc	53
40106. Bảo vệ thực vật.....	54
40107. Bảo quản và chế biến nông sản	55
40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác	55
402. Chăn nuôi.....	55
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi.....	55
40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác.....	56
403. Thú y	56
40307. Vi sinh vật học thú y (trừ vi rút học thú y).....	56
404. Lâm nghiệp.....	57
40402. Tài nguyên rừng	57
40403. Quản lý và bảo vệ rừng	57
40405. Giống cây rừng.....	58
405. Thủy sản.....	58
40503. Bệnh học thủy sản	58
40504. Nuôi trồng thủy sản	59

406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp	60
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....	60
5. Khoa học xã hội	61
502. Kinh tế và kinh doanh	61
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh....	62
503. Khoa học giáo dục.....	67
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..	67
504. Xã hội học	69
50401. Xã hội học nói chung	69
50404. Dân tộc học.....	69
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội	70
505. Pháp luật.....	74
50501. Luật học	75
50599. Các vấn đề pháp luật khác.....	78
506. Khoa học chính trị	80
50602. Hành chính công và quản lý hành chính	80
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	83
50699. Khoa học chính trị khác	85
507. Địa lý kinh tế và xã hội	85
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....	85
50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị	86
6. Khoa học nhân văn.....	86
602. Ngôn ngữ học và văn học	86
60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam	86
699. Khoa học nhân văn khác	87

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

101. Toán học và thống kê

10101. Toán học cơ bản

77652. 07-2021. **Về tôpô của quỹ đạo dưới tác động của nhóm đại số**/ TS. Đào Phương Bắc, TS. Đào Phương Bắc; ThS. Võ Duy Hoàng - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-ĐHQG Hà Nội, 2020 - 01/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Chỉ ra tác động của nhóm đại số đơn G dạng D_4, E_6, E_7, E_8, G_2 lên đa tạp affine xác định trên trường hàm k , và một điểm hữu tỷ v thuộc $V(k)$ sao cho quỹ đạo hình học $V.v$ là đóng góp trong quỹ đạo tương đối tương ứng $G.v$ không đóng đối với tôpô cảm sinh từ. Thu được phiên bản tương đối của định lý Kostant-Rosenlicht, chỉ ra nếu G là một nhóm lũy đơn, thì $G^0.v$ luôn đóng nếu $k=(k,v)$ là trường với sđịnh giá chấp nhận được. Nếu G là một nhóm giao hoán, $k=(k,v)$ là một trường định giá chấp nhận được, thì $G.v$ đóng Zariski kéo theo $G(k).v$ là đóng. Thu được một số tính chất tôpô và ước lượng của quỹ đạo với tập con cụ thể trong tập các Kv -điểm của đa tạp, cụ thể là ước lượng $G(K)X(O_v)$ trong $X(kv)$ khi G là một tuyến 1 chiều.

Số hồ sơ lưu: 17705

78048. 07-2021. **Một số phương pháp giải một lớp bất đẳng thức biến phân**/ GS. TS.

Nguyễn Bường, GS. TS. Nguyễn Bường; TS. Nguyễn Thị Thúy Hoa; GS. TSKH. Phạm Kỳ Anh; ThS. Phạm Thị Thu Hoài; ThS. Khuất Thị Bình - Hà Nội - Viện Công nghệ Thông tin, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đưa ra một cách tiếp cận mới giải bài toán chấp nhận tách nhiều tập, bài toán bất đẳng thức biến phân tách, bài toán điểm bất động chung tách, hay tổng quát hơn là bài toán không điểm chung tách. Làm tốt lên một số phương pháp giải bài toán bất đẳng thức biến phân trên tập điểm bất động cho một họ vô hạn cách ánh xạ không giãn trên không gian Banach. Đưa ra cách tiếp cận mới giải bài toán bất đẳng thức biến phân trên tập không điểm chung cho một họ vô hạn các ánh xạ không giãn trên không gian Banach.

Số hồ sơ lưu: 17859

10102. Toán học ứng dụng

75539. 07-2021. **Xây dựng phần mềm tính toán chính xác nhiệt tạo thành của các hợp chất hóa học sử dụng các phản ứng loại Isodesmic**/ ThS. Nguyễn Thanh Hiếu, PGS. TS. Huỳnh Kim Lâm; GS. TS. Artur Ratkiewicz; Ths. Mai Văn Thanh Tâm; Ths. Lê Thanh Xuân; CN. Dương Văn Minh - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng một thuật toán mã hóa và tìm kiếm phản ứng loại

homodesmotic nói chung và isodesmic nói riêng từ và kết hợp với nó thành một phần mềm tính toán hoàn chỉnh. Tập hợp các dữ liệu thực nghiệm và tính toán lý thuyết về nhiệt tạo thành sẵn có. Một thuật toán tìm kiếm phản ứng loại Isodesmic dựa trên ký hiệu SMILES của các hợp chất hóa học. Áp dụng thuật toán cho một số hợp chất đã biết giá trị thực nghiệm và các hợp chất mới.

Số hồ sơ lưu: HCM-0230-2018

78050. 07-2021. **Động lực của dòng chất lỏng nhớt không nén**/ TS. Trịnh Việt Dược, CN. Tạ Thị Mai - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 02/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tính bị chặn, hầu tuần hoàn, tuần hoàn, ổn định của dòng chất lỏng nhớt không nén qua một miền cho trước như là miền ngoại vi, miền có lỗ thủng. Sự tồn tại và tính duy nhất của nghiệm đủ tốt hoặc nghiệm yếu cho phương trình mô tả dòng chất lỏng nhớt không nén với mỗi điều kiện ban đầu trong không gian Lorentz yếu. Tính đặt chỉnh của phương trình tuyến tính thuần nhất. Ước lượng dạng $L_p - L_q$ cho C_0 nửa nhóm sinh bởi toán tử Stokes hoặc toán tử Oseen trên miền cho trước. Tính chính quy của nghiệm (Cb-chính quy).

Số hồ sơ lưu: 17860

78053. 07-2021. **Phát hiện các mẫu có lợi ích cao trên cơ sở dữ liệu lượng hóa**/ TS. Trương Chí Tín, GS. TS. Lê Hoài Bắc; TS. Trần Ngọc Anh; GS. TS. Fournier-Viger

Philippe; ThS. Dương Văn Hải; ThS. Tạ Thị Thu Phượng - Lâm Đồng - Trường Đại học Đà Lạt, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khai thác các mẫu (itemset, chuỗi) phổ biến trên các cơ sở dữ liệu (database -DB) nhị phân truyền thống là một bài toán khai thác dữ liệu quan trọng và có nhiều ứng dụng. Tuy nhiên, nó có thể sinh thiếu nhiều mẫu thú vị (ví dụ, các mẫu hoặc hành vi bất thường tuy hiếm nhưng thú vị hoặc có ích). Vì vậy, các tiêu chuẩn khác cần được xem xét nhằm đánh giá độ quan trọng/lợi ích của các mẫu. Ngoài ra, các thuật toán khai thác các mẫu phổ biến truyền thống bỏ qua nhiều DB thực tế chứa các thông tin lượng hóa (quantitative database -QDB) hữu dụng như số lượng mua và lợi ích đơn vị của các mặt hàng.

Số hồ sơ lưu: 17854

102. Khoa học máy tính và thông tin

76631. 07-2021. **Nghiên cứu thiết kế hệ thống phần mềm khai thác dữ liệu DICOM trên nền Web phục vụ hội chẩn y tế qua thiết bị Mobile và Smart Tivi**/ TS. Nguyễn Chí Ngọc, ThS. Nguyễn Thanh Tuấn; KS. Phạm Thái Bình; KS. Phạm Thành Luân; KS. Phạm Công Duy; KS. Phạm Mỹ Mẫn; KS. Khương Minh Hậu; KS. Đặng Thanh Hùng - TP. Hồ Chí Minh - Công ty CP Công nghệ Thông minh Ưu Việt, 2019 - 06/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện công nghệ nén ảnh DICOM của hệ thống PACS để đảm bảo việc luân chuyển và lưu trữ dữ liệu trực tuyến được thực hiện liên tục trong thời gian dài tại bệnh viện. Nghiên cứu kỹ thuật thiết kế web trên thiết bị Mobile và Smart TV cho ứng dụng Web DICOM Viewer và hoàn thiện phần mềm khai thác dữ liệu DICOM của hệ thống PACS qua Web và đảm bảo hoạt động được trên thiết bị Mobile và Smart Tivi qua Internet tại Việt Nam; công nghệ cân bằng tải của hệ thống PACS để có thể cung cấp cho 20 trạm làm việc có thể hoạt động cùng lúc và xem hình ảnh DICOM tại bệnh viện; công nghệ kết nối hệ thống PACS với Web Server nhằm đảm bảo lấy đúng và đủ dữ liệu từ PACS và cung cấp nhanh dữ liệu đến các thiết bị Mobile và Smart Tivi qua Internet. Thiết kế thử nghiệm 01 hệ thống và đánh giá kết quả trên quy mô phòng thí nghiệm. Hiệu chỉnh và triển khai thử nghiệm 01 hệ thống hoàn chỉnh, chuyển giao công nghệ tại một số bệnh viện tham gia đề tài.

Số hồ sơ lưu: HCM-017-2020

76937. 07-2021. **Nghiên cứu xây dựng hệ thống phần mềm hỗ trợ tính toán phần tử bắn và lượng sửa kỹ thuật phục vụ chỉ huy bắn pháo binh/** ThS. Phạm Thị Hồng Thanh, Hoàng Tuấn; Nguyễn Khắc Điệp; Thái Văn Quốc Sỹ; Huỳnh Thị Lệ Quyên; Nguyễn Thanh Linh; Phạm Hùng Cường; Chu Thế Vũ; Phan Văn Trị - TP. Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Thông tin, 2019 -

06/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng bộ công cụ hỗ trợ bao gồm hệ thống phần mềm và các thiết bị phần cứng đáp ứng các yêu cầu sau: Giúp cho việc tính toán phần tử bắn và tính lượng sửa kỹ thuật, lượng sửa khí tượng trở nên dễ dàng và nhanh chóng, giảm thiểu khả năng sai sót so với phương pháp thủ công. Dễ dàng tra cứu, kiểm tra lại các số liệu đã nhập, chỉnh sửa khi cần thiết. Số hóa bảng bắn để tham mưu cho các cấp chỉ huy khi cần trong quá trình sửa bắn. Hiển thị vị trí các khẩu đội pháo, đài quan sát, đài chỉ huy, các mục tiêu và thông số đo đạc trên nền bản đồ số giúp cho chỉ huy theo dõi dễ dàng trực quan hơn. Cho phép lưu trữ kết quả huấn luyện, giúp cho việc bình giảng, rút kinh nghiệm sau huấn luyện trở nên hiệu quả hơn, phục vụ công tác huấn luyện trong chỉ huy pháo binh, giúp nâng cao năng lực chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu cho bộ đội pháo binh.

Số hồ sơ lưu: HCM-030-2020

78236. 07-2021. **Xây dựng điểm thông tin - truyền thông khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình./** An Mạnh Cường, An Mạnh Cường; Đặng Tiến Trình; Bùi Mai Anh; Hoàng Văn Dương; Bùi Thị Hòa Bình; Lê Thị Thùy Linh; Bùi Đức An; Nguyễn Mạnh Tuấn - Hòa Bình - Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ, 2019 - 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm khoảng từ 1000 đến 1300 đầu thông tin, thông tin tập trung vào các sách xuất bản chính thống, các quy trình sản xuất ở các lĩnh vực: chăn nuôi, trồng trọt, thú y... Xây dựng 01 phần mềm quản lý, khai thác dữ liệu dưới dạng website để dùng, thân thiện di động, có thể truy cập qua mạng internet hay kết nối 3G trên các thiết bị máy tính, ipad, smartphone... Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm thông tin KH&CN tại 05 xã phường xây dựng mô hình điểm phục vụ khai thác thông tin hệ thống. Triển khai mô hình có sự kết hợp với các tổ chức ở xã phường cơ sở hỗ trợ bà con nông dân khai thác thông tin, áp dụng các quy trình trong lao động sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, tăng sản lượng, chất lượng sản phẩm nông lâm nghiệp.

Số hồ sơ lưu: HBH-007-2020

10201. Khoa học máy tính

75535. 07-2021. **Nghiên cứu và phát triển hệ thống giải pháp phần mềm chống thất thoát dữ liệu tác nghiệp trên máy tính cá nhân/ PGS. TS. Trần Minh Triết, - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Khoa học Tự nhiên, TP. Hồ Chí Minh, 2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Phân tích tình hình thất thoát dữ liệu, đặc biệt là các trường hợp rò rỉ thông tin do người dùng sơ ý và các hình thức có thể xảy ra. Khảo sát các biện pháp ngăn ngừa thất thoát dữ liệu hiện nay, bao gồm các giải pháp phần mềm, giải pháp phần cứng cũng như việc áp dụng quy trình và

tiêu chuẩn về an toàn thông tin. Quản lý định danh và chứng thực người dùng, bao gồm các khái niệm chính về định danh, các thành phần chính trong một hệ thống quản lý định danh, một số hệ thống quản lý định danh thường gặp như Active Directory, ADFS, OpenID... Giải pháp kỹ thuật ở cấp hệ thống trên môi trường Windows cho phép giám sát và can thiệp vào quá trình xử lý của tiến trình của như thực thi hàm API của hệ thống, bao gồm kỹ thuật API Hook, DLL Injection, API Intercepting. Trình bày hai bộ giải pháp giúp bảo vệ dữ liệu ngay trong quá trình thao tác soạn thảo trên các phần mềm trong bộ Microsoft Office. Giải pháp chính ban đầu là chèn mã xử lý được nạp động vào trong một tiến trình (DLL Injection), sau đó giám sát việc gọi thực thi các API để can thiệp và xử lý theo nhu cầu (API Intercepting). Ứng dụng hiện thực hóa giải pháp bảo vệ dữ liệu trong các công cụ soạn thảo của bộ Microsoft Office, bao gồm Word, Excel và Powerpoint, đồng thời đánh giá tốc độ xử lý cho các thao tác khi sử dụng công cụ bảo vệ so với trường hợp thông thường.

Số hồ sơ lưu: HCM-0229-2018

77148. 07-2021. **Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo - artificial intelligence cho bài toán nhận dạng và áp dụng cho hệ cơ piezo-actuator/ TS. Nguyễn Ngọc Sơn, ThS. Nguyễn Duy Khanh; TS. Trần Minh Chính; Trần Nguyễn Minh Thông - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2019 - 06/2018 -**

06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết bị chấp hành Piezo đã và đang nhận được nhiều quan tâm do có nhiều ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như micro robot, robot phẫu thuật, kỹ thuật y sinh và nhiều ứng dụng công nghiệp khác. Nghiên cứu phát triển hệ thống thông minh lai dựa trên mạng nơ ron và thuật toán tối ưu Jaya, thuật toán DE (Differential Evolution) cải tiến; nghiên cứu nhận dạng đặc tính trễ phi tuyến của thiết bị chấp hành Piezo dựa trên tập dữ liệu vào/ra thực nghiệm; kiểm chứng chất lượng các mô hình đề xuất trên các hàm Benchmark thông dụng.

Số hồ sơ lưu: HCM-037-2020

78548. 07-2021. **Ứng dụng công nghệ GIS xây dựng cơ sở dữ liệu của các điểm giới thiệu, bán những sản phẩm thể mạnh và các điểm bán hàng Việt trực tuyến trên địa bàn tỉnh Yên Bái/ ThS.** Trương Ngọc Biên, - Yên Bái - Sở Công thương, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến các điểm bán, giới thiệu sản phẩm thể mạnh của tỉnh; Các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh, các cửa hàng bán và giới thiệu các mặt hàng Việt Nam chất lượng cao, các điểm bán các mặt hàng thiết yếu của 9 huyện/thành phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu của các điểm giới thiệu, bán những sản phẩm thể mạnh và các điểm bán hàng Việt trực tuyến trên địa bàn

tỉnh Yên Bái tỉnh Yên Bái và tiến hành cài đặt phần mềm lên máy chủ, cập nhật và số hóa dữ liệu.

Số hồ sơ lưu: YBI-036-2020

10299. Khoa học máy tính và khoa học thông tin khác.

78449. 07-2021. **Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý và điều hành tại UBND huyện Xuân Trường/ ThS.** Trần Văn Vy, CN. Lê Văn Lợi - Nam Định - UBND huyện Xuân Trường, 2019 - 06/2018 - 02/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trong hoàn cảnh nền kinh tế xã hội ngày càng phát triển mạnh mẽ, xu hướng hội nhập quốc tế, và bùng nổ nền kinh tế tri thức thì công nghệ thông tin ngày càng khẳng định được vai trò quan trọng của mình trong mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt ở nước ta đang trong quá trình CNH – HĐH, thì việc quan tâm và phát triển ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý nhà nước là rất cần thiết. Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và điều hành, UBND huyện Xuân Trường luôn ưu tiên đầu tư về trang thiết bị, phần mềm, nâng cao trình độ kỹ năng và kiến thức về tin học cho đội ngũ cán bộ để có thể đạt được hiệu quả cao nhất trong công việc. Chính vì vậy, việc nâng cao ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và điều hành tại UBND huyện Xuân Trường là việc làm vô cùng cấp thiết.

Số hồ sơ lưu: NDH-015-2020

103. Vật lý**10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học**

77653. 07-2021. **Phân tích đánh giá năng lực nghiên cứu và khả năng hợp tác nghiên cứu trong lĩnh vực tài nguyên và chất lượng nước sử dụng các kỹ thuật hạt nhân và đồng vị ở Việt Nam/** ThS. Vũ Hoàng Hải, TS. Trịnh Anh Đức; TS. Phạm Ngọc Đồng; ThS. Trần Thanh Trâm; ThS. Lưu Thị Thu Hoà - Hà Nội - Văn phòng Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phân tích đánh giá năng lực phân tích đồng vị bền các nguyên tố nhẹ tại các viện và trung tâm nghiên cứu trong và ngoài Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam; Đánh giá nhu cầu và tiềm năng hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu tài nguyên nước và môi trường nước ở Việt Nam sử dụng các kỹ thuật phân tích đồng vị; Xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển ứng dụng các kỹ thuật hạt nhân và đồng vị trong nghiên cứu nước cho viện năng lượng nguyên tử Việt Nam đến 2030.

Số hồ sơ lưu: 17704

78341. 07-2021. **Tính chất điện tử và nhiệt động của một số vật liệu hai chiều bị hydro hóa khi có mặt từ trường và tạp chất tích điện pha loãng/** PGS.TS. Bùi Đình Hợi, PGS.TS. Võ Thành Lâm; TS. Đoàn Quốc Khoa; PGS.TS. Phan Văn Nhâm; TS. Nguyễn Thị Lê Thủy - Thừa Thiên - Huế - Trường

Đại học Sư phạm, 2019 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tính toán phổ năng lượng điện tử, thiết lập các biểu thức giải tích tổng quát của nhiệt dung, độ dẫn nhiệt, độ cảm thuận từ Pauli với các cấu hình tán xạ điện tử khác nhau. Khảo sát sự phụ thuộc của nhiệt dung, độ dẫn nhiệt, độ cảm từ vào từ trường ngoài, nhiệt độ của hệ, nồng độ tạp chất và cường độ tán xạ thông qua tính số với các tham số cụ thể. So sánh kết quả thu được đối với các cơ chế tán xạ khác nhau, giữa hai trường hợp có mặt từ trường và không có mặt từ trường, giữa các vật liệu với nhau và với cấu trúc đơn lớp tương ứng. Từ đó có thể suy ra một số ứng dụng trong chế tạo vật liệu, đó là có thể thay đổi các tham số trên để thu được cấu trúc vật liệu với các tính chất điện tử và nhiệt động phù hợp với các ứng dụng cụ thể.

Số hồ sơ lưu: 17971

104. Hóa học**10402. Hoá vô cơ và hạt nhân**

78329. 07-2021. **Nghiên cứu tổng hợp xúc tác dị thể siêu axit HPA cố định trên các chất mang vô cơ mao quản xốp cho phản ứng tổng hợp chất tạo hương fructon trong môi trường phân cực/** TS. Trần Quang Vinh, PGS.TS. Lê Thị Hoài Nam; TS. Trần Quang Hưng; TS. Nguyễn Quang Trung; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Nhiệm - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2020 - 05/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các hệ xúc tác dị thể HPA phân tán và cố định trên các chất mang vô cơ xốp như vật liệu oxit silic MQTB biến tính Al-SBA-15, vật liệu zeolit/MQTB dạng ZSM-5/SBA-15, Y/SBA-15 và graphen oxit có hoạt tính và độ bền cao trong phản ứng tổng hợp chất tạo hương fructon trong môi trường phân cực. Từ đó đánh giá các yếu tố về tính chất của vật liệu xúc tác và điều kiện phản ứng ảnh hưởng tới độ chuyển hóa nguyên liệu và độ chọn lọc sản phẩm của phản ứng.

Số hồ sơ lưu: 17975

10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)

77604. 07-2021. **Nghiên cứu chế tạo vật liệu màng đơn lớp porphyrin trên bề mặt đồng, graphite trong hệ điện hóa nhằm định hướng ứng dụng vào thiết bị điện tử kích thước nano/ PGS. TS. Nguyễn Phi Hùng, TS. Phan Thanh Hải; TS. Huỳnh Thị Miên Trung; PGS. TS. Võ Viễn; PGS. TS. Cao Văn Hoàng; TS. Nguyễn Lê Tuấn; TS. Lê Cảnh Định - Bình Định - Trường Đại học Quy Nhơn, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Chế tạo các hệ vật liệu mạng đơn lớp tự sắp xếp TTMAPP, màng hỗn hợp TTMAPP và TMPyP trên các bề mặt đơn tinh thể Cu, HOPG có cấu trúc bề mặt và tính chất điện hóa phù hợp với ứng dụng trong các thiết bị điện tử kích thước nano. Nghiên cứu ảnh hưởng của điện tích nhóm chức lên cấu trúc bề mặt ở cấp độ nguyên tử và tính chất điện hóa

của mạng TTMAPP, từ đó tìm ra những nhóm chức phù hợp có khả năng tăng cường độ bền của màng đơn lớp TTMAPP trên bề mặt đơn tinh thể Cu (100), Cu (111) và HOPG trong hệ điện hóa. Khảo sát vai trò của lớp đệm halogenua lên khả năng hấp thụ của TTMAPP và tính bền của vật mạng trong hệ điện hóa.

Số hồ sơ lưu: 17688

77680. 07-2021. **Ứng dụng các phương pháp phân tích phổ thực nghiệm tán xạ tia X để nghiên cứu cấu trúc của màng dẫn proton trong pin nhiên liệu/ ThS. La Lý Nguyễn, TS. Trần Duy Tập; TS. Lê Việt Hải; TS. Lưu Anh Tuyên; ThS. Phan Trọng Phúc; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Huệ; CN. Nguyễn Văn Giai - Hồ Chí Minh - Trung tâm hạt nhân Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Phân tích cường độ tán xạ tia X góc nhỏ để nghiên cứu cấu trúc đa pha, đa kích thước của vật liệu màng dẫn proton ETFE-PEM sử dụng trong pin nhiên liệu hydro. Nghiên cứu thăng giáng mật độ điện tử sẽ giúp hiển thị ra các cấu trúc phân tầng (lamellar), kích thước bề dày cung chuyển tiếp và cấu trúc vùng dẫn proton trong ETFE-PEM. Việc loại trừ nhiễu thăng giáng mật độ điện tử sẽ giúp hiển thị ra các cấu trúc vi mô chính xác hơn.

Số hồ sơ lưu: 17724

105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan

10507. Núi lửa học

77625. 07-2021. **Nghiên cứu đặc điểm hình thành và phân bố hang động núi lửa ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ/** PGS. TS. Đặng Văn Bào, ThS. Phạm Thị Phương Nga; PGS. TS. Nguyễn Hiệu; GS. TS. Tạ Hòa Phương; PGS. TS. Nguyễn Thùy Dương; TS. Nguyễn Thị Hà Thành; ThS. Nguyễn Quang Minh; ThS. Đỗ Trung Hiếu; TS. Ngô Văn Liêm; ThS. Đặng Nguyên Vũ - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020 - 02/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển và đặc điểm hệ thống hang động trong vùng núi lửa ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ; Đưa ra được các dấu hiệu và xác định được quy luật phân bố hệ thống hang động núi lửa ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ; Đề xuất được định hướng bảo tồn gắn với phát triển du lịch sinh thái trong vùng phân bố các hang động núi lửa.

Số hồ sơ lưu: 17695

10509. Các khoa học môi trường

73987. 07-2021. **Nghiên cứu, điều tra đánh giá di sản địa chất, xây dựng công viên địa chất khu vực Krông Nô, tỉnh Đắk Nông./** TS. La Thế Phúc, TS. Trần Thị Phương Anh; PGS. TS. Nguyễn Minh Trung; TS. Nguyễn Hữu Hùng; ThS. Nguyễn Thị Dung; TS. Phạm Hồng Thái; TS. Nguyễn Thiên Tạo; CN. Hoàng Thị Nga; ThS. Vũ

Thị Soi Ngân; CN. Lương Thị Tuất - Hà Nội - Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, 2018 - 07/2016 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, xác lập được đầy đủ các di sản phân bố trong khu vực huyện Krông Nô và kế cận thuộc tỉnh Đắk Nông. Nghiên cứu, điều tra khảo sát thực địa, thu thập tài liệu nguyên thủy, lấy mẫu phân tích các loại. Nghiên cứu, khảo sát đo vẽ chi tiết hệ thống hang động, đánh giá độ an toàn phục vụ khai thác du lịch (Chuyên gia của Hội Hang động núi lửa Nhật Bản). Xác lập di sản và đánh giá di sản, các yếu tố xâm hại di sản và công tác bảo tồn di sản. Đánh giá triển vọng xây dựng công viên địa chất Krông Nô theo các tiêu chí của UNESCO. Tham quan, học tập kinh nghiệm xây dựng - quản lý bảo tồn - khai thác phát triển bền vững di sản địa chất, công viên địa chất ở trong và ngoài nước. Đề xuất giải pháp bảo tồn, quản lý, khai thác và phát triển bền vững công viên địa chất. Nghiên cứu thành lập các loại bản đồ liên quan, ứng dụng tin học trong xây dựng cơ sở dữ liệu đề tài. Hợp tác quốc tế trong công tác nghiên cứu, phân tích chuyên sâu.

Số hồ sơ lưu: DNG-003-2019

75532. 07-2021. **Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên vùng ven biển Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh và đề xuất các giải pháp bảo vệ thích hợp/** TS. Lê Ngọc Thanh, TS. Nguyễn Siêu Nhân; CN. Nguyễn Quang Dũng; ThS. Lưu Hải Tùng; ThS. Đặng Hòa Vĩnh; CN. Nguyễn

Phi Hùng; CN. Dương Bá Mẫn; ThS. Võ Thị Hồng Quyên; ThS. Nguyễn Tiến Anh Minh; ThS. Đào Phú Quốc - TP. Hồ Chí Minh - Viện Địa lý tài nguyên Thành phố Hồ Chí Minh, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá hiện trạng và diễn biến điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, môi trường và kinh tế - xã hội sau quá trình phát triển từ năm 2000 đến nay. Đề xuất các giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên vùng ven biển Cần Giờ theo định hướng phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: HCM-0228-2018

78080. 07-2021. **Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí quy hoạch và thiết kế cây xanh cho các dự án xây dựng công trình giao thông/** TS. Lê Xuân Thái, TS. Hoàng Vũ; TS. Lư Thị Yến; ThS. Nguyễn Thị Phương Dung; ThS. Chu Phương Nhung; ThS. Phạm Thị Ngọc Thùy; ThS. Mai Thị Duyên; ThS. Lê Thị Ly; ThS. Nguyễn Đình; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Hoàng Thanh Tùng; ThS. Lê Thanh Hải - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2020 - 03/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí quy hoạch và thiết kế cây xanh cho đường quốc lộ, đường cao tốc (đoạn trong đô thị và ngoài đô thị) và đường thủy nội địa; Xây dựng được ngân hàng cây xanh phù hợp với các tiêu chí hoạch và thiết kế cây xanh cho đường quốc lộ, đường cao tốc và đường thủy nội địa.

Số hồ sơ lưu: 17866

10511. Khí hậu học

78075. 07-2021. **Nghiên cứu đánh giá hiện trạng và dự báo mức độ suy thoái các hệ sinh thái đầm phá ven biển duyên hải miền Trung do tác động của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, nước biển dâng và đề xuất giải pháp bảo vệ/** ThS. Phạm Thị Dinh, ThS. Đặng Thị Hương; ThS. Nguyễn Thị Duyên; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Lưu Văn Thủy; ThS. Ngô Sỹ Nghi; TS. Bùi Đình Khước; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt - Hà Nội - Viện Tài nguyên môi trường và Phát triển bền vững, 2020 - 05/2020 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập, tổng hợp tài liệu về điều kiện tự nhiên, hệ sinh thái, môi trường, tai biến thiên nhiên, kinh tế xã hội các đầm phá ven biển duyên hải miền Trung và vùng trọng điểm đầm Thị Nại (Bình Định). Điều tra khảo sát thực địa về điều kiện tự nhiên, hệ sinh thái, môi trường, các hoạt động kinh tế - xã hội, tác động của biến đổi khí hậu, thiệt hại do biến đổi khí hậu tại khu vực nghiên cứu. Xây dựng các bản đồ và chuyên đề hiện trạng và dự báo các biến động về điều kiện tự nhiên, hệ sinh thái, môi trường vùng đầm phá ven biển duyên hải miền Trung từ Thừa Thiên Huế đến Bình Thuận và vùng trọng điểm đầm Thị Nại (Bình Định) theo kịch bản biến đổi khí hậu: RCP4.5 cho năm 2030. Đề xuất các giải pháp bảo vệ hệ sinh thái chủ yếu, bảo vệ môi trường các đầm phá ven biển miền Trung Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 17871

10512. Hải dương học

77157. 07-2021. **Ứng dụng mô hình HEC-RAS đánh giá diễn biến xâm nhập mặn cho TP. Hồ Chí Minh dưới các kịch bản nước biển dâng và thay đổi lưu lượng thượng nguồn/ CN.** Nguyễn Thị Diễm Thúy, ThS. Lưu Đức Trung; ThS. Đỗ Quang Lĩnh; PGS. TS Nguyễn Xuân Hoàn - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2019 - 06/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, tổng hợp dữ liệu, tài liệu về điều kiện tự nhiên, hiện trạng xâm nhập mặn, dữ liệu mặt cắt và khí tượng thủy văn. Hiệu chỉnh và kiểm định mô hình HEC-RAS cho mô phỏng xâm nhập mặn ở TP. Hồ Chí Minh. Mô phỏng diễn biến xâm nhập mặn dưới ảnh hưởng của nước biển dâng và thay đổi lưu lượng thượng nguồn.

Số hồ sơ lưu: HCM-038-2020

106. Sinh học

10606. Sinh học phân tử

75530. 07-2021. **Tìm hiểu quá trình cuộn của protein thông qua tác động của ngoại lực/** Phạm Đăng Lân, Mai Xuân Lý; Phan Minh Trường - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực hiện mô phỏng động học phân tử cho khoảng 20 protein đặc trưng cuộn hai trạng thái, cuộn nhanh để theo dõi quá trình cuộn lại

khi có lực tác dụng. Từ dữ liệu mô phỏng, chúng tôi ước lượng Xf và so sánh với thực nghiệm. Tìm được mối tương quan giữa Xf với các đặc điểm cấu trúc khác nhau chẳng hạn bậc liên kết, tỷ lệ thành phần cấu trúc bậc hai, cho các lớp protein khác nhau. Thiết lập mối tương quan khả dĩ giữa Xf và Xu.

Số hồ sơ lưu: HCM-0226-2018

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

78421. 07-2021. **Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu điện cực hiệu năng cao từ vỏ trấu ứng dụng trong siêu tụ và ắc quy/** GS.TS. Mai Thanh Tùng, TS. Nguyễn Thị Thu Huyền; TS. Vũ Anh Tuấn; TS. Đặng Trung Dũng; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Đặng Việt Anh Dũng; TS. Bùi Thị Thanh Huyền; TS. Đinh Thị Phương Anh; TS. Nguyễn Thị Hồng Phượng; TS. Huỳnh Thu Sương; TS. Nguyễn Đăng Bình Thành; TS. Tống Thị Hoàng Dương; GS.TS. Nae-Lih Wu - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2020 - 10/2016 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo 02 vật liệu điện cực mới: cacbon xốp (và cacbon lao hóa oxit kim loại), nano CSiOx có tính nẫn cao từ vỏ trấu tự nhiên và nghiên cứu đặc tính hình thái, cấu trúc và tính chất điện hóa của vật liệu thu được. Nghiên cứu thử nghiệm ứng dụng vật liệu điện cực mới để chế thử siêu tụ và ắc quy. Tiếp thu và học hỏi kinh nghiệm, kỹ thuật tiên tiến về chế tạo vật liệu điện hóa của Đài Loan trong lĩnh vực vật liệu cho nguồn điện hiện đại (ắc quy ion liti và siêu tụ).

Số hồ sơ lưu: 17991

201. Kỹ thuật dân dụng

20102. Kỹ thuật xây dựng

76941. 07-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ muối trong đất đến chất lượng cọc đất trộn xi măng phục vụ cho thiết kế gia cố nền đường vùng đất nhiễm mặn/** ThS. Ông Hoàng Trúc Giang, Đinh Xuân Thắng; Lê Hoàng Phương; Nguyễn Hùng Linh; Nguyễn Thành Tấn; Hà Sơn Trí - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2018 - 07/2017 - 01/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu và so sánh đặc trưng về cường độ của đất sét yếu khi trộn với một hàm lượng xi măng nhất định trong từng trường hợp pha trộn với các hàm lượng muối khác nhau và nghiên cứu sự phát triển cường độ của chúng trong các thời điểm bảo dưỡng khác nhau. Qua đó đưa ra các kết quả phân tích, các kiến nghị áp dụng bộ dữ liệu nghiên cứu vào việc xử lý nền bằng cọc đất trộn xi măng tại các vùng đất yếu nhiễm mặn ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: HCM-034-2020

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

77679. 07-2021. **Nghiên cứu đánh giá hành động của thuyền viên tàu biển Việt Nam trong tình huống có nguy cơ đâm va khi hành trình trên biển, đề xuất những khuyến cáo nhằm nâng cao khả năng đảm bảo an toàn giao thông hàng hải/** PGS. TS. Phạm Văn Thuận, TS. Phạm Văn Tân;

ThS. Nguyễn Trung Chính; ThS. Đinh Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Đình Hải; ThS. Nguyễn Xuân Thịnh; KS. Nguyễn Văn Quảng; KS. Phạm Ngọc Tuấn; ThS. Trần Tuấn Lương; KS. Bùi Quốc Vũ; ThS. Đậu Văn Sơn; ThS. Phạm Đức Toàn - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 03/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá được các hành động đặc trưng của thuyền viên Việt Nam trong các tình huống có nguy cơ đâm va trên biển; Mối liên hệ giữa một số điều kiện ngoại cảnh và khả năng xử lý của thuyền viên Việt Nam trong các tình huống có nguy cơ đâm va trên biển. Đề xuất các khuyến nghị đảm bảo an toàn giao thông hàng hải dựa trên kết quả nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 17725

77697. 07-2021. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý ảnh trong việc phát hiện vật thể lạ (FOD:Foreign object debris detection)/** TS. Nguyễn Thanh Dũng, TS. Lê Nhật Bình; TS. Phan Thị Thanh Diệu; TS. Nguyễn Minh Tâm; KS. Nguyễn Văn Thanh; ThS. Lê Ngọc Thanh; KS. Đỗ Quang Tân; ThS. Trần Minh Triệu; ThS. Phạm Thị Ngọc Oanh; ThS. Cao Xuân Kim Anh; ThS. Võ Phi Sơn; ThS. Nguyễn Thị Linh Phương; ThS. Ngô Minh Nhựt - Hồ Chí Minh - Học viện Hàng không Việt Nam, 2020 - 04/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan và tiến hành thi công, thử nghiệm kiểm tra các tính

năng của hệ thống phát hiện vật thể FOD. Giao diện giám sát được xây dựng bằng phần mềm Matlab, trong đó công nghệ xử lý ảnh được ứng dụng để phân tích các ảnh chụp được từ camera bố trí trên sa bàn. Các kịch bản thí nghiệm cũng đã được xây dựng và tiến hành thử nghiệm để đánh giá khả năng của hệ thống. Mô hình được cập nhật sau các đánh giá kiểm thử và tài liệu về hướng dẫn đã được xây dựng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các người dùng tiếp cận được thuận tiện. Đã mô tả được sân bay và đã xử lý và phát tín hiệu cảnh báo khi có vật thể lạ được phát hiện.

Số hồ sơ lưu: 17728

20105. Kỹ thuật thủy lợi

78056. 07-2021. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và thử nghiệm thiết bị máng dòng chảy**/ PGS. TS. Đào Văn Tuấn, TS. Bùi Quốc Bình; TS. Phạm Văn Sỹ; TS. Trần Đức Phú; ThS. Nguyễn Tiến Thành; ThS. Nguyễn Thiện Thành; ThS. Nguyễn Gia Khánh; ThS. Phạm Ngọc Vương; KS. Ngô Việt Anh; KS. Trần Văn Bôn - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 03/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo máng dòng chảy có tính chất công nghiệp. làm chủ thiết kế và công nghệ chế tạo máng dòng chảy, phù hợp với trình độ công nghệ chế tạo trong nước, có thể tạo được dòng chảy phù hợp với dòng chảy trong kênh và sông tự nhiên, kích thước phù hợp với cơ sở vật chất sẵn có để thử nghiệm, phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

Số hồ sơ lưu: 17863

78333. 07-2021. **Nghiên cứu đánh giá rủi ro ngập lũ tại các ngầm tràn khu vực miền Trung và đề xuất hệ thống cảnh báo sớm**/ ThS. Nguyễn Văn Lực, TS. Hoàng Ngọc Tuấn; TS. Nguyễn Đăng Giáp; ThS. Trần Minh Thái; Kỹ sư. Phạm Ngọc Phúc; ThS. Lê Văn Thìn; TS. Nguyễn Quốc Hiệp; ThS. Đào Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Đức Diên; ThS. Nguyễn Ngô Quang Trung; PGS.TS. Nguyễn Quang Hùng - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực sông biển, 2020 - 10/2016 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá mức độ nguy hiểm và thực trạng cảnh báo của các ngầm tràn ở khu vực miền Trung. Xây dựng các tiêu chí xác định mức độ nguy hiểm trong mùa lũ của các ngầm tràn. Đưa ra các giải pháp cảnh báo sớm dựa trên công nghệ thông tin và tự động hóa cho các cụm ngầm tràn, nhằm tăng cường tính chủ động cho các cơ quan phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của chính quyền địa phương... Xây dựng thí điểm hệ thống cảnh báo sớm cho một khu vực nguy hiểm.

Số hồ sơ lưu: 17987

202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin

78318. 07-2021. **Truyền dẫn với hiệu quả phổ tần cao trong mạng di động băng rộng thế hệ mới: Phát triển kỹ thuật và mạng lưới hợp tác**/ PGS.TS. Nguyễn Lê Hùng, PGS.TS. Võ Nguyễn Quốc

Bảo; PGS.TS. Nguyễn Linh Trung; GS.TS. Lê Ngọc Thọ; PGS.TS. Trần Hữu Nghị; PGS.TS. Duy Ngo; GS.TS. Pierre Michel André Duhamel; PGS.TS. Nguyễn Văn Tâm; ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngân - Đà Nẵng - Đại học Đà Nẵng, 2019 - 03/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đề xuất một số kỹ thuật truyền dẫn có hiệu quả phổ cao cho truy cập dữ liệu di động, phổ biến lý thuyết và công nghệ truyền thông di động vô tuyến cho cộng đồng nghiên cứu và công nghiệp và thiết lập một nhóm nghiên cứu gồm các chuyên gia trong và ngoài nước trong lĩnh vực truyền thông không dây.

Số hồ sơ lưu: 17996

78323. 07-2021. **Nghiên cứu, chế tạo thử nghiệm anten MIMO đa búp sóng cho hệ thống thông tin di động sau 4G/** TS. Nguyễn Khắc Kiêm, PGS.TS. Nguyễn Hữu Trung; TS. Nguyễn Trung Dũng; TS. Hồ Mạnh Linh; PGS.TS. Nguyễn Văn Khang; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Hải; TS. Phạm Thành Công; ThS. Nguyễn Minh Đức; PGS.TS. Nguyễn Thúy Anh; ThS. Nguyễn Bích Huyền - Hà Nội - Viện Điện tử - Viễn thông, 2020 - 12/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát thực tiễn để tìm hiểu và thiết lập các chỉ tiêu kỹ thuật hệ thống, đánh giá tiên khả thi; Phân tích thiết kế tối ưu hệ thống, tiến hành mô phỏng khảo sát hiệu chỉnh thiết kế và cuối cùng chế tạo thử nghiệm và đo đạc các kết quả. Thiết

kế, chế tạo mẫu anten MIMO tích hợp hệ thống phần cứng có khả năng xử lý tín hiệu tạo đa búp sóng cho hệ thống thông tin di động sau 4G. Đề xuất thuật toán cho phép điều khiển định dạng búp sóng cho mẫu anten MIMO đa búp sóng cho hệ thống thông tin di động sau 4G. Từ đó triển khai thử nghiệm anten MIMO đa búp sóng cho hệ thống thông tin di động sau 4G.

Số hồ sơ lưu: 17992

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

75481. 07-2021. **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo mẫu thử nghiệm ra đa phân cực giám sát mặt biển EXCSR-P/** TSKH. Đào Chí Thành, - Hà Nội - Viện Công nghệ điện tử, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết kế chế tạo mẫu thử nghiệm ra đa EXCSR-P để khẳng định được các ưu điểm của phương pháp xử lý phân cực. Thiết kế hệ thống, kỹ thuật, cấu trúc các hệ thống chức năng ra đa EXCSR-P. Xác định tham số kỹ thuật của các hệ thống và khối chức năng.

Số hồ sơ lưu: HCM-0224-2018

75582. 07-2021. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và ứng dụng robot công nghiệp 6 bậc tự do/** KS. Lê Anh Kiệt, Nguyễn Thị Kim Trinh; KS. Lê Nguyễn Trung Kiên; KS. Phan Thanh Định; KS. Nguyễn Thành Nam; ThS. Nguyễn Hồng Phúc; KS. Nguyễn Phúc Hải; KS. Trần Công Tuấn; KS. Đỗ Tân Khoa;

KS. Lê Anh Tài - TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Chế tạo máy AKB, 2018 - 10/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát các ứng dụng của robot 6 trục. Nghiên cứu nâng cao chất lượng đầu cơ khí robot 6 trục sản xuất trong nước đạt chất lượng tương đương sản phẩm ngoại nhập. Đồng thời, tiến hành nghiên cứu về thiết kế chế tạo bộ điều khiển nhúng, phát triển các giải thuật điều khiển thích hợp để nâng cao chất lượng điều khiển.

Số hồ sơ lưu: HCM-0237-2018

77624. 07-2021. **Nghiên cứu xây dựng phần mềm cung cấp dịch vụ hành chính công cấp tỉnh trên cơ sở nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)/** ThS. Phạm Hồng Quảng, KS. Trương Thanh Bình; KS. Trương Thái Sơn; KS. Trần Vũ Lê Ven; KS. Bùi Văn Thông; ThS. Đỗ Thị Lan Anh; ThS. Nguyễn Hoàng Anh; ThS. Đỗ Mạnh Hùng; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Thúy Kiều; KS. Phạm Văn Tài - Quảng Nam - Trung tâm công nghệ Thông tin và Truyền thông Quảng Nam, 2020 - 10/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu mô hình cung cấp dịch vụ hành chính công hướng tới xây dựng trung tâm hành chính công dựa trên nền tảng chia sẻ tích hợp dữ liệu cấp tỉnh tại Quảng Nam. Phân tích và đề xuất các yêu cầu đối với việc cung cấp các dịch vụ hành chính công, hệ thống cung cấp dịch vụ hành chính

công. Thiết kế hệ thống hành chính công tập trung cung cấp dịch vụ công dựa trên nền tảng dịch vụ công cấp tỉnh. Xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ hành chính công dựa trên nền tảng dịch vụ công cấp tỉnh. Tiến hành các thử nghiệm để kiểm tra chức năng và hiệu năng hoạt động của hệ thống đúng với thiết kế. Đề xuất phương án cung cấp dịch vụ công cấp tỉnh trực tuyến; phương án duy trì, khai thác hệ thống cho địa bàn tỉnh Quảng Nam và đề xuất vận dụng cho các địa phương có điều kiện tương tự.

Số hồ sơ lưu: 17697

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

78054. 07-2021. **Thiết kế khôi xử lý tín hiệu thu phát tối ưu hiệu suất phổ và hiệu suất năng lượng trong mạng thông tin vô tuyến nhiều người sử dụng/** PGS. TS. Hà Hoàng Kha, TS. Tạ Quang Hùng; TS. Phạm Quang Thái; TS. Võ Quế Sơn - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích hiệu suất sử dụng phổ và hiệu suất năng lượng của hệ thống vô tuyến nhiều người sử dụng MIMO, mạng hỗn hợp và hệ thống truyền song công. Thiết kế các chiến lược truyền tín hiệu nhằm quản lý can nhiễu hiệu quả trong các hệ thống trên. Đề xuất giải thuật tối ưu mới cải tiến so với các phương pháp đang tồn tại trước đây để tối ưu hóa hiệu suất phổ và hiệu suất năng lượng. Phân tích tác động của các th

ông tin trạng thái kênh không hoàn hảo lên hiệu năng của hệ thống và đề xuất các giải pháp tối ưu hiệu quả dựa trên tối ưu tình huống xấu nhất để cố gắng lại sai số kênh truyền.

Số hồ sơ lưu: 17857

78083. 07-2021. **CACS-LMIMO: Giải pháp mã sửa lỗi tiệm cận dung lượng kênh cho hệ thống MIMO lớn/** TS. Nguyễn Văn Thủy, TS. Nguyễn Ngọc Điệp; PGS. TS. Phạm Văn Cường; TS. Nguyễn Trung Hiếu - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2020 - 06/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế giải pháp mã sửa lỗi cho phép truyền tải dữ liệu an toàn hơn và với tốc độ tiệm cận với dung lượng tối đa theo lý thuyết của hệ thống MIMO lớn. Giải pháp mã sửa lỗi đề xuất phải có cấu trúc lồng ghép và có ứng dụng thực tế, như độ phức tạp thấp, và cho phép có hiệu năng sửa lỗi và tốc độ cao. Đề xuất phương pháp thiết kế bộ mã hoá kênh LDPC mới cho phép hiệu năng cao và độ phức tạp thấp; Phương pháp thiết kế và phân tích hệ thống kết nối giữa bộ giải mã LDPC với các kỹ thuật tách sóng độ phức tạp thấp cho hệ thống MIMO cỡ lớn; Thiết kế bộ mã sửa lỗi có tốc độ thích ứng P-LDPC cho các hệ thống MIMO cỡ lớn. Giải pháp JSCC dựa trên P-LDPC codes và kết hợp an ninh vô tuyến (can nhiễu, nghe lén...) trong hệ thống MIMO cỡ lớn.

Số hồ sơ lưu: 17877

20207. Cơ điện tử; hệ vi cơ điện tử (MEMS),..

78031. 07-2021. **Phát triển quy trình công nghệ chế tạo transistor có độ linh động điện tử cao, ứng dụng cho các thiết bị điện tử công suất và tần số cao (HEMT)/** PGS. TS. Nguyễn Ngọc Trung, TS. Nguyễn Hoàng Thoan; TS. Lưu Thị Lan Anh; TS. Nguyễn Công Tú; TS. Lê Thị Hồng Liên; TS. Trần Thiên Đức; ThS. Nguyễn Trung Đô - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2019 - 09/2016 - 09/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng nhóm nghiên cứu, phát triển công nghệ, đạt trình độ quốc tế tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội về lĩnh vực chế tạo linh kiện điện tử thế hệ mới. Gắn kết nghiên cứu với đào tạo và giải quyết các vấn đề thực tế sản xuất, góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển định hướng xây dựng nền công nghệ sản xuất linh kiện điện tử tại Việt Nam. Xây dựng và thực hiện các dự án nghiên cứu hợp tác quốc tế và khu vực nhằm tiếp cận kỹ thuật - thành tựu công nghệ cao.

Số hồ sơ lưu: 17852

20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác

78356. 07-2021. **Nghiên cứu thiết kế và tối ưu hóa hiệu quả phát ánh sáng trắng ấm của đèn diốt bán dẫn dựa trên vật liệu quang nano và linh kiện nanorod-InGaN/** TS. Nguyễn Hoàng Duy, TS. Nguyễn Phạm Trung Hiếu; TS.

Lương Thị Bích; TS. Phạm Cao Thanh Tùng; Cử nhân. Lê Thanh Quang; Cử nhân. Nguyễn Minh Tý - Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Hóa Học, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano hexafluoride $A_2MF_6:Mn^{4+}$ ($A = K, Na, M = Si, Ti$) và vật liệu QDs perovskite mới $A(Pb,Sn)X_3$ ($A = Li, Na, Cs; X = Cl, Br, \text{ và } I$) phát ánh sáng đỏ, vàng, xanh với cường độ cao, có khả năng hấp thu hiệu quả vùng phát sáng của đèn LED. Nghiên cứu biến tính bề mặt vật liệu quang nano bằng các vật liệu bền nhiệt như silica và alkylphosphonate, làm tăng khả năng ứng dụng của vật liệu quang trong môi trường khắc nghiệt như độ ẩm cao và nhiệt độ cao. Chế tạo màng nhôm oxit (AAO) với các bề dày khác nhau, mật độ lỗ và kích thước lỗ khác nhau, ứng dụng màng AAO với kỹ thuật MBE chế tạo linh kiện InGaN cấu trúc nanorod tại các hàm lượng In tối ưu để linh kiện phát sáng một cách hiệu quả và giảm sự phát nhiệt. Mô phỏng, thiết kế và chế tạo đèn WLED phát sáng trắng hiệu quả cao và hệ số màu cao dựa trên các vật liệu phát quang nano hexafluoride và QDs perovskite và linh kiện nanorod InGaN.

Số hồ sơ lưu: 17970

203. Kỹ thuật cơ khí

20302. Chế tạo máy nói chung

77147. 07-2021. Nghiên cứu thiết kế và chế tạo máy tự động sản xuất túi vải không dệt dán bằng siêu âm/ TS. Ngô Mạnh Dũng,

- TP. Hồ Chí Minh - Đại học Nguyễn Tất Thành, 2019 - 12/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết kế chế tạo một hệ thống tự động sản xuất túi vải không dệt có năng suất cao, chất lượng đảm bảo và giảm giá thành sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường. Hệ thống được thiết kế chế tạo bao gồm 5 module kết nối thành dây chuyền liên tục: Module cấp vải; Module kéo vải - gấp mép - hàn biên ngang túi; Module gấp đôi vải; Module cụm vũ; Module đột lỗ quai - hàn biên dọc túi - cắt túi. Thiết bị cho phép sản xuất túi có kích thước trong khoảng 100:800 (R) x 200:600 (D) với năng suất tối thiểu 45 túi/phút; sử dụng vải không dệt loại 80 g/m²; hệ thống sử dụng công nghệ hàn dán bằng siêu âm với tần số cộng hưởng 20 kHz, công suất siêu âm 1.2 kW. Công suất máy tổng cộng 2,5 kW. Kích thước máy: 7.800 (D) x 1.800 (R) x 2.000 mm (C).

Số hồ sơ lưu: HCM-036-2020

20303. Chế tạo máy công cụ

75460. 07-2021. Hoàn thiện công nghệ và chế tạo máy phay lăn răng CNC công nghiệp/ PGS. TS. Lê Hiếu Giang, PGS. TS. Trương Nguyễn Luân Vũ; ThS. Lê Hồng Sơn; ThS. Võ Lâm Chương; ThS. Đặng Minh Phụng; ThS. Lê Linh; KS. Hồ Văn Thoi; ThS. Nguyễn Xuân Quang; KS. Nguyễn Đăng Nam; ThS. Nguyễn Bá Trương Đài - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, 2018 -

11/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng được giải thuật điều khiển nguyên lý bao hình để gia công bánh răng trụ răng thẳng, bánh răng trụ răng xoắn. Thiết kế mô hình máy 3D, 2D, mô phỏng và tính toán bền cho máy, viết chương trình điều khiển máy, thiết kế, chế tạo 1 máy phay lăng răng CNC. Gia công được bánh răng trụ răng thẳng bằng nhựa, đồng thau. Gia công bánh răng nghiêng chưa chính xác về đường xoắn trên vật liệu đồng thau

Số hồ sơ lưu: HCM-0219-2018

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

75578. 07-2021. **Nghiên cứu hoàn thiện thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị rửa đóng gói thanh long 3-4 tấn/giờ/** ThS. Đào Vĩnh Hưng, KS. Cao Hữu Thực; Ths. Lê Văn Quý; Ths. Đào Vĩnh Hiến; KS. Lường Văn An; TS. Lâm Trần Vũ; Ths. Nguyễn Tấn Ý; KS. Nguyễn Trọng Minh Khiêm; ThS. Lâm Đông Phó; KS. Nguyễn Vĩnh Phúc; KS. Huỳnh Tiến Trung; KS. Trần Ngọc Linh; KS. Ngô Văn Bình - TP. Hồ Chí Minh - Phân viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đặc điểm hình dạng và cơ lý tính của trái thanh long. Đặc điểm chất bản bám trên trái thanh long ruột đỏ và ruột trắng. Nghiên cứu qui trình công nghệ rửa cho thanh long. Xác định nguyên lý cho máy rửa thanh long. Tính toán thiết kế chế tạo máy rửa thanh long năng suất 3-4 tấn/giờ. Ứng dụng tại nhà

đóng gói và đánh giá hiệu quả kinh tế của máy rửa.

Số hồ sơ lưu: HCM-0235-2018

76940. 07-2021. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị tự động sấy hồng ngoại và khử khuẩn/** TS. Vũ Kế Hoạch, - TP. Hồ Chí Minh - Trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Thiết kế chế tạo được thiết bị đa năng tích hợp sấy - khử khuẩn tự động theo nguyên lý sấy bơm nhiệt hồng ngoại, khử khuẩn bằng tia cực tím. Thử nghiệm sấy và khử khuẩn cho trái thanh long thái lát và xác định các thông số vận hành hợp lý cho thiết bị sấy và khử khuẩn. Xây dựng được quy trình công nghệ sấy và khử khuẩn trái thanh long thái lát.

Số hồ sơ lưu: HCM-033-2020

77684. 07-2021. **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chế biến muối tinh và muối tinh I-ốt chất lượng cao ở tỉnh Bạc Liêu./** KS. Hồ Thanh Tuấn, KS. Nguyễn Thị Xuân Thảo; CN. Huỳnh Thị Mộng Thu; KS. Phan Khánh Minh; KS. Lê Văn Nhật Duật; CN. Nguyễn Thị Như Ý; KTV. Hồ Trúc Linh; KS. Hồ Thái Cửa; CN. Nguyễn Tiến Mau; KTV. Huỳnh Văn Hoàng; CN. Trần Minh Trí; KTV. Trương Bảo Kiên; KTV. Trần Trường Giang; KTV. Lưu Văn Hải; KTV. Hồng Quốc Thuận; ThS. Bùi Sơn Long; KS. Cao Văn Hảo; KS. Hoàng Tuấn Hải; KS. Hoàng Văn Thiên; KS. Nguyễn Gia Hùng - Bạc Liêu - Công ty cổ phần Muối

Bạc Liêu, 2020 - 06/2018 - 05/2020.
(Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận thành công các quy trình công nghệ để xây dựng được mô hình sản xuất, chế biến muối tinh và muối tinh I-ốt chất lượng cao ở tỉnh Bạc Liêu, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng muối sạch trong nước và xuất khẩu sang các nước trong khu vực, góp phần ổn định công ăn việc làm và đời sống cho diêm dân trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Thiết kế công nghệ, thiết kế máy móc, thiết kế quy hoạch mặt bằng tổng thể và mặt bằng bố trí các thiết bị trong hệ thống dây chuyền chế biến muối tinh và muối tinh I-ốt chất lượng cao. Xây dựng, cải tạo mặt bằng và lắp đặt các thiết bị, máy móc; vận hành chạy thử thiết bị công nghệ; vận hành thử nghiệm để lấy thông số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật; chạy thử nghiệm lô số 0 (sản lượng 500 tấn, gồm: 200 tấn muối tinh, 200 tấn muối tinh sấy và 100 tấn muối tinh I-ốt) để đánh giá mức độ ổn định của toàn bộ hệ thống dây chuyền thiết bị, máy móc.

Số hồ sơ lưu: 17722

20306. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy thủy lợi

78071. 07-2021. Nghiên cứu thiết kế hệ thống thoát nước bề mặt và kỹ thuật tưới nước tiết kiệm góp phần khống chế bệnh chết nhanh, chết chậm cây hồ tiêu vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ./ ThS. Bùi Công Kiên, PGS. TS. Đoàn Doãn Tuấn; PGS. TS. Nguyễn Thế Quảng; ThS. Trần Đăng Trung;

ThS. Phạm Thanh Bình; ThS. Phạm Văn Ban; ThS. Nguyễn Thế Hưng; ThS. Trần Thị Mai Lan; ThS. Chu Trung Kiên; ThS. Dương Thị Oanh - Hà Nội - Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường, 2019 - 01/2016 - 04/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng sản xuất hồ tiêu, thực trạng tưới nước, thực trạng thoát nước bề mặt và diễn biến bệnh chết nhanh, chết chậm trên cây hồ tiêu. Thiết kế mẫu hệ thống thoát nước bề mặt, hệ thống tưới tiết kiệm nước nhằm hạn chế bệnh chết nhanh, chết chậm cho cây hồ tiêu vùng Tây Nguyên và Đông Nam bộ. Đề xuất các giải pháp công nghệ tạo nguồn cấp nước cho cây hồ tiêu, đánh giá tính khả thi, phạm vi áp dụng phù hợp của các giải pháp này. Xây dựng và vận hành mô hình khảo nghiệm bố trí hệ thống thoát nước bề mặt và hệ thống tưới tiết kiệm nước cho cây hồ tiêu. Nghiên cứu đề xuất quy trình tưới nhỏ giọt, phun mưa cục bộ tại gốc, quy trình thoát nước bề mặt nhằm góp phần hạn chế bệnh chết nhanh, chết chậm cho cây hồ tiêu vùng Tây Nguyên và Đông Nam bộ.

Số hồ sơ lưu: 17867

20310. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy xây dựng

78321. 07-2021. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thử nghiệm thiết bị nghiền cơ động lắp trên máy xúc một gầu đáp ứng sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ các công trình phân tán tại Việt Nam/ TS. Trần Thanh An, ThS. Đỗ Hữu Tuấn; ThS. Phạm Như Nam; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; TS. Nguyễn Quang

Minh; ThS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Phạm Lê Ngọc; ThS. Vũ Anh Phương; ThS. Lưu Văn Anh - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2020 - 04/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo thiết bị nghiền lắp trên máy xúc một gầu phục vụ nghiền các loại vật liệu từ bê tông, gạch vữa cũ cho ra những vật liệu đảm bảo yêu cầu thực tế nhằm tận dụng nguồn nguyên, vật liệu tại chỗ đồng thời giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tăng chất lượng thổ nhưỡng.

Số hồ sơ lưu: 18006

20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác

78306. 07-2021. **Thúc đẩy áp dụng tiêu chuẩn về yêu cầu kỹ thuật đối với chất lượng sản phẩm hàn ISO 3834 cho các doanh nghiệp cơ khí chế tạo năm 2018/** ThS. Đỗ Hải Tĩnh, Kỹ sư. Phạm Quỳnh Châu; Cử nhân. Đào Mạnh Dũng; Kỹ sư. Nguyễn Gia Vinh; ThS. Lê Văn Sơn; Kỹ sư. Nguyễn Anh Tuấn; Kỹ sư. Đỗ Hải Phúc; ThS. Vương Thanh Phương; Kỹ sư. Nguyễn Duy Ninh; Kỹ sư. Đào Mạnh Quỳnh; ThS. Vũ Văn Mạnh; Cử nhân. Vũ Thị Hoa; Cử nhân. Lê Thị Khánh Ly - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo và Chuyển giao công nghệ Việt - Đức (Nay là Trung tâm chuyển giao công nghệ Việt - Đức), 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phổ biến, hướng dẫn áp dụng ISO 3834 cho khoảng 300 doanh nghiệp cơ khí thông qua các hội thảo; Đào tạo 20 chuyên gia tư vấn

triển khai áp dụng ISO 3834 vào doanh nghiệp; Xây dựng 10 mô hình điểm áp dụng thành công tiêu chuẩn về yêu cầu kỹ thuật đối với chất lượng sản phẩm hàn ISO 3834 theo 3 cấp độ. Tuyên truyền, phổ biến, quảng bá về kết quả thông qua các bài viết và bài báo. Nhân rộng áp dụng tiêu chuẩn ISO 3834 cho các doanh nghiệp cơ khí chế tạo nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn sản phẩm và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 18004

204. Kỹ thuật hóa học

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

77158. 07-2021. **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm NPV-SL (Nucleopolyhedrosis virus) sử dụng trừ sâu khoang (Spodoptera litura) trên rau muống nước ta tại thành phố Hồ Chí Minh/** TS. Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Hoài Hương; Huỳnh Nhi; Trương Công Lực; Hoàng Đắc Hoà; Trần Thế Lâm; Trần Thị Hồng; Dương Kim Hà; Hoàng Thị Kim Oanh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2019 - 09/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình sản xuất và sử dụng chế phẩm NPV-SL để trừ sâu hại rau muống nước tại thành phố Hồ Chí Minh. Đưa ra quy trình bảo quản virus NPV và quy trình sử dụng NPV trừ sâu khoang trên cây rau muống nước. Chuyển giao quy

trình sản xuất và sử dụng NPV trừ sâu khoang hại rau muống nước cho nông dân thông qua Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-039-2020

20403. Kỹ thuật hoá dược

75452. 07-2021. **Nghiên cứu thu nhận Chondroitin sulfate từ sụn ức gà/ GS. TS. Đông Thị Anh Đào, Lưu Thị Phiến; KS. Nguyễn Thị Nguyên; KS. Trần Thị Hồng Hạnh; KS. Nguyễn Thị Thanh Phượng; TS. Huỳnh Tiến Phong - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, 2018 - 05/2017 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu xử lý, bảo quản và lập tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu sụn ức gà. Nghiên cứu phương pháp phân tích Chondroitin sulfate (CS). Thiết lập quy trình công nghệ thu nhận CS bằng phương pháp thủy phân bởi protease. Tối ưu hóa các thông số kỹ thuật của từng quá trình thủy phân proteoglycan bởi xúc tác thủy phân của alcalase, flavaxim, protamex. Nghiên cứu kết hợp sóng siêu âm phá vỡ cấu trúc mô sụn, và xúc tác thủy phân của protease và quá trình tinh sạch CS bằng phương pháp hóa học và hóa lý. Tối ưu hóa quá trình tinh sạch CS. Tinh sạch CS bằng phương pháp lọc màng. Khảo sát sự ổn định chất lượng sản phẩm (xác định hạn sử dụng của sản phẩm CS dạng bột hòa tan).

Số hồ sơ lưu: HCM-0215-2018

76943. 07-2021. **Nghiên cứu bào chế viên nén 2 lớp chứa metformin hydroclorid 500 mg phóng thích kéo dài và sitagliptin 50 mg phóng thích tức thời/ ThS. Nguyễn Ngọc Nhã Thảo, - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Khoa học công nghệ Dược Sài Gòn, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu bào chế viên nén 2 lớp chứa metformin hydroclorid 500 mg phóng thích kéo dài và sitagliptin 50 mg phóng thích tức thời. Nghiên cứu nâng cấp cỡ lô lên quy mô 10.000 viên/lô. Xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm cho viên nén 2 lớp chứa metformin hydroclorid 500 mg phóng thích kéo dài và sitagliptin 50 mg phóng thích tức thời. Nghiên cứu độ ổn định của viên nén 2 lớp chứa metformin hydroclorid 500 mg phóng thích kéo dài và sitagliptin 50 mg phóng thích tức thời. Đánh giá và so sánh tương đương in vitro giữa viên nghiên cứu và 2 viên đối chiếu Glucophage XR 500 mg và Januvia 50 mg; giữa viên nghiên cứu với viên đối chiếu Janumet XR 50 mg/500 mg.

Số hồ sơ lưu: HCM-035-2020

77649. 07-2021. **Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính kháng viêm, chống ung thư của một số loài thuộc chi Fissistigma và Phaeanthus thuộc họ Na (Anonaceae) ở Việt Nam/ PGS. TS. Nguyễn Xuân Nhiệm, TS. Phạm Hải Yên; PGS. TS. Hoàng Lê Tuấn Anh; TS. Nguyễn Thị Cúc; ThS. Dương Thị Hải Yên; TS. Lê Thị Huyền - Hà Nội - Viện Hoá sinh biển, 2020 -**

10/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được tiềm năng hoạt chất sinh học chi Phaeanthus và Fissistigma, phát hiện ra được thành phần hoạt chất chính có tiềm năng của chi này, góp phần xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về các loài thuộc chi Phaeanthus và Fissistigma, tạo cơ sở khoa học cho những nghiên cứu ứng dụng tiếp theo. Tạo chiết phẩm thô và các phân đoạn dịch chiết cho nghiên cứu hóa học. Nghiên cứu phân lập và xác định cấu trúc hoá học các hợp chất (nghiên cứu 2-3 mẫu thực vật). Đánh giá hoạt tính sinh học của các chất tinh khiết theo 2 hoạt tính: hoạt tính kháng viêm và hoạt tính gây độc tế bào.

Số hồ sơ lưu: 17708

78084. 07-2021. **Thiết kế và tổng hợp các dẫn chất flavonoid và curcumin có hoạt tính ức chế sự thành lập và kết tập β -amyloid/PGS. TS. Thái Khắc Minh, PGS. TS. Lê Minh Trí; ThS. Huỳnh Nguyễn Hoài Phương; ThS. Trần Thái Sơn; ThS. Huỳnh Nghĩa Tín; ThS. Nguyễn Đắc Chí; TS. Ngô Triều Dũ - Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thiết kế và tổng hợp các dẫn chất flavonoid và curcumin có khả năng ức chế BACE-1 và ức chế sự kết tập β -amyloid đi từ nghiên cứu thiết kế trên in silico đến tổng hợp hóa học và thử nghiệm hoạt tính trên

in vitro. Xây dựng mô hình dự đoán khả năng ức chế β -amyloid 1-42. Thiết kế các cấu trúc flavonoid và curcuminiv. Nghiên cứu khả năng gắn kết giữa các cấu trúc thiết kế với cấu trúc β -secretase và β -amyloid 1-42 ở mức độ phân tử thông qua mô hình mô tả phân tử docking. Ứng dụng mô hình phân loại và dự đoán hoạt tính ức chế β -secretase xây dựng được trên các dẫn chất flavonoid và curcumin được thiết kế. Phân tích kết quả sàng lọc ảo để định hướng lựa chọn các cấu trúc flavonoid và curcumin có hoạt tính ức chế β -secretase trên in silico để tiến hành thực nghiệm. Tiến hành tổng hợp các dẫn chất flavonoid và curcumin. Khảo sát hoạt tính ức chế β -secretase trên in vitro của các dẫn chất flavonoid và curcumin tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: 17875

205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim

20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen

77658. 07-2021. **Nghiên cứu công nghệ chế tạo hợp kim mỹ nghệ hệ Đồng-Silic/ ThS. Lê Việt Dũng, ThS. Nguyễn Minh Đạt; ThS. Hoàng Văn Quân; KS. Hà Mạnh Thành; KTV. Nguyễn Huy Long; CN. Đào Thị Huệ - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mô - luyện kim, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Khảo sát ảnh hưởng của hàm lượng Si đến các tính chất công nghệ đúc mỹ nghệ. Đưa ra được kết luận với hàm lượng Si= 5% hợp kim Cu-

Si có tính đúc tốt, độ chảy loãng cao, và có tính in hình sản phẩm. Nghiên cứu khả năng chịu ăn mòn trong môi trường khí quyển tại Việt Nam của hợp kim Cu-Si. Hợp kim Cu-Si có khả năng chịu ăn mòn tốt trong môi trường khí quyển, hợp kim Cu-Si với Si:5% bền ăn mòn tốt nhất với môi trường khí quyển Việt Nam. 4. Chế tạo thành công sản phẩm đồng mỹ nghệ từ hợp kim Cu-Si và phối hợp kim Cu-Si được các đơn vị phối hợp đánh giá cao về thẩm mỹ và chất lượng sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17716

20509. Vật liệu kim loại

78327. 07-2021. **Nghiên cứu hoạt tính quang xúc tác của vật liệu khung cơ kim trong phân hủy các thuốc nhuộm hữu cơ dưới bức xạ ánh sáng khả kiến/** TS. Nguyễn Quốc Thiết, ThS. Nguyễn Châu Thanh Nhân; PGS.TS. Trần Ngọc Quyên; TS. Nguyễn Hoàng Duy; ThS. Nguyễn Huyền Minh Thủy; Kỹ sư. Nguyễn Bùi Quang Huy - Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng, 2017 - 10/2014 - 03/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các vật liệu khung cơ kim trên cơ sở các ion kim loại: Fe^{3+} , Zr^{4+} , Cu^{2+} , Cr^{3+} , Zn^{2+} và các ligand hữu cơ: terephthalic acid, isoterephthalic acid, benzenetricarboxylic acid. Gắn kết TiO_2 trên vật liệu khung cơ kim. Khảo sát một số đặc trưng hóa lý của các vật liệu khung cơ kim đã được tổng hợp. Khảo sát các đặc trưng hóa lý của các vật liệu khung cơ kim đã được tổng hợp và vật liệu khung cơ

kim đã gắn kết TiO_2 . Đánh giá khả năng hấp phụ trong môi trường nước của các vật liệu khung cơ kim đã được tổng hợp với một số hợp chất hữu cơ gây ô nhiễm phổ biến hiện nay như: phenol, orange G, methylene Blue, Rhodamine B, Remazol Brilliant Blue R. Đánh giá hoạt tính quang xúc tác của các vật liệu khung cơ kim đã được tổng hợp trong phân hủy các hợp chất hữu cơ gây ô nhiễm đã nêu; Lựa chọn các vật liệu khung cơ kim có hoạt tính quang xúc tác cao. Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến độ bền cấu, độ bền xúc tác, hoạt tính quang xúc tác của các vật liệu khung cơ kim đã được lựa chọn. Khảo sát độ bền của các vật liệu khung cơ kim đã được lựa chọn trong vai trò là xúc tác quang hóa.

Số hồ sơ lưu: 17985

20513. Gỗ, giấy, bột giấy

77626. 07-2021. **Đánh giá hiện trạng và tiềm năng ứng dụng công nghệ cao trong ngành công nghiệp giấy và đề xuất định hướng phát triển trong giai đoạn tới/** TS. Cao Văn Sơn, KS. Nguyễn Thị Hằng; KS. Trần Hoài Nam; KS. Đoàn Thị Lệ Huyền; KS. Ngô Văn Hữu; KS. Nguyễn Đình Hải; KS. Đào Sĩ Hinh; KS. Phạm Thị Thu Thảo; KS. Dương Thị Hằng - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulo, 2019 - 04/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát, đánh giá hiện trạng công nghệ - thiết bị sản xuất giấy, bột giấy và vật liệu phụ gia ngành giấy. Đánh giá hiện trạng và tiềm

năng ứng dụng công nghệ cao trong ngành công nghiệp giấy. Đề xuất các định hướng phát triển ứng dụng công nghệ cao trong ngành công nghiệp giấy giai đoạn 2025, tầm nhìn 2030.

Số hồ sơ lưu: 17698

20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp

78507. 07-2021. **Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp phát triển chuỗi cung ứng bền vững đối với ngành da giày Việt Nam/** PGS.TS. Nguyễn Thành Hiếu, ThS. Nguyễn Thị Nga; TS. Nguyễn Vũ Hùng; TS. Nguyễn Văn Hà; ThS. Lê Phan Hòa; ThS. Bùi Cẩm Vân; ThS. Lại Mạnh Khang; ThS. Tạ Minh Quang - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2018 - 03/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận và tổng quan các nghiên cứu liên quan đến phát triển chuỗi cung ứng bền vững. Xác định các tiêu chí cơ bản để đánh giá tính bền vững của ngành da giày Việt Nam. Tiến hành phân tích và đánh giá thực trạng phát triển chuỗi cung ứng bền vững sản phẩm và xác định các yếu tố thúc đẩy các doanh nghiệp da giày tham gia phát triển chuỗi cung ứng bền vững. Đồng thời, tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của ngành da giày Việt Nam. Từ đó, đề xuất một số giải pháp mang tính định hướng giúp đẩy mạnh phát triển chuỗi cung ứng bền vững sản phẩm da giày Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17395

20515. Vật liệu tiên tiến

76630. 07-2021. **Tổng hợp vật liệu Fe₃O₄/graphene aerogel ứng dụng làm chất hấp phụ hợp chất phenolic/** TS. Nguyễn Hữu Hiếu, PGS. TS. Huỳnh Kỳ Phương Hạ; TS. Hoàng Minh Nam; TS. Nguyễn Trường Sơn; TS. Phạm Trọng Liêm Châu; KS. Nguyễn Thị Thu Sương; KS. Ngô Văn Tuyền; KS. Nguyễn Trần Xuân Phương; KS. Nguyễn Minh Đạt; CN. Trần Hoàng Tú - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách Khoa TP. HCM, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng hợp thành công vật liệu tiên tiến Fe₃O₄/GA và bước đầu khảo sát khả năng hấp phụ của vật liệu này đối với hợp chất phenolic độc hại trong nước. Tìm ra được điều kiện khử: nồng độ GO, hàm lượng chất khử, nhiệt độ khử, thời gian khử và tác nhân khử phù hợp; điều kiện sấy thăng hoa: nhiệt độ cấp đông và áp suất phù hợp. Tổng hợp thành công vật liệu Fe₃O₄/GA với tỉ lệ tiền chất thích hợp để hấp phụ hiệu quả đối với hợp chất phenolic (mô hình đơn chất) và vật liệu có khả năng tái sử dụng sau khi hấp phụ.

Số hồ sơ lưu: HCM-016-2020

206. Kỹ thuật y học

20601. Kỹ thuật và thiết bị y học

75477. 07-2021. **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo giường y tế theo dạng module/** PGS. TS. Nguyễn Tấn Tiến, KS. Nguyễn Nhật Đăng Khoa; ThS. Nguyễn Xuân Huy; ThS. Nguyễn Châu Mai Phương; KS.

Nguyễn Văn Tiến Anh; KS. Nguyễn Trí Dũng; KS. Phạm Nhật Tân; CN. Nguyễn Châu Thanh Phương; Tống Nhật Phương; Dương Nhật Khang; Trần Đại Nhân; KS. Đoàn Vũ Hoàng Minh - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, 2018 - 04/2016 - 09/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các chức năng và cấu trúc giường y tế, từ đó đề xuất cấu trúc dạng lego. Nghiên cứu thiết kế cơ cấu dẫn động, nguyên lý các cụm chức năng của giường. Thiết kế đảm bảo tối ưu về mặt chuyển động, công suất, an toàn và hệ thống điều khiển. Chế tạo, thử nghiệm và hiệu chỉnh phần cơ khí và hệ thống điều khiển của giường.

Số hồ sơ lưu: HCM-0220-2018

76635. 07-2021. **Nghiên cứu ứng dụng ống giúp phát âm giúp phục hồi chức năng nói cho bệnh nhân sau phẫu thuật cắt thanh quản toàn phần/ PGS.TS. Trần Minh Trường, - TP. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Chợ Rẫy, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Hoàn thiện thiết kế ống giúp phát âm. Ứng dụng và xây dựng các bước đặt ống giúp phát âm giúp phục hồi chức năng phát âm cho bệnh nhân sau phẫu thuật cắt thanh quản toàn phần. Đánh giá kết quả việc sử dụng ống giúp phát âm cho phép của các tác giả và theo dõi diễn biến sau đặt ống giúp phát âm, ghi nhận các sự cố, tai biến xảy ra trong quá trình sử dụng ống.

Số hồ sơ lưu: HCM-021-2020

20603. Kỹ thuật phân tích mẫu thuốc

78320. 07-2021. **Thiết kế, tổng hợp, thử tác kháng ung thư của các dẫn chất N-hydroxybenzamid mới/ TS. Văn Thị Mỹ Huệ, TS. Đào Thị Kim Oanh; TS. Phạm Thế Hải; ThS. Trần Thị Lan Hương; Cử nhân. Trần Quốc Trung; Cử nhân. Đỗ Mai Hương; Cử nhân. Phạm Thị Hoa - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2020 - 08/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thiết kế và tổng hợp 30-40 dẫn chất N-hydroxybenzamid và dẫn chất liên quan hoặc tương tự mới có cấu trúc độc đáo hướng ức chế enzym HDAC và độc tính tế bào ung thư. Thử hoạt tính sinh học: Thử tác dụng ức chế enzym HDAC và độc tính tế bào ung thư (in vitro) của các dẫn chất tổng hợp được; Thử tác dụng chống ung thư in vivo của một số dẫn chất có độc tính tế bào in vitro mạnh. Thiết lập mối liên quan cấu trúc, tác dụng ức chế HDAC của các dẫn chất tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: 17995

207. Kỹ thuật môi trường

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

75531. 07-2021. **Nghiên cứu việc triển khai tích hợp hệ thống giám sát biến đổi khí hậu cho mạng lưới quan trắc môi trường thành phố Hồ Chí Minh/ PGS. TS. Nguyễn Kim Lợi, - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu, phân tích, xác định mối liên hệ, tương tác cơ bản giữa biến đổi khí hậu với các thành phần môi trường (không khí, nước). Đề xuất các thông số, hình thức quan trắc, số lượng và vị trí quan trắc tối ưu cần bổ sung cho hệ thống quan trắc môi trường TP. Hồ Chí Minh nhằm thực hiện công tác giám sát và đánh giá diễn biến biến đổi khí hậu. Xây dựng các quy trình, phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu của hệ thống tích hợp nhằm phục vụ công tác phân tích, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường có liên hệ với diễn biến biến đổi khí hậu và ngược lại.

Số hồ sơ lưu: HCM-0227-2018

77683. 07-2021. **Nghiên cứu phát triển hệ thống quan trắc tự động và xử lý môi trường nước nuôi tôm bằng phương pháp kết hợp UV - Điện từ trường - Ozone và phương pháp sinh học/** PGS. TS. Phạm Ngọc Tuấn, ThS. Trần Đại Nguyên; PGS. TS. Lê Thị Kim Phụng; PGS. TS. Nguyễn Phú Hòa; TS. Phan Thanh Lâm; ThS. Đoàn Văn Bảy; TS. Nguyễn Minh Hà; TS. Nguyễn Văn Tường; TS. Trương Đình Châu; TS. Trần Văn Hưng - Hồ Chí Minh - Phòng Thí nghiệm trọng điểm điều khiển số và kỹ thuật hệ thống, 2020 - 06/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các giải pháp khoa học công nghệ nhằm quan trắc tự động và xử lý ô nhiễm đảm bảo cho môi trường nước nuôi tôm đạt được các tiêu chí chất lượng đã xác định, đặc biệt cho nuôi tôm xuất khẩu. Nghiên cứu xác định các tiêu chí chất lượng môi trường nước nuôi

tôm đảm bảo sản phẩm (con tôm) đạt tiêu chuẩn chất lượng để được các nước nhập khẩu tôm của Việt Nam, trong đó có Hoa Kỳ, cho phép nhập khẩu vào các nước này.

Số hồ sơ lưu: 17720

77701. 07-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý về đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư và kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật đánh giá tác động môi trường cho dự án khai thác khoáng sản, sản xuất thép./** TS. Mai Thế Toàn, TS. Nguyễn Tùng Lâm; PGS. TS. Hồ Sĩ Giao; PGS. TS. Vũ Đình Hiếu; GS. TS. Lê Khánh Phồn; PGS. TS. Lê Trình; TS. Phạm Khang; TS. Nguyễn Thuý Lan; ThS. Nghiêm Việt Hải, Cử nhân. Nguyễn Văn Cường, ThS. Phan Mai Linh; ThS. Đoàn Thị Thanh Hằng; ThS. Nguyễn Tân Huyền; ThS. Trần Thị Ngọc; ThS. Hoàng Thị Hoa; TS. Lê Ngọc Ninh; TS. Phạm Hoài Nam; ThS. Bùi Phương Mỹ Dung - Hà Nội - Trung tâm Tư vấn, Đào tạo và Dịch vụ tài nguyên và Môi trường, 2020 - 11/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được thực trạng hệ thống đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hiện hành và thực trạng công tác quản lý, kiểm soát, giám sát môi trường của Việt Nam. Chỉ ra được những tồn tại và giải pháp khắc phục; Xây dựng được đề xuất hoàn thiện khung pháp lý, qui trình kỹ thuật đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư; Đề xuất

hoàn thiện khung pháp lý, qui trình kỹ thuật kiểm soát, giám sát môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động; Hình thành các hướng dẫn kỹ thuật (lập, thẩm định) báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án khai thác khoáng sản (khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên, khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò, khai thác khoáng sản có tính phóng xạ), dự án sản xuất thép.

Số hồ sơ lưu: 17731

78319. 07-2021. **Nghiên cứu cơ chế nước dâng sau bão tại ven biển Bắc Bộ bằng mô hình số trị tích hợp và đề xuất cải tiến công nghệ dự báo trong bối cảnh biến đổi khí hậu**/ PGS.TS. Nguyễn Bá Thủy, ThS. Vũ Hải Đăng; TS. Đỗ Đình Chiến; TS. Nguyễn Hồng Lâm; Cử nhân. Phạm Khánh Ngọc; ThS. Nguyễn Văn Hương; TS. Dư Đức Tiến - Hà Nội - Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia, 2020 - 12/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển thành công mô hình số trị tích hợp nước dâng, sóng và thủy triều có xét đến quá trình tương tác sóng và nước dâng bão tại biên lớp mặt và đáy. - Đánh giá được định lượng tương tác giữa thủy triều, sóng biển tới nước dâng bão. - Xác định được nguyên nhân và cơ chế gây hiệu ứng nước dâng sau khi bão đổ bộ. Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới hiện tượng nước dâng sau bão theo số liệu bão từ mô hình thống kê toàn cầu. Đề xuất cải tiến công nghệ phù hợp cho dự báo hiện tượng nước dâng xuất hiện sau khi

bão đổ bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 17994

78373. 07-2021. **Nghiên cứu xây dựng mô hình tính toán trường động lực khu vực trong vùng sóng đổ phục vụ đánh giá dòng chảy nguy hiểm ven bờ; áp dụng thí điểm cho bãi biển Cửa Lò - Nghệ An**/ PGS.TS. Phùng Đăng Hiếu, ThS. Nguyễn Hải Anh; ThS. Nguyễn Thị Khang; ThS. Lê Đức Dũng; Kỹ sư. Nguyễn Hoàng Anh; ThS. Vũ Sinh Khiêu; TS. Trần Đức Trứ; ThS. Vũ Thị Hiền; TS. Nguyễn Tài Hợi; PGS.TS. Bùi Xuân Thông - Hà Nội - Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, 2020 - 07/2016 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan trên thế giới và ở Việt Nam về nghiên cứu tính toán sóng, dòng chảy sóng ven bờ, từ đó đánh giá được, đưa ra được những điểm còn hạn chế để đề tài nghiên cứu phát triển một mô hình toán phù hợp cho điều kiện Việt Nam. Nghiên cứu và phát triển thành công một mô hình toán cho phép mô phỏng, tính toán động lực sóng ven bờ và trong vùng sóng đổ dựa trên việc cải tiến hệ phương trình Boussinesq và giải số theo phương pháp số hiện đại. Mô hình toán đã được kiểm nghiệm theo các điều kiện lý thuyết và thực nghiệm trên thế giới cho kết quả tốt.

Số hồ sơ lưu: 18000

20706. Kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển

78101. 07-2021. **Nghiên cứu giải pháp thiết kế hợp lý kết cấu**

cho phương tiện thủy nội địa phù hợp với đồng bằng sông Cửu Long/ PGS. TS. Vũ Ngọc Bích, TS. Đỗ Hùng Chiến; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa; ThS. Lê Đức Cảnh; ThS. Nguyễn Thị Hải Vân; ThS. Nguyễn Văn Công; ThS. Nguyễn Huy Minh; ThS. Trần Xuân Dục - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng chương trình tính toán, đánh giá độ bền toàn tàu bằng phương pháp phần tử hữu hạn, đưa ra kết quả phân tích kết cấu hợp lý cho một số chủng loại phương tiện vận tải thủy nội địa điển hình hoạt động vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đưa ra giải pháp hợp lý trong việc phân tích, tính toán thiết kế kết cấu tàu nhằm tiết kiệm vật liệu, giảm khối lượng tàu không, mang lại hiệu quả tốt hơn (giảm chi phí) trong suốt vòng đời của phương tiện thủy nội địa.

Số hồ sơ lưu: 17710

20708. Kỹ thuật bờ biển

78328. 07-2021. Nghiên cứu xây dựng mô hình sinh thái bền vững trên vùng triều ven biển đồng bằng sông Cửu Long/ TS. Nguyễn Hoàng Hanh, TS. Đỗ Quý Mạnh; PGS.TS. Trịnh Văn Hạnh; PGS.TS. Đinh Công Sản; PGS.TS. Lương Văn Thanh; PGS.TS. Mai Sỹ Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy; TS. Ngô Xuân Nam; ThS. Mai Trọng Luân; TS. Chu Chí Thiệt - Hà Nội - Viện Sinh thái và Bảo vệ Công trình, 2020 - 01/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến nội dung nghiên cứu. Nghiên cứu hiện trạng các hệ sinh thái (HST) của 3 khu vực vùng triều ven biển Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Xây dựng nhóm tiêu chí để đánh giá các mô hình sinh thái vùng ven biển. Thiết kế các mô hình sinh thái bền vững ở vùng triều ven biển các tỉnh ĐBSCL. Xây dựng 02 mô hình thí điểm ở 02 vùng triều ven biển Đông và ven biển Tây, ĐBSCL. Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật xây dựng, quản lý và vận hành mô hình sinh thái bền vững trên vùng triều ven biển các tỉnh ĐBSCL.

Số hồ sơ lưu: 17976

208. Công nghệ sinh học

20899. Công nghệ sinh học môi trường khác

78335. 07-2021. Đánh giá lịch sử ô nhiễm, xu hướng tích lũy và rủi ro sinh thái của một số nhóm chất halogen hữu cơ khó phân hủy tại khu vực ven biển miền trung Việt Nam/ PGS.TS. Từ Bình Minh, TS. Trịnh Thị Thắm; ThS. Vi Mai Lan; PGS.TS. Lê Thị Trinh; TS. Nghiêm Xuân Trường; ThS. Đặng Minh Hương Giang - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 09/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát thực địa, thu thập thông tin về các khu vực ven biển trải dài từ Nghệ An đến Quảng Nam. Các mẫu trầm tích mặt và trầm tích cột sẽ được thu thập tại các địa điểm khác nhau thuộc vùng ven biển thuộc các tỉnh Nghệ An, Quảng

Bình, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam. Nghiên cứu và tiến hành phân tích hàm lượng của các nhóm chất OCPs, PCBs, PBDEs và HBCDs trong mẫu trầm tích và động vật nhuyễn thể 2 mảnh vỏ. Quy trình phân tích được kiểm soát chất lượng trong tất cả các bước như xử lý sơ bộ, chiết tách, làm sạch dịch chiết, cô đặc làm giàu, định lượng trên thiết bị phân tích hiện đại (GC/ECD, GC/MS và LC/MS/MS), xử lý số liệu và báo cáo kết quả. Xác định lượng vết và siêu vết các nhóm chất OCPs, PCBs, PBDEs và HBCDs trong trầm tích cội, đánh giá lịch sử, xu hướng và đặc tính tích lũy sinh học của các nhóm hợp chất nói trên. So sánh sự phân bố về hàm lượng của các nhóm chất này theo độ sâu của cội trầm tích để tìm ra những quy luật về sự biến đổi và tích lũy của chúng.

Số hồ sơ lưu: 17973

209. Công nghệ sinh học công nghiệp

78111. 07-2021. **Nghiên cứu thành phần hoá học, đánh giá hoạt tính sinh học của một số hợp chất chính phân lập được từ cây xạ đen tại tỉnh Hoà Bình. Thử nghiệm tạo chế phẩm làm thực phẩm hỗ trợ sức khỏe từ các cao chiết tiềm năng/** GS.TS. Đặng Đình Kim, TS. Vũ Thị Nguyệt; GS.TS. Bùi Thị Kim Anh; ThS. Nguyễn Hồng Chuyên; PGS.TS. Nguyễn Tiến Đạt; TS. Nguyễn Hải Đăng; CN. Phạm Thanh Bình; PGS.TS. Lê Mai Hương; TS. Trần Thị Hồng Hà; TS. Trần Thị Như Hằng - Hoà Bình - Viện Công nghệ môi trường, 2018 - 08/2016 -

12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Có được số liệu về đặc điểm sinh học, phân bố và trữ lượng cây xạ đen tại Hoà Bình. Xác định được thành phần hoá học chính của cây xạ đen trồng tại tỉnh Hoà Bình. Đánh giá được hoạt tính sinh học của cao chiết và các hoạt chất chính phân lập được. Thử nghiệm tạo chế phẩm làm thực phẩm hỗ trợ sức khỏe từ các cao chiết tiềm năng.

Số hồ sơ lưu: HBH-006-2020

210. Công nghệ nano

76754. 07-2021. **Tổng hợp nano bạc có khả năng kháng khuẩn cao bằng phương pháp hóa học xanh sử dụng dịch chiết các quả họ citrus làm tác nhân khử và ổn định/** KS. Dương Huỳnh Thanh Linh, CN. Lê Thanh Quang; ThS. Nguyễn Phụng Anh; KS. Trương Thị Ái Mi; TS. Hoàng Tiên Cường - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát ảnh hưởng các yếu tố đến quá trình tổng hợp AgNPs sử dụng dịch chiết quả chanh, tác: ánh sáng, thời gian, nhiệt độ, nồng độ AgNO₃, tốc độ khuấy, tỷ lệ thể tích dung dịch AgNO₃/dịch chiết và loại dịch chi. Ảnh hưởng sóng siêu âm đến quá trình tổng hợp AgNPs. Đánh giá độ bền của các dung dịch AgNPs được tổng hợp ở điều kiện phù hợp nhất và hoạt tính kháng khuẩn của các dung dịch AgNPs được tổng hợp đối với 2 loại vi khuẩn (-) E. coli và (+) B. subtilis. Quy trình công nghệ tổng hợp AgNPs bằng phương pháp

hóa học xanh sử dụng dịch chiết quả chanh và tác làm tác nhân khử và ổn định. Phân tích tính chất lý hóa và hoạt tính kháng khuẩn của các mẫu AgNPs.

Số hồ sơ lưu: HCM-024-2020

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

75553. 07-2021. **Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano kháng khuẩn trên cơ sở kết hợp ZnO và TiO₂ hướng đến ứng dụng trên gạch men và PVC/ PGS. TS. Huỳnh Kỳ Phương Hạ, TS. Lê Minh Viễn; TS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Trần Thị Thanh Thúy; ThS. Nguyễn Trương Xuân Minh; Th.S. Nguyễn Thị Bạch Tuyết; Th.S. Trần Minh Hương; KS. Lê Anh Bảo Quỳnh; KS. Đỗ Thị Minh Hiếu - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2018 - 08/2016 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu các quy trình sản xuất vật liệu kháng khuẩn dựa trên ZnO và TiO₂. Ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau đến cấu trúc sản phẩm ZnO như tỷ lệ chất phản ứng, nhiệt độ phản ứng, nhiệt độ nung, thời gian nung. Ảnh hưởng của chất tạo phức EDTA đến cấu trúc vật liệu (vật liệu có cấu spinel hay erovskite sẽ được hình thành). Ảnh hưởng của pH và chất phân tán ethylene glycol đến kích thước của vật liệu kháng khuẩn.

Số hồ sơ lưu: HCM-0231-2018

78324. 07-2021. **Thiết kế các vật liệu nano đa chức năng trên**

nền oligomer của polysaccharide tự nhiên áp dụng trong nông nghiệp/ GS.TS. Trần Thái Hòa, PGS.TS. Nguyễn Đức Cường; TS. Nguyễn Thanh Định; PGS.TS. Nguyễn Quốc Hiến; TS. Nguyễn Thị Thu thủy; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp Ag/COS, Cu/COS, Au/dextran, Pt/chitosan và Zn(II)-COS, Cu(II)-COS. Tổng hợp nanoparticles: AgNPs/silica (SiO₂@Ag), CuNPs/silica (SiO₂@Cu), CuAgNPs/silica (SiO₂@AgCu). Phát triển vật liệu nano mới (các loại vật liệu nano Ag, Au, Pt, Cu, SiO₂@Cu, SiO₂@Ag, vật liệu đa chức năng, ...), khám phá hoạt tính sinh học của nó và ứng dụng kích thích tăng trưởng trên cây trồng trong nhà lưới.

Số hồ sơ lưu: 17986

211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống

76628. 07-2021. **Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất giấm từ xoài phụ phẩm bằng phương pháp lên men hồi lưu/ Th.S. Lê Thị Mỹ Phương, - TP. Hồ Chí Minh - Phân viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2019 - 12/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất giấm từ xoài phụ phẩm bằng phương pháp lên men hồi lưu. Khảo sát chất lượng từ các nguồn xoài phụ phẩm khác nhau: thịt xoài

vụn từ quy trình sản xuất xoài đông lạnh, quy trình sản xuất xoài sấy dẻo. Tiến hành lựa chọn chế phẩm enzyme, chế phẩm nấm men thương mại, chủng vi khuẩn acetic cho các công đoạn quy trình lên men giấm từ thịt vụn xoài. Các thí nghiệm khảo sát được thực hiện đưa ra thông số phù hợp cho quy trình. Quy trình được sản xuất thử nghiệm tại xưởng thực nghiệm thuộc Cty TNHH Nông Phẩm Xanh.

Số hồ sơ lưu: HCM-014-2020

21101. Kỹ thuật thực phẩm

78406. 07-2021. Nghiên cứu xây dựng và triển khai thí điểm mô hình quản trị và phân phối hàng nông sản sạch truy xuất nguồn gốc xuất xứ: Trường hợp ngành hàng bò thịt/ TS. Trần Công Thắng, ThS. Phan Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Hải Linh; ThS. Nguyễn Ngọc Luân; ThS. Nguyễn Nam Trung; ThS. Bùi Thị Việt Anh; Cử nhân. Phạm Đức Thịnh; Cử nhân. Nguyễn Văn Trọng; ThS. Nguyễn Văn Hồng; Cử nhân. Phan Đắc Sơn; TS. Đặng Kim Khôi - Hà Nội - Trung tâm Tư vấn Chính sách Nông nghiệp, 2020 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thị hiếu và nhu cầu tiêu dùng, xác định các phân khúc thị trường tiêu thụ thịt bò tại Việt Nam. Nghiên cứu các chuỗi cung ứng, phân phối thịt bò và xác định các kênh cung ứng bò sạch đảm bảo chất lượng. Đánh giá tính khả thi để xây dựng và triển khai thí điểm mô hình quản trị và phân phối bò thịt sạch. Thí điểm 1 mô hình chuỗi cung

ứng/phân phối bò thịt sạch ứng dụng công nghệ, quản trị hiện đại trong hoạt động phân phối hàng nông sản sạch truy xuất nguồn gốc xuất xứ. Thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin, mô hình quản trị hiện đại trong hoạt động phân phối gắn với sản xuất nhằm kiểm soát hàng hóa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm từ sản xuất đến tiêu dùng

Số hồ sơ lưu: 17977

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác

78110. 07-2021. Nghiên cứu xây dựng chương trình hợp tác về khoa học và công nghệ giữa tỉnh Hòa Bình và một tỉnh/thành của Hàn Quốc, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hòa Bình/ TS. Trần Quang Tuấn, TS. Nguyễn Xuân Toàn; GS.TS. Phan Thế Long; ThS. Trần Thị Hồng Lan; TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; ThS. Đinh Thị Hoàn; CN. Bùi Văn Hiếu - Hòa Bình - Trung tâm nghiên cứu và phát triển truyền thông KH&CN, 2019 - 01/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu, xây dựng chương trình hợp tác về (khoa học và công nghệ) KH&CN giữa tỉnh Hòa Bình và một tỉnh/thành của Hàn Quốc, góp phần phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) tỉnh Hòa Bình. Chương trình hợp tác về KH&CN được ký kết bởi cấp có thẩm quyền. Triển khai đề tài này góp phần thúc đẩy quá trình hợp tác quốc tế về KH&CN của tỉnh Hòa Bình, trên cơ sở hợp tác về KH&CN, tỉnh Hòa Bình sẽ có điều kiện tiếp tục mở

rộng về hợp tác đầu tư, đào tạo, du lịch,... góp phần phát triển KT - XH tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: HBH-004-2020

3. Khoa học y, dược

302. Y học lâm sàng

30201. Nam học

77700. 07-2021. **Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất bộ kit xác định mức độ đứt gãy ADN của tinh trùng phục vụ chẩn đoán vô sinh nam giới/** TS. Nguyễn Thị Trang, ThS. Phan Quốc Việt; TS. Vũ Thị Huyền; ThS. Nguyễn Minh Thu; Lê Thị Minh Phương; ThS. Đồng Sỹ Huy; ThS. Phan Văn Hương; ThS. Trần Hải Yến; ThS. Trần Lê Giang; Lê Thị Quyên; ThS. Hồ Thị Thanh Thủy; Nguyễn Bá Mạnh; ThS. Khổng Minh Ngân; CN. Trần Hương Giang; TS. Triệu Tiến Sang; ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc; ThS. Bùi Bích Mai - Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Á, 2020 - 07/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng thành công quy trình pha chế bộ kit xác định mức độ đứt gãy ADN tinh trùng. Xác định được mối liên quan giữa tỷ lệ đứt gãy ADN tinh trùng với các chỉ số tinh dịch đồ, nguy cơ sảy thai chết lưu và giãn tĩnh mạch tinh. Hoàn thiện được quy trình công nghệ sản xuất bộ kit xác định mức độ đứt gãy ADN của tinh trùng, phục vụ chẩn đoán vô sinh nam giới. Nâng cấp tiêu chuẩn cơ sở của bộ kit đạt tương đương tiêu chuẩn quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 17729

30204. Hệ tim mạch

77159. 07-2021. **Hiệu quả phục hồi chức năng tim mạch trên bệnh nhân sau phẫu thuật van tim và bắc cầu mạch vành/** ThS. BS. Nguyễn Hoài Nam, PGS.TS.BS. Đỗ Quang Huân - TP. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Phục Hồi Chức Năng – Điều Trị Bệnh Nghề Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá hiệu quả của chương trình phục hồi chức năng (PHCN) tim mạch sau 6 tuần ở các bệnh nhân sau phẫu thuật van tim và bắc cầu mạch vành bằng test đi bộ 6 phút; chương trình PHCN tim mạch sau 6 tuần ở các bệnh nhân sau phẫu thuật van tim và bắc cầu mạch vành bằng lượng oxy đỉnh tiêu thụ; chương trình PHCN tim mạch sau 6 tuần ở các bệnh nhân sau phẫu thuật van tim và bắc cầu mạch vành bằng chỉ số MET. Hiệu quả của chương trình PHCN tim mạch sau 6 tuần ở các bệnh nhân sau phẫu thuật van tim và bắc cầu mạch vành bằng thang điểm HRQOL.

Số hồ sơ lưu: HCM-040-2020

30214. Nha khoa và phẫu thuật miệng

76812. 07-2021. **Nghiên cứu ứng dụng huyết tương giàu tiểu cầu (PRP) trong điều trị viêm nha chu/** PGS.TS. Phạm Anh Vũ Thụy, Trần Lê Bảo Hà; Đoàn Nguyên Vũ; Nguyễn Thị Ngọc Mỹ; Trịnh Ngọc Lê Vân; Trần Thị Phương Thảo; Nguyễn Hưng Khánh; Kiều Quốc Thoại; Ngô Thị Quỳnh Lan; Trần Yến Nga - TP. Hồ Chí Minh - Đại

học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, 2019 - 10/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu nhận và đánh giá được tác động của huyết tương giàu tiểu cầu (PRP) lên đặc điểm sinh học của các loại tế bào liên quan đến lành thương nha chu. Phân lập được vi khuẩn *Porphyromonas gingivalis* từ mảng bám dưới nướu người và đánh giá tác động kháng khuẩn của PRP lên vi khuẩn *Porphyromonas gingivalis*. Đánh giá hiệu quả của PRP với vật liệu thay thế xương trong điều trị khuyết hồng xương do viêm nha chu.

Số hồ sơ lưu: HCM-026-2020

30215. Da liễu, Hoa liễu

77648. 07-2021. **Nghiên cứu xây dựng quy trình điều trị bệnh vẩy nến thông thường thể vừa và nặng bằng tia cực tím dải hẹp (UVB - 311nm) tại Việt Nam/ PGS. TS. Nguyễn Văn Thường, TS. Phạm Thị Minh Phương; PGS. TS. Phạm Thị Lan; BSNT. Đinh Hữu Nghị; TS. Lê Huyền My; Vũ Thanh Tùng; ThS. Trịnh Minh Trang; BSCCKII. Trịnh Thị Phượng; BSNT. Nguyễn Minh Thu; BSNT. Hoàng Văn Tâm - Hà Nội - Bệnh viện Da liễu Trung ương, 2019 - 01/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Đánh giá được kết quả điều trị lâm sàng bệnh vẩy nến thể thông thường mức độ vừa và nặng bằng tia cực tím dải hẹp (UVB-311nm). Xác định được một số thay đổi miễn dịch (IL-17, IL-23, TNF- α trong máu và Tế bào Langerhans tại da) trước và sau điều

trị. Xây dựng được quy trình điều trị bệnh vẩy nến thể thông thường mức độ vừa và nặng bằng tia cực tím dải hẹp (UVB-311nm) cho người Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17715

30217. Bệnh về khớp

75457. 07-2021. **Nghiên cứu quy trình phân lập, nuôi cấy, biệt hóa tế bào gốc tủy xương, hướng đến ghép điều trị bệnh lý tổn thương xương/ PGS. TS. Trần Công Toại, ThS. Phan Kim Ngọc - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tiến hành lấy tủy xương người nuôi cấy tăng sinh, biệt hóa tạo thành nguyên bào xương. Sau đó, chuyển các nguyên bào xương này vào giá thể san hô. Xác định tính chất của tế bào sau nuôi cấy bằng phương pháp nhuộm mô học thông thường, nhuộm hóa mô miễn dịch huỳnh quang và RT-PCR để định danh tế bào gốc từ tủy xương và nguyên bào xương sau quá trình biệt hóa. Lập lại quy trình tương tự trên tế bào người để đánh giá trên tế bào thỏ. Phân lập, nuôi cấy tế bào từ tủy xương thỏ trên giá thể san hô, đánh giá tế bào theo quy trình. Xây dựng mô hình thỏ ghép tự thân nguyên bào xương trên giá thể san hô, xác định tính chất lành xương bằng hình ảnh X-quang học và mô học. Tiến hành ghép tế bào tự thân trên mảnh san hô để điều trị một số trường hợp bệnh lý về xương trên bệnh nhân tình nguyện và tiến hành theo dõi trong khoảng thời gian từ 6 tháng

đến 1 năm. Đánh giá, theo dõi và ghi nhận kết quả nghiên cứu trên lâm sàng và bằng hình ảnh học cho mỗi trường hợp ghép.

Số hồ sơ lưu: HCM-0218-2018

75549. 07-2021. **Nghiên cứu đánh giá kết quả sau một năm thực hiện thủ thuật: Giảm áp đĩa đệm cột sống cổ bằng laser qua da (Percutaneous Laser Cervical Disc Decompression – PLCDD)/** PGS. TS. Trần Công Duyệt, - TP. Hồ Chí Minh - Viện Ngoại khoa Laser, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Giảm áp suất nội đĩa đệm là nhằm giảm bớt một phần hay hoàn toàn những khiếm khuyết về thần kinh cảm giác và vận động nhờ hiệu ứng bốc bay tổ chức, co rút collagen, giảm áp, triệt tiêu sự phân bố của các thụ thể thần kinh, ngoài ra nhiệt độ thấp ở vòng ngoài còn tạo nên hiệu ứng kích thích sinh học, có tác dụng tăng cường tuần hoàn tại chỗ, chống viêm, tái tạo tổ chức của laser. Thủ thuật giảm áp đĩa đệm cột sống cổ bằng laser qua da (Percutaneous Laser Cervical Disc Decompression - PLCDD) là một thủ thuật được thực hiện dưới gây tê tại chỗ ít xâm lấn, an toàn, hậu phẫu nhẹ nhàng, hiệu quả cao, sau can thiệp PLCDD không ảnh hưởng tới phẫu thuật nếu cần, một thủ thuật không thể thiếu trong hệ thống điều trị bệnh cột sống cổ.

Số hồ sơ lưu: HCM-0223-2019

78117. 07-2021. **Nghiên cứu mật độ xương, tỷ lệ loãng xương và nồng độ osteocalcin (tạo xương) và c-telopeptide crosslink (huỷ**

xương) huyết thanh ở đối tượng thừa cân, béo phì tại tỉnh Hòa Bình/ BS. Đào Quốc Việt, BS. Chu Thị Thu Hoài; BS. Nguyễn Tiến Anh; CN. Phạm Thị Hương; CN. Nguyễn Thị Minh Lý; BS. Tạ Huy Kiên; BS. Bùi Thị Lan Phương; BS. Nguyễn Ngọc Điền; BS. Trần Quý Dương; CN. Phạm Sơn Tùng - Hòa Bình - Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ tỉnh Hòa Bình, 2018 - 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tình hình nghiên cứu và các vấn đề đặt ra mật độ xương, tỉ lệ loãng xương và một số dấu ấn chuyển xương ở đối tượng thừa cân, béo phì. Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu. khám lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá thực trạng về tình hình thừa cân, béo phì tại PK&QLSK cán bộ tỉnh Hoà bình. Đánh giá các yếu tố nguy cơ thừa cân, béo phì, loãng xương, mối liên quan giữa mật độ xương và thừa cân béo phì tại Hoà Bình. Đề xuất, kiến nghị các phương án phòng và điều trị bệnh loãng xương trên đối tượng thừa cân, béo phì.

Số hồ sơ lưu: HBH-013-2020

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

75579. 07-2021. **Nghiên cứu một số tính chất phân tử của ung thư vòm họng trên người bệnh Việt Nam/** PGS. TS. Lê Huyền Ái Thúy, - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát yếu tố nhiễm (virus EBV) bằng việc khảo sát sự hiện

diện của các gen EBNA (EBNA-1, EBNA-2), LMP (LMP-1, LMP-2) và sự biểu hiện các gen EBNA-1, LMP-1, LMP-2, BARTs ở mức mRNA. Khảo sát yếu tố epigenetic bằng việc khảo sát tính chất methyl hóa vượt mức trên vùng promoter của các gen tiềm năng RASSF1A, p16INK4 α , DAPK, Blu và khảo sát sự biểu hiện của miR-155, miR-21.

Số hồ sơ lưu: HCM-0236-2018

30222. Nhân khoa. Bệnh mắt

78086. 07-2021. **Nghiên cứu ứng dụng thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự Hydrophobic Acrylic, thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự Hydrophilic Acrylic cản tia UV (vàng) và Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự Hydrophilic Acrylic (trong) do Công ty Cổ phần Nhà máy Thiết bị Y học và Vật liệu Sinh học sản xuất lần đầu tiên tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển giao công nghệ của Hoa Kỳ trong điều trị đục thủy tinh thể.** PGS. TS. Nguyễn Xuân Hiệp, TS. Bùi Thị Vân Anh ThS. Nguyễn Kiên Trung; TS. Bùi Thị Vân Anh; Ths. Nguyễn Kiên Trung; TS. Thẩm Trương Khánh Vân; TS. Đặng Trần Đạt; TS. Hồ Xuân Hải; TS. Lê Xuân Cung; Ths. Nguyễn Thị Thúy Giang; Ths. Nguyễn Thị Bích Ngọc; TS. Thẩm Trương Khánh Vân; TS. Đặng Trần Đạt; TS. Hồ Xuân Hải; TS. Lê Xuân Cung; Ths. Nguyễn Thị Thúy Giang; Ths. Nguyễn Thị Bích Ngọc - Hà Nội - Bệnh viện Mắt Trung ương, 2020 - 08/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tính hiệu quả và an toàn của thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự Hydrophobic Acrylic, thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự Hydrophilic Acrylic cản tia UV, và thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự Hydrophilic Acrylic do Công ty Cổ phần Nhà máy Thiết bị Y học và Vật liệu Sinh học sản xuất lần đầu tiên tại Việt Nam. Xác định tỷ lệ mắt đạt mức thị lực có chỉnh kính từ mức khá trở lên theo phân loại của WHO (thị lực có chỉnh kính $\geq 20/70$) tại thời điểm 1 tháng sau phẫu thuật.

Số hồ sơ lưu: 17879

30299. Y học lâm sàng khác

75326. 07-2021. **Mối liên quan giữa loãng xương, thoái hóa khớp và một số yếu tố nguy cơ tim mạch/ PGS. TS. Phạm Nguyễn Vinh, Hồ Phạm Thục Lan; Phạm Ngọc Hoa; Đoàn Công Minh; Châu Ngọc Minh Phương; Mai Duy Linh; Đỗ Trung Thành - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Tôn Đức Thắng, 2019 - 12/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đọc và phân tích IMT động mạch cảnh cho dịch tể loãng xương, thoái hóa khớp và một số yếu tố nguy cơ tim mạch; Đọc và phân tích IMT động mạch cảnh cho mối liên quan giữa loãng xương và một số yếu tố nguy cơ tim mạch; Đọc và phân tích IMT động mạch cảnh cho mối liên quan giữa thoái hóa khớp và một số yếu tố nguy cơ tim mạch.

Số hồ sơ lưu: HCM-0209-2018

303. Y tế

Số hồ sơ lưu: YBI-052-2020

30303. Điều dưỡng

75583. 07-2021. **Đánh giá hiệu quả phiếu chăm sóc cải tiến của điều dưỡng/** ThS. Trần Thị Châu, Huỳnh Thị Phương; Trần Thị Kim Ngọc; Trần Thị Hồng Yến; Thân Thị Thu Ba; Nguyễn Thị Thu Thủy; Mai Thị Minh Nguyệt; Cam Ngọc Thúy; Nguyễn Thị Thu Thủy; Lữ Mộng Thùy Linh - TP. Hồ Chí Minh - Hội Điều dưỡng TP. Hồ Chí Minh, 2019 - 08/2017 - 02/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mẫu phiếu chăm sóc cải tiến cấp II và cấp III của điều dưỡng tại các khoa lâm sàng trong bệnh viện. Xác định giá trị nội dung chất lượng và tính thuận tiện của phiếu chăm sóc cải tiến.

Số hồ sơ lưu: HCM-0238-2018

30309. Dịch tễ học

78598. 07-2021. **Thực trạng và hiệu quả can thiệp bệnh sán lá gan nhỏ trên người tại vùng hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái/** BS. Hà Minh Thư, - Yên Bái - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Yên Bái, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các vấn đề cơ sở lý luận, kinh nghiệm thực tiễn có liên quan. Tiến hành xét nghiệm phân tìm trứng sán lá nhỏ để đánh giá thực trạng nhiễm sán lá gan nhỏ và loài sán tại 06 xã vùng hồ Thác Bà. Điều tra và đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống sán lá gan nhỏ của đối tượng nghiên cứu. Từ đó triển khai các hoạt động can thiệp và so sánh kết quả đạt được.

304. Dược học**30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc**

78295. 07-2021. **Nghiên cứu khảo sát hàm lượng zerumbone từ cây gừng trên địa bàn huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái/** PGS. TS. Nguyễn Thanh Mai, - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2018 - 08/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng phân bố của loài gừng gió trên địa bàn huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái. Khảo sát hàm lượng zerumbone từ gừng gió tại một số xã trên địa bàn huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái. Từ đó, xây dựng qui trình tạm thời phân lập zerumbone.

Số hồ sơ lưu: YBI-013-2020

30404. Hoá dược học

75480. 07-2021. **Nghiên cứu bào chế viên nổi trong dạ dày chứa clarithromycin 500 mg/** ThS. Cao Thị Thanh Thảo, Nguyễn Ngọc Khôi; Trần Văn Thành - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, 2018 - 09/2016 - 09/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thẩm định qui trình định lượng viên chứa clarithromycin nổi trong dạ dày bằng phương pháp HPLC. Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng clarithromycin trong môi trường thử hòa tan. Xây dựng công thức và quy trình bào chế viên nổi trong dạ dày clarithromycin

500 mg. Xây dựng mô hình và tối ưu hóa công thức viên clarithromycin 500 mg nổi trong dạ dày đạt theo TCCS. Đánh giá in vivo chế phẩm trên chó bằng phương pháp X-quang để xác định thời gian lưu của thuốc trong dạ dày. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở viên nổi trong dạ dày chứa clarithromycin 500 mg. Theo dõi độ ổn định và ước tính tuổi thọ của thuốc.

Số hồ sơ lưu: HCMN-0222-2018

76826. 07-2021. **Nghiên cứu bào chế viên hoàn sâm nhung tán dục đơn và đánh giá hiệu quả điều trị trên bệnh nhân suy giảm số lượng và chất lượng tinh trùng tại Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng/** TS. Nguyễn Văn Dũng, ThS. Nguyễn Văn Ánh; TS. Trần Quang Minh; BS. Nguyễn Duy Khánh; DS. Trần Thị Minh Nguyệt; BS. Hồ Xuân Hương; BS. Trần Thị Hương Lài - Đà Nẵng - Bệnh viện Y học cổ truyền Đà Nẵng, 2018 - 09/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng quy trình bào chế viên hoàn sâm nhung tán dục đơn theo phương pháp y học cổ truyền. Đánh giá tính an toàn và hiệu quả điều trị của viên hoàn sâm nhung tán dục đơn trên bệnh nhân suy giảm số lượng và chất lượng tinh trùng tại bệnh viện y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng.

Số hồ sơ lưu: DNG-002-2020

77628. 07-2021. **Phân tích dược động học - dược lực học để lựa chọn liều điều trị tối ưu cho**

bệnh nhân lao phổi điều trị thất bại và tái phát/ PGS. TS. Lê Thị Luyến, GS. TS. Giancarlo Biagini PGS. TS. Nguyễn Việt Nhung; TS. Nguyễn Thị Vân Anh; TS. Vũ Đình Hòa; TS. Đặng Văn Khoa; ThS. Phạm Hữu Thường; PGS. TS. Dương Thị Ly Hương; PGS. TS. Bùi Thanh Tùng; TS. Nguyễn Kim Cương; PGS. TS. Nguyễn Văn Hưng; TS. Tạ Mạnh Hùng; ThS. Lê Thị Thu Huyền; TS. Nguyễn Bình Hòa; ThS. Nguyễn Thị Phượng; ThS. Nguyễn Ngọc Hồng; CN. Phạm Thị Thu Huyền; CN. Phạm Đình Đồng; ThS. Phạm Thu Ánh; CN. Nguyễn Văn Khiêm; ThS. Nguyễn Văn Hồng; TS. Trần Thành Trung; ThS. Trần Đức Thuận; ThS. Trần Hữu Thắng; ThS. Lê Anh Tuấn; ThS. Bùi Sơn Nhật; TS. Vũ Thị Thơm; ThS. Phạm Thị Hồng Nhung; TS. Nguyễn Thúy Hương; TS. Nguyễn Quang Huy; TS. Trịnh Quỳnh Mai; CN. Vũ Thị Thương - Hà Nội - Khoa Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020 - 10/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được nồng độ thuốc chống lao hàng một trong huyết tương bệnh nhân lao phổi điều trị thất bại và/hoặc tái phát không đa kháng thuốc ở Việt Nam; Xác định được sự khác biệt về đáp ứng dược lực học đối với thuốc chống lao hàng một của các chủng vi khuẩn lao phân lập từ những bệnh nhân lao phổi thất bại và/hoặc tái phát không đa kháng thuốc để dự đoán đáp ứng điều trị.

Số hồ sơ lưu: 17701

77629. 07-2021. **Nghiên cứu quy trình bào chế viên nang cứng**

tác dụng điều trị bệnh gút từ hạt cần tây (Semen Apii graveolens)/ PGS. TS. Nguyễn Thu Hằng, PGS. TS. Nguyễn Ngọc Chiến; TS. Nguyễn Văn Hân; TS. Nguyễn Thùy Dương; DS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Nguyễn Hoàng Tuấn; TS. Nguyễn Quỳnh Chi; ThS. Thân Thị Kiều My; DS. Nguyễn Văn Phương - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2020 - 06/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình chiết xuất và bào chế cao đặc hạt cần tây; Quy trình bào chế viên nang cứng từ cao đặc hạt cần tây. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của cao đặc và tiêu chuẩn cơ sở của viên nang; đánh giá độ ổn định của cao đặc và viên nang. Nghiên cứu độc tính cấp và độc tính bán trường diễn của viên nang. Đánh giá tác dụng điều trị bệnh gút trên thực nghiệm của viên nang (hạ acid uric, ức chế xanthin oxidase, chống viêm, giảm đau).

Số hồ sơ lưu: 17700

78331. 07-2021. **Nghiên cứu tổng hợp và sàng lọc tác dụng chống viêm, kháng ung thư các hợp chất mới mô phỏng cấu trúc của podophyllotoxin và diaryl stilbene/** PGS.TS. Ngô Quốc Anh, TS. Đoàn Duy Tiên; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; TS. Nguyễn Lê Anh; ThS. Võ Ngọc Bình; ThS. Trần Thị Yên; ThS. Phạm Tùng Lâm - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2020 - 08/2016 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các chất dẫn lai ghép của celecoxib và combretastain.

Tổng hợp các chất dẫn mô phỏng cấu trúc của podophyllotoxin. Phân tích xác định cấu trúc của các sản phẩm thu được bằng phương pháp phổ NMR 1D và 2D, MS, IR... Thử hoạt tính gây độc trên các dòng tế bào ung thư KB, Hep-G2, Lu, MCF7 của các sản phẩm thu được. Thử hoạt tính kháng viêm, chống ô xy hóa của các sản phẩm thu được.

Số hồ sơ lưu: 17984

4. Khoa học nông nghiệp

78550. 07-2021. **Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng hệ thống quản lý sản xuất nông nghiệp tỉnh Yên Bái/** ThS. Nguyễn Văn Hiệu, - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm, 2018 - 05/2017 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, thu thập dữ liệu, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Xây dựng cơ sở dữ liệu sản xuất nông nghiệp và xây dựng trang thông tin, các module phần mềm quản lý khai thác cơ sở dữ liệu sản xuất nông nghiệp tỉnh Yên Bái. Đánh giá về hạn chế, khó khăn và nguyên nhân hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện. Từ đó đưa ra những những kết luận về đề xuất khuyến cáo, giới thiệu áp dụng vào thực tế.

Số hồ sơ lưu: YBI-038-2020

401. Trồng trọt

40101. Nông hoá

78292. 07-2021. **Đánh giá ảnh hưởng của phân hữu cơ vi sinh**

“Quả cầu xanh” đối với cây cam tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái/ KS. Trịnh Thị Hằng, - Yên Bái - Trung tâm Ứng dụng, kỹ thuật, thông tin khoa học và công nghệ, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát lựa chọn hộ, chọn địa điểm triển khai thí nghiệm. Tiến hành đánh giá ảnh hưởng của phân hữu cơ vi sinh “Quả cầu xanh” đối với cây cam giai đoạn kiến thiết cơ bản và đánh giá ảnh hưởng của phân hữu cơ vi sinh “Quả cầu xanh” đối với cây cam giai đoạn kinh doanh. Xây dựng mô hình ứng dụng phân hữu cơ vi sinh “Quả cầu xanh” trên vườn cam tại xã Minh An, huyện Văn Chấn. Từ đó, đưa ra những kết luận, khuyến nghị và đề xuất hướng sử dụng các kết quả nghiên cứu vào mục đích chăm sóc cây cam tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: YBI-011-2020

40102. Thổ dưỡng học

78226. 07-2021. **Nghiên cứu tiềm năng và xây dựng giải pháp tái cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái theo hướng bền vững giai đoạn 2017-2025 và định hướng đến năm 2030./** PGS.TS. Nguyễn Ngọc Nông, - Thái Nguyên - Trung tâm Môi trường Tài nguyên miền núi, 2018 - 05/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng của việc sử dụng đất sản xuất nông nghiệp huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016 đồng thời đánh giá hiệu quả và tiềm năng của

việc sử dụng đất sản xuất nông nghiệp huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016. Tiến hành điều tra bổ sung xây dựng bản đồ đất và phân hạng thích nghi đất đai cho nhóm cây trồng. Từ đó, đề xuất giải pháp tái cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp theo hướng hiệu quả bền vững theo quan điểm sinh thái giai đoạn 2017-2025 và định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: YBI-005-2020

78601. 07-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp tích tụ đất trồng cây lâu năm, cây lâm nghiệp theo hướng tập trung qui mô lớn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh trên địa bàn huyện Trấn Yên, Văn Yên, Yên Bình, tỉnh Yên Bái/** PGS.TS. Nguyễn Tuấn Sơn, - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng phát triển sản xuất quế, chè, măng tre bát bộ, cây ăn quả có múi và cây lâm nghiệp tại các huyện Văn Yên, Trấn Yên, Yên Bình tỉnh Yên Bái. Đồng thời đánh giá thực trạng tích tụ đất trồng quế, chè, măng tre bát bộ, cây ăn quả có múi và cây lâm nghiệp ở đây. Tiến hành phân tích khó khăn và yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ đất trồng cây lâu năm trên địa bàn. Từ đó, đẩy mạnh giải pháp tích tụ đất trồng quế, chè, măng tre bát bộ, cây ăn quả có múi và cây lâm nghiệp theo hướng tập trung qui mô lớn trên địa bàn các huyện của tỉnh.

Số hồ sơ lưu: YBI-054-2020

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

78052. 07-2021. **Ứng dụng Khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết giữa Doanh nghiệp - Nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả ở huyện Sơn Tịnh/ThS. Nguyễn Thị Dương Lộc, KS. Phạm Đông; ThS. Phạm Hồng Sơn; KS. Huỳnh Ngọc Tuấn; KS. Trần Thị Hoài Cẩm; CN. Nguyễn Thị Hiền; CN. Ngô Thanh Phương; CN. Vũ Nữ Thanh Huệ; CN. Nguyễn Văn Dương; CN. Châu Huy Cường; CN. Nguyễn Thị Thanh Tùng; TS. Hồ Huy Cường; ThS. Mạc Khánh Trang; ThS. Đỗ Thị Ngọc; KS. Bùi Ngọc Thao - Quảng Ngãi - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, 2020 - 12/2016 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển sản xuất ngô trên đất lúa kém hiệu quả ở huyện Sơn Tịnh theo mô hình liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân, qua đó góp phần thúc đẩy tiến trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Chuyển giao được các công nghệ về giống ngô lai mới, bón phân hợp lý, quản lý dịch hại tổng hợp, cơ giới hóa trong các công đoạn canh tác và thu hoạch, sơ chế, bảo quản để xây dựng các mô hình.

Số hồ sơ lưu: 17858

78479. 07-2021. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển chuỗi giá trị sản phẩm măng Bát Độ tại**

tỉnh Yên Bái/ PGS. TS. Đỗ Thị Thúy Phương, PGS.TS. Trần Đình Tuấn; ThS. Nguyễn Hữu Thu; TS. Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Nguyễn Phương Thảo; ThS. Thái T. Thái Nguyên; ThS. Dương Công Hiệp; ThS. Nguyễn Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Nga; ThS. Nguyễn Tiến Lâm - Thái Nguyên - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng chuỗi giá trị sản phẩm măng tre Bát Độ tại tỉnh Yên Bái theo mục tiêu phát triển chuỗi giá trị trong từng tác nhân (trồng, chế biến, tiêu thụ). Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới chuỗi giá trị sản phẩm măng tre Bát Độ tại tỉnh Yên Bái. Qua đó, đề xuất giải pháp phát triển chuỗi giá trị sản phẩm măng tre Bát Độ tại tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018 - 2025.

Số hồ sơ lưu: YBI-019-2020

78531. 07-2021. **Nghiên cứu khả năng thích ứng của 6 giống ngô lai chịu hạn có năng suất tại huyện Văn Chấn và Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái/ ThS. Vũ Văn Dũng, - Hà Nội - Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Điều tra đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội hiện trạng sản xuất và sử dụng giống ngô, tại huyện Văn Chấn và Trạm Tấu tỉnh Yên Bái. Tiến hành nghiên cứu 6 giống ngô lai chịu hạn để chọn được từ 1-2 giống tốt nhất cho năng suất cao, chịu hạn phù hợp với điều kiện sinh thái tại Văn Chấn và Trạm Tấu. Trên cơ sở trên xây dựng mô hình trình

diễn các giống ngô tại huyện Văn Chấn và, Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái

Số hồ sơ lưu: YBI-027-2020

78583. 07-2021. **Xác lập quyền đối với nhãn hiệu tập thể "Gạo Bạch Hà" cho sản phẩm gạo của Bạch Hà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái/** ThS. Lã Tuấn Hưng, - Yên Bái - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2018 - 03/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng bộ hồ sơ đủ điều kiện đăng ký nhãn hiệu tập thể "Gạo Bạch Hà" được cơ quan thẩm quyền cấp giấy chứng nhận và xây dựng vận hành thí điểm hệ thống quản lý nhãn hiệu tập thể "Gạo Bạch Hà" với 01 mẫu nhãn hiệu và 01 bộ quy chế quản lý nhãn hiệu tập thể. Tiến hành xây dựng quảng bá nhãn hiệu tập thể "Gạo Bạch Hà" đồng thời nâng cao nhận thức cho người hưởng lợi về sở hữu trí tuệ và nhãn hiệu tập thể thông qua các lớp tập huấn.

Số hồ sơ lưu: YBI-045-2020

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

74042. 07-2021. **Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp tổng hợp để tái canh sớm cây cà phê tại Đắk Nông./** TS. Nguyễn Thị Thủy, TS. Lê Quang Khải; Ths. Trịnh Duy Nam; TS. Lê Đức Khánh; ThS. Nguyễn Thị Mai Lương; ThS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Nguyễn Hồng Tuyên; ThS. Phạm Duy Trọng; Nguyễn Tuấn Anh; Lê Văn Bằng; Nguyễn Thị Thảo; Nguyễn Thị Xuân Hằng; Hoàng Thị Diệu

Huyền - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2018 - 06/2015 - 05/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá thực trạng tái canh và hiện tượng vàng lá chết cây cà phê tại Đắk Nông như điều tra về tình hình dịch hại, các biện pháp kỹ thuật áp dụng trong tái canh cà phê, kỹ thuật thâm canh đã áp dụng trên các vườn cà phê già cỗi, năng suất thấp chuẩn bị tái canh. Phân tích, đánh giá những mô hình thành công, những tồn tại, các điểm then chốt là nguyên nhân gây hiện tượng vàng lá chết cây cà phê, ảnh hưởng đến việc tái canh không thành công và sản xuất không hiệu quả. Thu thập và xác định nhóm dịch hại chính trong đất liên quan đến tái canh cà phê tại Đắk Nông như xác định thành phần và khả năng tích lũy quần thể các loài tuyến trùng và các loài nấm quan trọng ảnh hưởng đến hiện tượng vàng lá chết cây trên cà phê tái canh 1 năm tuổi thành công và không thành công ở nền bỏ hóa 6 tháng-1 năm, xác định thành phần tuyến trùng, nấm và mật độ của loài gây hại quan trọng trong đất và rễ trên vườn cà phê già cỗi, năng suất thấp chuẩn bị tái canh ở 2 độ tuổi cây < 20 năm và ≥ 20 năm và xác định và đánh giá thành phần dinh dưỡng trong lá và đất, sức khỏe đất ở những vườn tái canh thành công và tái canh không thành công, vườn cà phê già ≥ 20 năm trước khi tái canh làm cơ sở cho việc bổ sung dinh dưỡng phục vụ tái canh cà phê. Thu thập và xác định thành phần dinh dưỡng, thành phần vi sinh vật có ích trong đất. Nghiên cứu các biện pháp phòng trừ tuyến trùng và nấm trong

đất gây hại cây cà phê tái canh. Xây dựng 4 mô hình/2 xã/2 huyện áp dụng đồng thời các biện pháp kỹ thuật canh tác và quản lý dịch hại trong đất cho cà phê tái canh. Đề xuất qui trình trồng tái canh sớm cây cà phê sau 6 – 12 tháng tại Đắk Nông có hiệu quả kỹ thuật cao.

Số hồ sơ lưu: DNG-009-2019

74046. 07-2021. **Ứng dụng công nghệ sinh học nhân giống và sản xuất cây Lan gấm (*Anoectochilus roxburghii*) tại tỉnh Đắk Nông.**/ CN. Dương Châu Diễm, - Đắk Nông - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Đắk Nông, 2017 - 08/2014 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng quy trình và thực hiện nhân giống in vitro cây Lan gấm với quy mô thực hiện 1200 bình cây giống hoàn chỉnh với thời gian thực hiện 16 tháng (12/2014 đến 03/2016). Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây Lan gấm, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của cây giống Lan gấm và đề xuất biện pháp canh tác phù hợp với điều kiện sinh thái vùng nhằm tạo ra cây giống có chất lượng tốt phục vụ việc bảo tồn nguồn gen, đa dạng hóa cây trồng và đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp tại tỉnh Đắk Nông.

Số hồ sơ lưu: DNG-010-2019

77698. 07-2021. **Hoàn thiện quy trình sản xuất giống dừa Sáp (*Makapuno coconut*) bằng công nghệ nuôi cấy cứu phôi trên quy mô công nghiệp.**/ TS. Nguyễn Thị Bích Hồng, ThS. Nguyễn Thị Tường

Vi; KS. Nguyễn Thị Anh; TS. Trà Văn Tung; KS. Phan Thị Mỹ Hạnh; KS. Hồ Lê Diễm Trinh; KS. Nguyễn Thành Lợi; PGS. TS. Bùi Văn Lệ - Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Khoa học công nghệ Nông nghiệp Anh Đào, 2020 - 12/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu sản xuất giống dừa Sáp (*Makapuno coconut*) bằng phương pháp nuôi cấy cứu phôi quy mô công nghiệp; Xây dựng quy trình nuôi cây con dừa Sáp giai đoạn vườn ươm quy mô công nghiệp; Xây dựng mô hình trồng dừa Sáp nuôi cấy cứu phôi và đánh giá khả năng thích nghi của cây dừa Sáp nuôi cấy cứu phôi trên đất nhiễm mặn, nhiễm phèn. Hoàn thiện được quy trình công nghệ sản xuất giống dừa sáp bằng công nghệ nuôi cấy cứu phôi quy mô công nghiệp. Trồng thử nghiệm thành công trên đất nhiễm mặn, nhiễm phèn.

Số hồ sơ lưu: 17730

78108. 07-2021. **Nghiên cứu bảo tồn, khai thác và phát triển bền vững cây quất hồng bì tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.**/ ThS. Phạm Thị Mai, - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2019 - 06/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng nguồn gen, đặc điểm sinh trưởng, phát triển và tính đa dạng di truyền của cây quất hồng bì tại huyện Kỳ Sơn. Tuyển chọn 20 cây quất hồng bì có ưu điểm trội về năng suất và chất lượng. Xây dựng 01 qui trình chăm sóc, 01 mô hình trồng thâm canh và 01 bộ cơ sở

dữ liệu cây quất hồng bì tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình (qui mô: 1 ha/mô hình, tương đương 800 cây). Tập huấn 40 lượt người dân về qui trình kỹ thuật chăm sóc cây quất hồng bì tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Bảo tồn và phát triển cây quất hồng bì tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Xây dựng cơ sở khoa học về kỹ thuật chăm sóc phù hợp nhằm quản lý, khai thác và sử dụng bền vững, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, góp phần đảm bảo và ổn định đời sống cho người dân.

Số hồ sơ lưu: HBH-002-2020

78225. 07-2021. **Nghiên cứu trồng thử nghiệm giống cam sành không hạt LDD06 tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái/ GS.TS. Đào Thanh Vân, - Thái Nguyên - Trung tâm Nghiên cứu Cây trồng ôn đới miền núi phía Bắc Việt Nam, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Phân tích tổng thể tình hình nghiên cứu về giống cam không hạt, ít hạt; ảnh hưởng của phân bón, chất điều hòa sinh trưởng và bọ quả đến năng suất và chất lượng cây có múi nói chung và cây cam nói riêng. Đánh giá về kết quả triển khai thực hiện các nội dung của đề tài và đưa ra những kết luận, khuyến nghị. Từ đó, đề xuất hướng sử dụng các kết quả nghiên cứu vào mục đích phát triển cây cam Sành không hạt LD06 và hoàn thiện quy trình chăm sóc cho giống cam Sành không hạt LD06 tại địa phương huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-004-2020

78231. 07-2021. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng thử nghiệm cây chùm ngây (Moringa oleifera Lam) tại thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái/ ThS. Đặng Ngọc Vượng, - Yên Bái - viện nghiên cứu và phát triển vùng, 2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Khảo sát lựa chọn địa điểm thử nghiệm và chọn hộ tham gia trồng thử nghiệm cây chùm ngây. Tiến hành trồng thử nghiệm cây chùm ngây trên các chân đất khác nhau như đất soi bãi, màu vườn nhà và đất gò đồi. Xây dựng cơ chế chùm ngây quy mô hộ và nhóm hộ gia đình tại thành phố Yên Bái. Đánh giá tình hình sử dụng công nghệ sơ chế, chế biến rau chùm ngây qua đó phân tích các chỉ tiêu của chất lượng sản phẩm sau sơ chế.

Số hồ sơ lưu: YBI-008-2020

78233. 07-2021. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng thử nghiệm cây măng tây xanh (Asparagus officinalis. L) tại địa bàn huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái/ ThS. Vũ Thị Nguyên, - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm, 2017 - 04/2016 - 11/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển 0,3 ha măng tây xanh tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái và khảo sát về hiện trạng năng suất trồng thử nghiệm măng tây xanh tại Yên Bái (Đạt từ 1 tấn/ha trở lên năm thứ nhất và đạt từ 3 tấn/ha trở lên từ năm thứ 2). Tiến hành xây dựng hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc măng tây xanh phù hợp với điều

kiện của địa phương. Từ đó, đưa ra những kết luận, đề xuất khuyến cáo về khả năng phát triển sản xuất trồng cây măng tây xanh trên quy mô rộng.

Số hồ sơ lưu: YBI-010-2020

78293. 07-2021. **Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật và trồng thử nghiệm giống dâu thu hoạch quả tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái/** GS.TS. Trần Ngọc Ngoạn, - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm, 2017 - 05/2015 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát đánh giá thực trạng sản xuất dâu tại huyện Trấn Yên. Phân tích tổng thể tình hình nghiên cứu, phát triển nghề trồng dâu ở Việt Nam và thế giới. Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của 2 giống dâu mới (giống dâu quả tròn và giống dâu quả dài) trong điều kiện đất đai, khí hậu của huyện Trấn Yên. Tiến hành nghiên cứu mật độ trồng và mức bón phân hợp lý đối với giống dâu mới tại xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên. Từ đó, đưa ra những kết luận, khuyến nghị và đề xuất hướng sử dụng các kết quả nghiên cứu vào mục đích phát triển giống dâu mới đa mục đích vừa trồng thu hoạch quả vừa tiếp tục nghiên cứu theo hướng sử dụng lá dâu phục vụ phát triển tằm tơ tại địa phương và hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng dâu thu hoạch quả và trồng dâu thu hoạch lá trong những năm tới tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: YBI-012-2020

78476. 07-2021. **Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật tổng hợp**

nhằm hạn chế hiện tượng rụng quả của giống hồng ngâm không hạt Vĩnh Lạc tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái/ ThS. Nguyễn Việt Dương, - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Rau hoa quả Gia Lâm, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra đánh giá thực trạng sản xuất hồng ngâm không hạt Vĩnh Lạc tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Nghiên cứu các tác nhân gây nên hiện tượng rụng quả hồng làm cơ sở hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật thâm canh hồng ngâm không hạt Vĩnh Lạc phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Đưa ra những kết luận và đề xuất khuyến cáo, giới thiệu áp dụng vào sản xuất.

Số hồ sơ lưu: YBI-018-2020

78480. 07-2021. **Nghiên cứu tính thích ứng và biện pháp kỹ thuật trồng giống ổi ODL1 tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái/** ThS. Hoàng Văn Toàn, - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Rau hoa quả Gia Lâm, 2018 - 06/2016 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra khảo sát, chọn hộ chọn địa điểm để trồng thử nghiệm, bố trí thí nghiệm và xây dựng mô hình thâm canh giống ổi ODL1 trên địa bàn huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Đánh giá tính thích ứng của giống ổi trên và nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật canh tác giống ổi ODL1 trên địa bàn huyện như kỹ thuật cắt tỉa, sử dụng phân bón lá và kỹ thuật bảo quản tiền tới xây dựng mô hình

thâm canh chăm sóc giống ỏi ODL1 tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-020-2020

78503. 07-2021. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng vườn ươm giống cam, quýt đảm bảo chất lượng bằng phương pháp ghép tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái/** ThS. Phùng Thế Hanh, - Yên Bái - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích tổng thể tình hình sản xuất và nghiên cứu về cây cam, quýt ở Việt nam và trên thế giới. Xây dựng vườn ươm giống cây cam, quýt với quy mô 0,27 ha tại Tổ dân phố Trung Tâm, TTNT Trần Phú, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái và xây dựng vườn cây mẹ cấp giống S₁ với số lượng 50 cây. Đánh giá về kết quả triển khai thực hiện các nội dung của dự án và tìm hiểu về những tồn tại, khó khăn và nguyên nhân tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện thực án để từ đó đưa ra những kết luận và đề xuất khuyến nghị và giới thiệu áp dụng vào sản xuất.

Số hồ sơ lưu: YBI-021-2020

78506. 07-2021. **Nghiên cứu chọn lọc, bình tuyển và nhân giống cây Mắc cọc (Cây lê bản địa) bằng phương pháp vô tính tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái/** KS. Nguyễn Thị Xuân Hương, - Yên Bái - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2018 - 08/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chọn lọc và bình tuyển cây đầu dòng giống mắc cọc (*lê bản địa*) để làm nguồn vật liệu phục vụ công tác nhân giống bằng phương pháp vô tính tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Tiến hành đánh giá kết quả nhân giống, trồng mới 01 ha giống lê bản địa nhân giống vô tính (chiết cành) từ cây đầu dòng bình tuyển tại huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái. Khái quát về tồn tại, khó khăn, nguyên nhân tồn tại trong quá trình triển khai đề tài nghiên cứu. Từ đó, đưa ra những kết luận và đề xuất khuyến cáo áp dụng vào sản xuất.

Số hồ sơ lưu: YBI-023-2020

78575. 07-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón đến chất lượng bưởi Đại Minh tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái/** TS. Trần Trung Kiên, - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích tổng thể tình hình nghiên cứu dinh dưỡng cây có múi nói chung, cây bưởi nói riêng; ảnh hưởng của phân bón đến năng suất và chất lượng bưởi trên thế giới và ở Việt Nam. Đánh giá về kết quả triển khai thực hiện, những tồn tại, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Từ đó, đưa ra những kết luận, khuyến nghị và đề xuất hướng sử dụng các kết quả nghiên cứu vào mục đích phát triển các loại phân bón nâng cao năng suất, chất lượng bưởi, hiệu quả kinh tế và hoàn thiện quy trình kỹ thuật bón phân cho cây bưởi Đại Minh trong những năm tới tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: YBI-047-2020

78595. 07-2021. **Chọn lọc, bình tuyển và phát triển nguồn gen cây cam sành tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái/ Nguyễn Hữu Hiếu, - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Rau hoa quả Gia Lâm, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Điều tra, tuyển chọn cây cam sành đầu dòng từ nguồn gen địa phương. Tiến hành xây dựng vườn ươm, nhân giống và hoàn thiện quy trình nhân giống. Xây dựng vườn ươm nhân giống, sản xuất cây giống cam sành bằng phương pháp ghép trong điều kiện sinh thái bản địa. Từ đó, hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật nhân giống cam sành.

Số hồ sơ lưu: YBI-049-2020

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

73980. 07-2021. **Ứng dụng công nghệ sinh học để nhân giống cây keo lai (Acacia hybrid) bằng phương pháp nuôi cấy mô tại tỉnh Cà Mau/ KS. Huỳnh Thị Bích Thúy, Trương Bảo Khuyên; Lê Thị Cẩm Tú; Nguyễn Chí Thành - Cà Mau - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Khoa học công nghệ Cà Mau, 2018 - 09/2016 - 03/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tiếp nhận và làm chủ quy trình kỹ thuật nhân giống cây keo lai bằng phương pháp nuôi cấy mô từ Trung tâm nghiên cứu Thực nghiệm Lâm nghiệp Tây Nam Bộ chuyển giao. Sản xuất thử nghiệm giống keo lai bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật. Biên soạn quy trình chọn và nhân giống cây keo lai bằng

phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: CMU-001-2019

78433. 07-2021. **Xây dựng mô hình nâng cao thu nhập của người dân thông qua liên kết tổ chức ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật cải tạo thâm canh để kéo dài chu kỳ kinh doanh cây cà phê tại 2 xã xây dựng nông thôn mới Đăk Mar, Hà Mòn và thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum/ Cử nhân. Hoàng Nghĩa Trí, Cử nhân. Lê Việt Thanh; Cử nhân. Phạm Đức Hạnh; Cử nhân. Nguyễn Hoài Vũ; Cử nhân. Bùi Thị Hoàng Oanh; Cử nhân. Nguyễn Thành Trung; ThS. Nguyễn Anh Kiệt; Kỹ sư. Nguyễn Bá Chát; TS. Phan Việt Hà; ThS. Vũ Hồng Châu - Kon Tum - Trạm Khuyến nông và Dịch vụ kỹ thuật nông lâm nghiệp, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, 2017 - 01/2015 - 12/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Điều tra hiện trạng tình hình về giống, phân bón, QTKT trồng cà phê tại 3 xã Đăk Mar, Hà Mòn, Thị trấn Đăk Hà. Điều tra hiện trạng về nguồn nước, chất lượng nước, phương pháp và công nghệ tưới của các hộ gia đình. Hiện trạng về khâu chế biến sau thu hoạch. Tình hình liên kết giữa các hộ trồng cà phê, đơn vị cung ứng giống, vật tư, cơ quan chuyên gia kỹ thuật và cơ sở chế biến tại 3 huyện. Thu thập tài liệu địa hình, bình đồ vùng nghiên cứu (các khu trồng cà phê sẽ tham gia dự án), phục vụ công tác thiết kế và triển khai lắp đặt hệ thống tưới công nghệ ống mềm của Đài Loan.

Thu thập, điều tra ý kiến của các đơn vị quản lý, các hộ dân tham gia dự án.

Số hồ sơ lưu: 17997

40106. Bảo vệ thực vật

74007. 07-2021. **Nghiên cứu xây dựng quy trình phòng chống bệnh vi rút và mô hình sản xuất tiên tiến trên cây chanh dây (*Passiflora edulis*) ở Đắk Nông.** / TS. Nguyễn Văn Hòa, - Tiền Giang - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2018 - 10/2014 - 03/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Điều tra tình hình sâu bệnh hại cho sản xuất chanh dây ở Đắk Nông, đánh giá thành phần và xác định tác nhân gây hại của một số bệnh vi rút chủ yếu trên chanh dây và xây dựng quy trình giám định bệnh. Nghiên cứu các biện pháp quản lý tổng hợp phòng chống bệnh vi rút gây hại trên chanh dây, khảo sát ảnh hưởng của phân bón lá, chất điều hòa sinh trưởng, các kiểu giàn trồng, phương pháp cắt tỉa phù hợp cho năng suất cao và dễ kiểm soát bệnh. Khảo sát hiệu quả của các loại thuốc bảo vệ thực vật và dịch trích thảo mộc đối với rầy mềm *Aphis gossypii* trong điều kiện phòng thí nghiệm bằng phương pháp phun. Khảo sát hiệu lực của các loại thuốc sinh hóa học đối với nhện trắng *Polyphagotarsonemus* sp. trong điều kiện phòng thí nghiệm bằng phương pháp phun. Đánh giá khả năng lưu dẫn và hiệu lực của một số loại thuốc bảo vệ thực vật hóa học đối với rầy mềm *Aphis gossypii* bằng phương pháp sơn thuốc lên gốc. Xây

dựng mô hình sản xuất tiên tiến, quản lý tổng hợp phòng chống bệnh vi rút gây ra. Mô hình cải tiến từ phương thức sản xuất truyền thống.

Số hồ sơ lưu: DNG-004-2019

77696. 07-2021. **Nghiên cứu quy trình chế tạo chế phẩm sinh học từ chủng *Chaetomium globosum* để phòng trừ bệnh chết nhanh cây hồ tiêu** / TS. Nguyễn Mai Cương, ThS. Đoàn Thị Xuân Liễu; ThS. Nguyễn Văn Đĩnh; ThS. Đinh Thị Tâm; TS. Vũ Văn Hạnh - Hà Nội - Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được quy trình chế tạo chế phẩm sinh học từ chủng *Chaetomium globosum* để phòng trừ bệnh chết nhanh cây hồ tiêu do nấm *Phytophthora* ra gây ra. Phân lập được 01 chủng nấm *Chaetomium globosum* từ đất trồng cây hồ tiêu. Môi trường thích hợp để nhân sinh khối chủng *Chaetomium globosum* là trên môi trường PDA hoặc PDB, pH 5 – 6, nhiệt độ thích hợp từ 25oC đến dưới 30oC trong điều kiện tối liên tục. Tách chiết được hoạt chất Chaetoviridin A là hoạt chất có tác dụng kháng nấm *Phytophthora capsici* gây bệnh chết nhanh hồ tiêu. Tạo thành công chế phẩm sinh học từ chủng nấm đối kháng *Chaetomium globosum* sử dụng môi trường PDB để nhân nuôi chủng nấm *Chaetomium globosum*, với nhiệt độ 25oC, pH 5,5; tốc độ khuấy 150 vòng/phút, trong 10 ngày.

Số hồ sơ lưu: 17726

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

74012. 07-2021. **Hoàn thiện qui trình sản xuất piperine và tích hợp công nghệ thu tinh dầu trong quá trình chế biến tiêu trắng./** KS. Nguyễn Nho Lý, - Đăk Nông - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu An Phong Đăk Nông, 2018 - 12/2016 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu qui trình làm mềm vỏ tiêu, tiệt trùng bằng hơi nước quá nhiệt và tách vỏ cơ học trong quá trình sản xuất tiêu trắng như hoàn thiện công nghệ và chế tạo máy hấp và khử trùng nguyên liệu, hoàn thiện công nghệ và chế tạo máy tách vỏ tiêu và máy sấy trồng quay. Nghiên cứu, chế tạo thiết bị tích hợp với qui trình sản xuất tiêu trắng để tận thu tinh dầu. Hoàn thiện quy trình sản xuất piperine từ phế phẩm là vỏ hạt tiêu. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở để công bố chất lượng cho các sản phẩm tiêu trắng chất lượng cao, sản phẩm tinh dầu tiêu và sản phẩm piperine.

Số hồ sơ lưu: DNG-005-2019

40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác

78599. 07-2021. **Ứng dụng công nghệ Internet of Things (IoT) xây dựng hệ thống quản lý quy trình sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm cam Văn Chấn, tỉnh Yên Bái./** KS. Nông Ích Chấn, - Yên Bái - Văn phòng HĐND - UBND huyện Văn Chấn, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hệ thống quản lý quá trình sản xuất để làm cơ sở thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm cam Văn Chấn, gồm 5 hộ dân, diện tích 6,4 ha. Đồng thời, xây dựng phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm cam Văn Chấn đạt các thông số kỹ thuật. Đánh giá về kết quả triển khai thực hiện các nội dung nghiên cứu và đánh giá về hạn chế, khó khăn và nguyên nhân hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Từ đó, đưa ra những kết luận và đề xuất khuyến cáo, giới thiệu áp dụng vào thực tế.

Số hồ sơ lưu: YBI-053-2020

402. Chăn nuôi

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

78346. 07-2021. **Nghiên cứu xây dựng mô hình chăn nuôi lợn rừng nhằm cung cấp nguồn lợn giống và thịt lợn an toàn tại tỉnh Bắc Ninh/** ThS. Đào Lệ Hằng, ThS. Khúc Thừa Thế; ThS. Hoàng Thị Thủy; ThS. Nguyễn Thị Phương - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu phát triển nông nghiệp, nông thôn, 2020 - 03/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Trong những năm gần đây việc nhân giống, nuôi lợn rừng, lợn rừng lai có chiều hướng phát triển mạnh ở nhiều vùng trong cả nước. Sản phẩm chăn nuôi từ lợn rừng đã cung cấp được một phần nhu cầu thực phẩm sạch đang ngày càng tăng trong xã hội, đặc biệt là các thành phố lớn. Tuy nhiên cho đến nay phương thức, kỹ thuật chăn nuôi lợn Bản địa, lợn rừng, lợn rừng lai là vấn đề khá mới mẻ đối với nhiều cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại và nông hộ

nhỏ trên cả nước. Trước thực trạng như trên đã xuất hiện nhu cầu người chăn nuôi thực sự mong muốn phát triển chăn nuôi lợn rừng để đáp ứng cho thị trường tiêu dùng nội địa rất tiềm năng này và xuất hiện bộ phận người tiêu dùng đáp ứng cho nhu cầu tiêu thụ thịt lợn rừng đó. Đây là nguồn kích cung rất lớn cho hướng chăn nuôi theo hướng “sạch” và “an toàn sinh học”. Bắc Ninh là một tỉnh đồng bằng Bắc bộ thuần nông, vốn có nguồn phụ phẩm trồng trọt và từ các nghề chế biến nông sản rất dồi dào. Việc tận dụng được nguồn thức ăn sẵn có, rẻ, chất lượng tại chỗ sẽ giúp người chăn nuôi lợn rừng đạt hiệu quả kinh tế cao, khắc phụ hiện trạng phụ thuộc giống ở tỉnh khác.

Số hồ sơ lưu: 17983

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác

75332. 07-2021. **Nghiên cứu công nghệ và thiết bị phá kết tinh mật ong bằng sóng siêu âm/** PGS. TS. Lê Anh Đức, ThS. Nguyễn Xuân Quang; ThS. Phạm Văn Toàn; TS. Nguyễn Đức Khuyến; ThS. Nguyễn Hải Đăng; ThS. Võ Lâm Chương; ThS. Nguyễn Văn Lành; ThS. Nguyễn Hữu Hòa; KS. Nguyễn Nam Quyền - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, 2018 - 07/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Quy hoạch thực nghiệm đã xây dựng các phương trình mô tả ảnh hưởng của chế độ phá kết tinh, bao gồm nhiệt độ xử lý và công suất siêu âm đến hiệu quả quá trình phá kết tinh và chất lượng sản phẩm. Chế độ

làm việc hợp lý của thiết bị và quy trình công nghệ phá kết tinh mật ong bằng sóng siêu âm đã được xác định. Đề quá trình phá kết tinh mật ong bằng sóng siêu âm được diễn ra nhanh hơn, mật ong cần được sự hỗ trợ gia nhiệt. Trên cơ sở các kết quả sản xuất thử nghiệm tại công ty chế biến mật ong, các kết quả đã được ghi nhận và so sánh đánh giá chất về hiệu quả xử lý, tiêu hao năng lượng và chất lượng sản phẩm của giải pháp này so với phương pháp phá kết tinh mật ong dùng nhiệt kết hợp đảo trộn hiện đang sử dụng. Kết quả cho thấy chất lượng mật ong khi phá kết tinh bằng sóng siêu âm cao hơn so với khi xử lý bằng phương pháp dùng nhiệt hiện nay, bên cạnh đó còn rút ngắn được thời gian xử lý và tiêu thụ năng lượng riêng cho quá trình xử lý.

Số hồ sơ lưu: HCM-0211-2018

403. Thú y

40307. Vi sinh vật học thú y (trừ vi rút học thú y)

77630. 07-2021. **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vi sinh vật thú y/** TS. Nguyễn Thị Thu Hằng, ThS. Trần Thị Thu Hằng; ThS. Hoàng Minh Đức; KS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; TS. Lưu Quỳnh Hương - Hà Nội - Viện thú y, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Lưu giữ bảo quản *Trichinella spiralis* trên động vật thí nghiệm. Bảo tồn được 04 chủng *Salmonella* gây ngộ độc thực phẩm bằng phương pháp đông khô. Tư liệu hóa nguồn gen và lập hồ sơ gốc lưu giữ, bảo quản

16 nguồn gen vi sinh vật 2015-2018 gồm 01 giống giun xoắn *Trichinella spiralis*; 02 giống virus cúm A/Dk/VN/QB7412; 06 chủng *Campylobacter* (02 *Campylobacter jejuni* và 04 chủng *Campylobacter coli*) và 7 chủng *E.coli* kháng kháng sinh Colistin ở điều kiện đông khô, âm sâu và trên động vật thí nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 17703

77661. 07-2021. **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vi sinh vật thú y/** TS. Nguyễn Thị Thu Hằng, ThS. Trần Thị Thu Hằng; ThS. Hoàng Minh Đức; KS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; TS. Lưu Quỳnh Hương; ThS. Trương Thị Quý Dương; KTV. Nguyễn Thị Hồng Minh - Hà Nội - Viện thú y, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Lưu giữ bảo quản *Trichinella spiralis* trên động vật thí nghiệm. Bảo tồn được 07 chủng *E.coli* mang gen kháng kháng sinh bằng phương pháp đông khô. Tư liệu hóa nguồn gen và lập hồ sơ gốc. Giống *Trichinella spiralis* lưu giữ ổn định trên 11 chuột cống trắng và 02 con chó. Bảy chủng *E.coli* mang gen kháng kháng sinh đã được hồi phục và có các đặc tính sinh hóa phù hợp với các nghiên cứu trước đó.

Số hồ sơ lưu: 17718

404. Lâm nghiệp

40402. Tài nguyên rừng

78081. 07-2021. **Nghiên cứu giải pháp khoa học công nghệ để**

phục hồi và phát triển rừng ngập mặn ven biển Nam Trung Bộ nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu/ TS. Đỗ Quý Mạnh, ThS. Lê Văn Tuất; PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy; PGS. TS. Phạm Bích Ngọc; TS. Phạm Văn Duẩn; ThS. Nguyễn Văn Ga; PGS. TS. Mai Sỹ Tuấn; ThS. Nguyễn Văn Thương; TS. Ngô Xuân Nam; ThS. Mai Trọng Hoàng - Hà Nội - Viện Sinh thái và Bảo vệ Công trình, 2020 - 07/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được hiện trạng rừng ngập mặn; diễn biến tác động của biến đổi khí hậu và định hướng phục hồi, phát triển rừng ngập mặn cho các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ; Chọn được bộ giống cây ngập mặn phù hợp với khu vực Nam Trung Bộ và diễn biến của biến đổi khí hậu. Xây dựng được 02 mô hình trồng và chăm sóc rừng ngập mặn (01 mô hình tại tỉnh Quảng Nam và 01 mô hình tại tỉnh khác trong vùng, mỗi mô hình 03 ha). Xây dựng quy trình canh tác tổng hợp rừng ngập mặn ven biển; Đánh giá hiện trạng thực thi các chính sách và đề xuất chính sách đặc thù để phục hồi và phát triển rừng ngập mặn tại các tỉnh Nam Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 17874

40403. Quản lý và bảo vệ rừng

78222. 07-2021. **Nghiên cứu phòng trừ sâu hại chính trên cây Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd), keo lai (*A. mangium* x *A. auriculiformis* A. ex Benth) tại tỉnh Yên Bái/** TS. Lê Văn Bình, - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu Bảo

vệ rừng, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Điều tra thành phần loài sâu hại keo tai tượng và keo lai tại huyện Yên Bình và Trấn Yên. Tiến hành điều tra, thu mẫu và đánh giá tỷ lệ bị hại và mức độ bị hại của các loài sâu hại keo tai tượng và keo lai. Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sinh thái của loài sâu hại chính keo tai tượng và keo lai tại tỉnh Yên Bái làm cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp phòng trừ. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật phòng trừ sâu hại chính phù hợp với điều kiện địa phương tại tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-001-2020

40405. Giống cây rừng

78079. 07-2021. **Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng rừng Mỡ (*Manglietia conifera* Blume) có năng suất cao cung cấp gỗ lớn ở vùng Đông Bắc, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ/** PGS. TS. Bùi Thế Đồi, ThS. Trần Thị Trang; PGS. TS. Phạm Minh Toại; TS. Nguyễn Thị Hồng Gấm; ThS. Hồ Văn Giảng; ThS. Lê Thị Khiếu; PGS. TS. Phí Hồng Hải; GS. TS. Phạm Quang Thu; TS. Hoàng Văn Thắng - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2020 - 01/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn được giống (xuất xứ, gia đình, cây trội) có năng suất gỗ vượt ít nhất 10% so với sản xuất hiện nay. Chọn được lập địa và hệ thống kỹ thuật trồng rừng thâm canh có năng suất cao và hạn chế sâu bệnh để cung cấp gỗ lớn. Đánh giá tình hình trồng rừng sản xuất nói chung

và rừng trồng mỡ ở Việt Nam. Đánh giá các kỹ thuật gây trồng mỡ đã và đang áp dụng ở ba vùng nghiên cứu. Đánh giá tình hình khai thác, sử dụng và thị trường gỗ mỡ.

Số hồ sơ lưu: 17878

405. Thủy sản

76629. 07-2021. **Điều tra, thu thập và thuần dưỡng các loài cá tỳ bà bướm (*Sewellia* spp.) để bảo tồn chuyển vị tại Thành phố Hồ Chí Minh/** Th.S. Nguyễn Thị Kim Liên, Th.S. Nguyễn Thị Loan; KS. Trương Thị Thúy Hằng; KS. Bùi Thị Ngọc Lan - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông, 2020 - 10/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tình hình khai thác và điều kiện tự nhiên nơi cá tỳ bà bướm phân bố tại các tỉnh miền Trung. Xác định được đặc điểm sinh thái học của cá tỳ bà bướm. Định danh phân loại được các loài cá tỳ bà bướm. Xác định được quy trình kỹ thuật để thuần dưỡng cá tỳ bà bướm. Mô tả các đặc điểm sinh học sinh sản cá tỳ bà bướm.

Số hồ sơ lưu: HCM-015-2020

40503. Bệnh học thủy sản

75489. 07-2021. **Tạo chủng *Bacillus subtilis* biểu hiện Peptide kháng khuẩn thuộc họ Cecropin và thử nghiệm khả năng kháng vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* gây bệnh gan thận mủ trên cá tra/** ThS. Trần Quốc Tuấn, TS. Lê Thị Thúy Ái; TS. Đinh Minh Hiệp; TS. Nguyễn Quỳnh Anh; TS. Nguyễn Hoàng Chương; ThS. Đinh Thị Lan

Anh; ThS. Nguyễn Thị Hiền - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ sinh học, 2018 - 04/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tuyển chọn và tổng hợp nucleotide mã hóa peptide thuộc họ cecropin có tiềm năng kháng vi khuẩn gram âm. Tạo dòng tế bào *Bacillus subtilis* biểu hiện peptide tái tổ hợp ngoại bào. Điều kiện nuôi cấy ứng biểu hiện và đánh giá sơ bộ hàm lượng peptide mục tiêu tổng hợp. Thu nhận dịch ngoại bào chứa peptide và đánh giá sơ bộ tính kháng vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* ở điều kiện pH, nhiệt độ, và có sự hiện diện các protease trên mô hình đĩa thạch. Nghiên cứu thu nhận peptide tái tổ hợp từ dịch ngoại bào. Thực nghiệm đánh giá khả năng bảo vệ cá tra giống (10-15g) tuổi bằng mô hình cho nhiễm vi khuẩn bệnh và peptide kháng khuẩn trộn thức ăn ở qui mô phòng thí nghiệm

Số hồ sơ lưu: HCM-0225-2018

77650. 07-2021. **Nghiên cứu phát triển phương pháp, công cụ phân tích nhanh vi sinh vật gây bệnh và độc tố trong các sản phẩm thủy sản/** TS. Lê Quang Hòa, PGS. TS. Tô Kim Anh; TS. Phùng Thị Thủy; ThS. Lã Thị Quỳnh Như; TS. Nguyễn Đức Cường; TS. Suffredini Elisabetta; TS. Croci Lucianan; TS. De medici Dario; TS. Cozzi Loredana; TS. Ciccaglioni Gianni - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 04/2014 - 04/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận từ đối tác Ý các phương pháp mới, tiêu chuẩn để phân tích vi rút viêm gan A và norovirus trong các sản phẩm thủy sản. Tiếp nhận từ đối tác Ý công nghệ cảm biến sinh học sử dụng tế bào để phân tích các độc tố palytoxin. Xây dựng các quy trình công nghệ sản xuất các bộ sinh phẩm phát hiện nhanh vi rút viêm gan A và norovirus trong các sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguy cơ dựa trên việc kết hợp hệ thống cô đặc tự động pathatrix với các kỹ thuật sắc ký miễn dịch và kỹ thuật khuếch đại đẳng nhiệt axit nucleic. Thẩm định các quy trình phân tích và bộ sinh phẩm đã xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 17699

40504. Nuôi trồng thủy sản

78450. 07-2021. **Ứng dụng tiên bộ kỹ thuật nuôi thương phẩm cá vược (*Lates calcarifer*) trong lồng tại hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái/** ThS. Ngô Chí Phương, Nguyễn Mạnh Hà - Yên Bái - Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật và Thủy sản, 2018 - 06/2017 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá vược (*Lates calcarifer*) trong lồng tại hồ Thác Bà với quy mô 750m³, đạt tỷ lệ nuôi sống trên 75%, sau thời gian nuôi 12 tháng đạt khối lượng từ 1,2kg/con trở lên và năng suất đạt từ 12kg cá thương phẩm/01m³ lồng nuôi trở lên. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nuôi thương phẩm cá vược trong lồng phù

hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-015-2020

406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

77659. 07-2021. Nghiên cứu cải tiến các dòng bố mẹ để tạo giống lúa lai 2, 3 dòng có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu rầy nâu, bạc lá/ TS. Nguyễn Văn Mười, PGS. TS. Nguyễn Thị Trâm PGS. TS. Nguyễn Thị Trâm; PGS. TS. Trần Văn Quang; ThS. Phạm Thị Ngọc Yên; ThS. Nguyễn Trọng Tú; ThS. Vũ Văn Quang; ThS. Vũ Thị Bích Ngọc; GS. TS. Phạm Văn Cường; TS. Lê Hùng Phong; Đoàn Văn Sáu - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020 - 01/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá và phân lập các dòng bố mẹ (A, B, R, TGMS) mang gen kháng rầy nâu, kháng bạc lá làm cơ sở lai tạo tổ hợp lai mới. Chọn được dòng mẹ bất dục (A, TGMS) có TGST ngắn, kiểu cây mới, bông to nhiều hạt, tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt hạt dài, hàm lượng amylose thấp, chống chịu sâu bệnh khá (rầy nâu, bạc lá), khả năng nhận phấn ngoài cao 60 -70%, nhạy cảm với GA3. Hoàn thiện qui trình sản xuất hạt lai F1 cho các tổ hợp lai mới tại phía Bắc và Nam Trung bộ đạt năng suất sản xuất hạt lai từ 2,5-4,0 tấn/ha, qui trình thâm canh thương

phẩm cho các tổ hợp lai mới đạt năng suất từ 7,0-9,0 tấn/ha. Xây dựng được mô hình sản xuất hạt lai F1 ở 2 vùng sinh thái (Nam Trung bộ và phía Bắc) đạt năng suất >2,5 tấn/ha.

Số hồ sơ lưu: 17717

77682. 07-2021. Xây dựng các phương pháp xác định (định tính và định lượng) sinh vật biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen đạt Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC17025./ PGS. TS. Lưu Minh Cúc, ThS. Phạm Thị Minh Hiền; ThS. Lê Thị Liễu; ThS. Doãn Thị Hương Giang; ThS. Nguyễn Quang Đàm; ThS. Nguyễn Thị Trang; PGS. TS. Lưu Thị Ngọc Huyền; KS. Nguyễn Phúc Hưng - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được bộ quy trình và phương pháp xác định (định lượng, định tính) sinh vật biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen được các tổ chức kiểm chứng, chứng nhận đạt chuẩn ISO17025. Các phương pháp chuẩn xác định (định lượng, định tính) đặc hiệu cho 16 sự kiện ngô, 12 sự kiện đậu tương, 10 nhân tố sàng lọc được công nhận đạt chuẩn ISO17025. Quy trình lấy mẫu thực địa và quy trình thực hành phòng thí nghiệm để xác định sinh vật biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen được xây dựng đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn ISO17025. Quy trình vận hành phòng kiểm định GMO cấp ngành được xây dựng đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế

ISO17025. Phòng kiểm định GMO được Bộ chỉ định là phòng kiểm định sinh vật biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen (định lượng/định tính).

Số hồ sơ lưu: 17721

77685. 07-2021. **Lưu giữ và bảo quản nguồn gen nông nghiệp nhập nội phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo và đa dạng sinh học/** TS. Nguyễn Thị Hương Giang, ThS. Cam Thị Thu Hà; PGS. TS. Nguyễn Bá Hiên; ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương; TS. Vũ Ngọc Lan; TS. Hoàng Đăng Dũng; ThS. Vũ Thị Ngọc; ThS. Phạm Quang Tuân; KS. Nguyễn Thị Nguyệt Anh; KS. Nguyễn Thị Ngọc Hân - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Lưu giữ và bảo quản nguồn gen nông nghiệp nhập nội tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam đồng thời thu thập bổ sung một số nguồn gen mới phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo. Thu thập/nhập nội bổ sung và lưu giữ được nguồn vật liệu mới: 30 mẫu giống dưa thơm, 15 mẫu giống lan dược liệu, 20 mẫu giống hoa hiên. Lưu giữ an toàn và đánh giá chi tiết nguồn gen vi sinh vật thú y (03 nguồn gen vi khuẩn, 03 nguồn gen virus). Đánh giá đặc điểm nông sinh học của các nguồn gen mới thu thập/nhập nội bổ sung (dưa thơm, hoa lan, hoa hiên). Tư liệu hóa bổ sung nguồn gen nông nghiệp nhập nội phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 17727

5. Khoa học xã hội

502. Kinh tế và kinh doanh

77311. 07-2021. **Đánh giá thực trạng, nghiên cứu đề ra các giải pháp để phát triển hợp tác xã Nông nghiệp kiểu mới gắn với chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình/** Trần Văn Thành, CN. Trần Văn Thành; CN. Nguyễn Ngọc Vân; CN. Trịnh Ngọc Thủy; CN. Đinh Thị Ngọc Hoa; CN. Quách Chung Thanh; KS. Nguyễn Ngọc Tú; CN. Trịnh Ngọc Thông; ThS. Đỗ Minh Phương - Hòa Bình - Liên minh Hợp tác xã Tỉnh Hòa Bình, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động, thực trạng liên kết sản xuất tiêu thụ theo chuỗi giá trị sản phẩm của các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp. Đề xuất giải pháp phát triển HTX nông nghiệp kiểu mới gắn với liên kết chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Xây dựng, củng cố và hoàn thiện mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới liên kết sản xuất tiêu thụ theo chuỗi giá trị sản phẩm cây có múi tại HTX NN&TM Mường Động – huyện Kim Bôi. Xây dựng dự thảo, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành chính sách nhằm hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp kiểu mới gắn với chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: HBH-014-2020

78115. 07-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp đẩy mạnh liên kết giữa các doanh nghiệp kinh doanh du lịch tỉnh Hòa Bình**

hướng tới các tỉnh vùng Tây Bắc/ ThS. Đoàn Thanh Hải, ThS. Lê Thị Thanh Nhân; ThS. Đặng Trung Kiên; ThS. Đỗ Thu Hằng; ThS. Vũ Thị Sen; ThS. Lương Thị Thủy; ThS. Nguyễn Văn Dũng - Sơn La - Trường Đại học Đại học Tây Bắc, 2019 - 06/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng liên kết giữa các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Hòa Bình và thực tế liên kết với các tỉnh thuộc vùng Tây Bắc. Đề xuất các giải pháp đẩy mạnh liên kết giữa các doanh nghiệp kinh doanh du lịch tỉnh Hòa Bình hướng tới các tỉnh vùng Tây Bắc nhằm phát triển du lịch và góp phần nâng cao thu nhập trong tỉnh. Xây dựng cam nang hướng dẫn liên kết giữa các doanh nghiệp kinh doanh du lịch cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: HBH-011-2020

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

75325. 07-2021. **Đánh giá khả năng tác động của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đến một số lĩnh vực kinh tế trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh/** ThS. Phạm Bình An, TS. Dương Như Hùng; ThS. Võ Thị Ngọc Trinh; ThS. Lê Đình Nghi; ThS. Trần Thị Ngọc Quỳnh; ThS. Hàng Lê Cẩm Phương; PGS. TS. Nguyễn Tiến Hoàng; TS. Trần Quốc Trung; TS. Nguyễn Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Phương Hải - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát

triển TP. Hồ Chí Minh, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định các nhân tố tác động từ Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đến kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Đánh giá khả năng tác động của Hiệp định CPTPP đến một số ngành công nghiệp và dịch vụ điển hình của Thành phố Hồ Chí Minh. Đề xuất các việc cần làm của DN và các giải pháp từ phía Chính quyền nhằm hỗ trợ và chuẩn bị thực thi hiệu quả Hiệp định CPTPP.

Số hồ sơ lưu: HCM-0208-2018

75328. 07-2021. **Nâng cao năng lực xuất khẩu đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế và hội nhập quốc tế tại TP. Hồ Chí Minh/** ThS. Trần Thị Đỏ, Ths. Trần Văn Bích; Ths. Nguyễn Trúc Vân; Ths. Cao Ngọc Thành; Ths. Trương Thiết Hà; Ths. Hồ Thủy Tiên; Ths. Nguyễn Vĩnh; Ths. Lê Ngọc Huyền Trang; CN. Huỳnh Minh Vũ - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Tp. Hồ Chí Minh, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng khung phân tích về năng lực xuất khẩu đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế và hội nhập quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực xuất khẩu tại thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm nguồn lực đầu vào của doanh nghiệp, nguồn lực đất đai, hệ thống cơ sở hạ tầng,... Nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng lực xuất khẩu đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế và

hội nhập quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-0210-2018

75451. 07-2021. **Giải pháp phát triển sản phẩm du lịch TP. Hồ Chí Minh/** ThS. Nguyễn Trúc Vân, ThS. Trương Thiết Hà; ThS. Hồ Thủy Tiên; ThS. Cao Minh Nghĩa; ThS. Trần Thị Đò; ThS. Đoàn Khuru Diễm Nga; ThS. Cao Ngọc Thành; CN. Nguyễn Vĩnh; ThS. Trần Ngọc Hạnh; CN. Trần Lê Thanh Trúc; CN. Nguyễn Thị Trúc Phương; CN. Nguyễn Hoàng Thảo; CN. Phạm Văn Hiền - TP. Hồ Chí Minh - Viện nghiên cứu phát triển Tp Hồ Chí Minh, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích đánh giá hiện trạng phân bố và khai thác các di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng, khảo cổ, kiến trúc; các công trình nhân tạo có giá trị văn hóa và hấp dẫn du khách, các lễ hội, nghệ thuật dân gian và các giá trị văn hóa khác; Hiện trạng phân bố và khai thác các công trình lao động sáng tạo. Đối với nhóm yếu tố cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, phân tích cơ sở lưu trú, hệ thống cửa hàng ăn uống, cửa hàng thương mại, phương tiện vận chuyển, cơ sở vui chơi, giải trí. Đánh giá số lượng, chất lượng phục vụ của các dịch vụ lễ hành, dịch vụ lưu trú, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ mua sắm, dịch vụ ăn uống, dịch vụ vui chơi giải trí.

Số hồ sơ lưu: HCM-0214-2018

75479. 07-2021. **Giải pháp đưa thành phố Hồ Chí Minh thành thành phố khởi nghiệp/** ThS.

Hồ Thủy Tiên, ThS. Cao Minh Nghĩa; ThS. Nguyễn Trúc Vân; ThS. Cao Ngọc Thành; ThS. Trương Thiết Hà; ThS. Đoàn Khuru Diễm Nga; ThS. Trần Thị Đò; ThS. Nguyễn Vĩnh; ; ThS. Lê Chí Hùng; ThS. Vũ Đình Thắng; ThS. Lê Chí Thành - TP. Hồ Chí Minh - Viện nghiên cứu phát triển Tp. Hồ Chí Minh, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thực trạng khởi nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh. Phân tích, đánh giá các điều kiện để xây dựng cộng đồng khởi nghiệp làm cơ sở để phát triển các đề tài, chương trình, kế hoạch khởi nghiệp cụ thể của thành phố. Đề xuất giải pháp để xây dựng cộng đồng khởi nghiệp, hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp tiến tới xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố khởi nghiệp.

Số hồ sơ lưu: HCM-0221-2018

75563. 07-2021. **Các yếu tố tác động đến sự hài lòng và ý định trở lại của du khách quốc tế với điểm đến du lịch TP. Hồ Chí Minh - thực trạng và giải pháp/** PGS. TS. Mai Ngọc Khương, - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Quốc tế TP. Hồ Chí Minh, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định các yếu tố tác động đến cảm nhận về giá trị của chuyến du lịch tới TP. Hồ Chí Minh. Xác định các yếu tố trực tiếp và gián tiếp đến ý định quay trở lại điểm đến TP. Hồ Chí Minh của du khách quốc tế. Thiết lập mô hình đường dẫn (Path) về tổng hợp các yếu tố trực tiếp và gián tiếp tác động có ý nghĩa

đến sự hài lòng và ý định quay trở lại của du khách quốc tế. Xác định thực trạng du lịch của TP. Hồ Chí Minh để từ đó đưa ra giải pháp nâng cao sự hài lòng và ý định quay trở lại du lịch của du khách.

Số hồ sơ lưu: HCM-0232-2018

75570. 07-2021. **Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh/** PGS. TS. Vương Đức Hoàng Quân, ThS. Bùi Hoàng Ngọc; ThS. Nguyễn Ngọc Anh Thư; CN. Kiều Thúy Ngọc; CN. Nguyễn Mạnh Quân; ThS. Phan Thị Xuân Diệu; ThS. Nguyễn Thiện Hải; CN. Lê Thị Thái Hiền; KS. Nguyễn Chánh Trung - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Tp. Hồ Chí Minh, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích môi trường đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh và so sánh với một số quốc gia trên thế giới; Thực trạng đổi mới sáng tạo của Việt Nam và một số đặc điểm đổi mới sáng tạo trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Khảo sát và đánh giá chung thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo ngành, loại hình, theo khu vực và thành phần kinh tế. So sánh mức độ tác động của các yếu tố theo loại hình, khu vực và quy mô doanh nghiệp. Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo TP. Hồ Chí Minh, bao gồm các giải pháp phối hợp liên kết nâng cao tư duy và giải pháp đổi mới từng chủ thể của hệ sinh thái:

Số hồ sơ lưu: HCM-0233-2018

75571. 07-2021. **Các yếu tố tác động đến giá bất động sản tại thành phố Hồ Chí Minh, dự báo xu hướng và giải pháp phát triển bền vững/** PGS. TS. Phan Đình Nguyên, - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến giá bất động sản tại TP. Hồ Chí Minh. Dự báo xu hướng giá bất động sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh trong thời gian tới. Đề xuất các giải pháp phát triển bền vững thị trường bất động sản tại TP. Hồ Chí Minh trong thời gian tới. Hoàn thiện công tác quy hoạch, xây dựng chương trình phát triển bất động sản, chính sách tín dụng và thuế, giải pháp minh bạch thị trường, quản lý tốt thông tin, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các sai phạm, cải cách quy trình và thủ tục hành chính, làm tốt công tác tuyên truyền nhằm phát triển bền vững thị trường bất động sản.

Số hồ sơ lưu: HCM-0234-2018

78051. 07-2021. **Phân bổ nguồn sai, phân rã động năng suất gộp và hiệu quả sau khi phân bổ lại nguồn: Lý thuyết và thực nghiệm/** GS. TS. Nguyễn Khắc Minh, GS. TS. Nguyễn Khắc Minh; TS. Nguyễn Thị Xuân Thu; PGS. TS. Nguyễn Thiện Luận; TS. Phạm Văn Khánh; TS. Nguyễn Hữu Thành Tâm; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Phùng Mai Lan - Hà Nội - Viện Toán học và Khoa học Ứng dụng -

Đại học Thăng Long, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng phương pháp cho phép phối hợp các mô hình để giải thích sự sống sót của các doanh nghiệp sau phân bổ dưới điều kiện của nền kinh tế chuyển đổi; Xây dựng mô hình động trên cơ sở phát triển các mô hình ở phần tổng quan để có thể áp dụng vào tính được tác động của phân bổ sai dưới các ràng buộc tài chính (hoặc ràng buộc khác); Xác định hiệu quả động của các doanh nghiệp sau tái phân bổ nguồn bằng lý thuyết mờ kết hợp với phân tích cửa sổ. Tính được phân bổ sai nguồn lực dưới tác động của tự do hóa thương mại và tham nhũng cho ngành chế tác của Việt Nam; phân rã động thay đổi năng suất nhân tố tổng hợp gộp xác định những đóng góp của các doanh nghiệp sống sót, vào và ra khỏi ngành từ việc cải biên phương pháp phân rã Olley-Pakes của Melitz và cộng sự (2015) để áp dụng vào ngành chế tác ở Việt Nam; Xây dựng được đường biên cho phép giải thích nguyên nhân sự tồn tại doanh nghiệp sau khi phân bổ nguồn và tính được hiệu quả động của doanh nghiệp trong và sau khi tái phân bổ.

Số hồ sơ lưu: 17856

78076. 07-2021. **Lượng giá tổn thất ngành du lịch khu hành chính - kinh tế đặc biệt Phú Quốc (Kiên Giang) do suy thoái hệ sinh thái trong bối cảnh Biến đổi khí hậu/** ThS. Đào Hương Giang, TS. Phạm Văn Thanh; TS. Đào Mạnh Tiến; KS. Lê Văn Vượng; CN. Nguyễn Thị Bình; ThS. Nguyễn Thị Mai

Hương; ThS. Nguyễn Thị Duyên; ThS. Đặng Thị Hương; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế môi trường & Biến đổi khí hậu, 2020 - 03/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp đánh giá mức độ suy thoái hệ sinh thái do tác động của biến đổi khí hậu; lượng giá thiệt hại kinh tế ngành du lịch do suy thoái hệ sinh thái tiêu biểu biển đảo. Đánh giá được mức độ suy thoái cách hệ sinh thái tự nhiên điển hình (rừng nguyên sinh trên đảo, san hô, cỏ biển, rừng ngập mặn biển ven đảo) Phú Quốc bởi tác động của biến đổi khí hậu và lượng giá được thiệt hại kinh tế du lịch do suy thoái các hệ sinh thái đó. Đề xuất được các giải pháp làm giảm mức độ thiệt hại kinh tế cho ngành du lịch đảo Phú Quốc do suy thoái hệ sinh thái tự nhiên điển hình trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 17872

78088. 07-2021. **Đánh giá hiệu quả và tác động của các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào vùng dân tộc và miền núi trong thời kỳ đổi mới/** TS. Lương Văn Khôi, TS. Trần Toàn Thắng; PGS. TS. Bùi Quang Tuấn; PGS. TS. Hồ Sỹ Hùng; TS. Hà Việt Quân; TS. Nguyễn Thanh Dương; TS. Đặng Đức Anh; PGS. TS. Đỗ Thị Hải Hà; TS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Hạ Thị Thu Thủy - Hà Nội - Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia, 2020 -

06/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở khoa học của chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào dân tộc và miền núi, bao gồm: Xác định khung lý thuyết, công cụ đánh giá hiệu quả và tác động của chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào vùng dân tộc và miền núi; tổng quan, lựa chọn kinh nghiệm quốc tế về khuyến khích, thu hút đầu tư vào vùng dân tộc và miền núi, vùng có điều kiện KT-XH khó khăn có thể áp dụng cho Việt Nam. Tổng quan định hướng phát triển, các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư, thực trạng khuyến khích, thu hút đầu tư vào vùng dân tộc và miền núi giai đoạn từ năm 1986 đến nay. Làm rõ kết quả, hiệu quả và tác động của chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào vùng dân tộc và miền núi. Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả và tác động của chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào vùng dân tộc và miền núi. Dự báo nhu cầu đầu tư tại vùng dân tộc và miền núi đến năm 2030, các yêu cầu đặt ra đối với chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 17881

78424. 07-2021. **Báo cáo kinh tế việt nam 2018 - 2019: tháo gỡ các rào cản/** TS. Lê Xuân Sang, PGS.TS. Trần Đình Thiên; TS. Phạm Sỹ An; TS. Lê Văn Hùng; PGS.TS. Nguyễn Chiến Thắng; TS. Phạm Bích Ngọc; TS. Lý Hoàng Mai; TS. Đặng Thị Phương Hoa; ThS. Trần Văn Hoàng; ThS. Phạm Thành Công; ThS. Trần Thị Kim

Chi; ThS. Trần Thị Mai Thành; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Nguyễn Thị Tố Uyên; ThS. Trần Đình Nuôi; ThS. Trần Thị Mỹ Anh - Hà Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2020 - 07/2018 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá tổng thể đặc điểm, vấn đề và diễn biến nền kinh tế thế giới, Việt Nam năm 2018, 2019 dưới các khía cạnh khác nhau như tăng trưởng kinh tế (nhìn từ phía cung và phía cầu), lạm phát, thương mại, đầu tư, lao động, việc làm... cũng như qua lăng kính Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa; Chỉ ra các rào cản cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam; cơ hội và thách thức tháo gỡ các rào cản trong bối cảnh mới; Đánh giá triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2020; Đề xuất các giải pháp chính sách nhằm tháo gỡ các rào cản tăng trưởng kinh tế và ổn định vĩ mô Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 18005

78440. 07-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển các mô hình tổ chức sản xuất tại huyện nông thôn mới Hải Hậu, tỉnh Nam Định/** TS. Nguyễn Viết Đăng, ThS. Phạm Thị Thanh Thúy; GS.TS. Đỗ Kim Chung; PGS.TS. Nguyễn Phụng Lê; ThS. Lưu Văn Duy; ThS. Trần Thị Như Ngọc; ThS. Nguyễn Thanh Phong; ThS. Nguyễn Thị Thiêm; ThS. Nguyễn Các Mác; KS. Nguyễn Linh Trung - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2018 - 04/2017 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống hoá luận cứ khoa học và thực tiễn về phát triển các mô hình tổ chức sản xuất. Đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển các mô hình tổ chức sản xuất trên địa bàn huyện nông thôn mới Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Đề xuất các giải pháp về phát triển các mô hình tổ chức sản xuất nhằm củng cố vững chắc các tiêu chí nông thôn mới của huyện Hải Hậu, góp phần thực hiện mục tiêu đưa Nam Định trở thành tỉnh nông thôn mới vào năm 2020.

Số hồ sơ lưu: NDH-016-2020

503. Khoa học giáo dục

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,...

74050. 07-2021. **Nghiên cứu đề xuất mô hình, chính sách và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.**/ TS. Trần Thị Hải Vân, - Đắk Nông - Học viện Kinh tế - Năng lượng, 2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng khung phân tích mô hình phù hợp cho đào tạo nghề ở tỉnh Đắk Nông. Phân tích thực trạng, chỉ ra những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế, những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của các mô hình đào tạo nghề ở tỉnh Đắk Nông. Đề xuất các mô hình phù hợp và các chính sách, giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động ở nông thôn tỉnh Đắk Nông.

Số hồ sơ lưu: DNG-011-2019

75585. 07-2021. **Phát triển nguồn nhân lực của ngành nghề tự do dịch chuyển trong ASEAN tại TP. Hồ Chí Minh trong điều kiện thực hiện cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)/** ThS. Tô Thị Thùy Trang, PGS. TS Phan Thị Hồng Xuân; PGS. TS Nguyễn Thành Công; ThS. Đỗ Thanh Vân; ThS. Cao Minh Nghĩa; ThS. Trương Thiết Hà; ThS. Lê Ngọc Huyền Trang; ThS. Đoàn Khưu Diễm Nga; CN. Kiều Thúy Ngọc; CN. Nguyễn Vĩnh - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực trạng nguồn nhân lực của các ngành nghề tự do dịch chuyển trong ASEAN (du lịch, kế toán, điều dưỡng) tại thành phố Hồ Chí Minh trong điều kiện thực hiện Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Đề xuất các giải pháp phát triển nguồn nhân lực của các ngành nghề tự do dịch chuyển trong ASEAN tại thành phố Hồ Chí Minh trong điều kiện thực hiện Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: HCM-0239-2018

76835. 07-2021. **Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho đoàn viên công đoàn và công nhân lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/** PGS.TS. Nguyễn Hữu Huy Nhựt, - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan cơ sở lý luận về trình độ, kỹ năng nghề nghiệp. Phân

tích, đánh giá thực trạng trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên công đoàn và công nhân lao động đang làm việc tại TP. Hồ Chí Minh. Đánh giá thực trạng nhu cầu, điều kiện, khả năng tham gia học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên công đoàn và công nhân lao động để đáp ứng yêu cầu công cuộc công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) và hội nhập quốc tế. Xây dựng các khung chương trình học tập, giải pháp đào tạo, đào tạo lại cho đoàn viên công đoàn, công nhân lao động nhằm đảm bảo trình độ, năng lực làm việc tại TP. Hồ Chí Minh trong quá trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, đặc biệt là trong bối cảnh diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.0.

Số hồ sơ lưu: HCM-027-2020

77699. 07-2021. **Nghiên cứu các mô hình giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp/** PGS. TS. Cao Văn Sâm, ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; PGS. TS. Nguyễn Thị Lan Hương; ThS. Đỗ Văn Giang; TS. Nguyễn Thị Hồng Cẩm; ThS. Phùng Thị Như Nhàn; CN. Đàm Thu Hà; CN. Cao Việt Anh - Hà Nội - Hiệp hội giáo dục nghề nghiệp và Nghề Công tác xã hội Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất các mô hình giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp và giải pháp phát triển các mô hình này nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong doanh nghiệp và cho xã hội. Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về mô hình giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp; Phân tích tình hình thực hiện

giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp. Đề xuất các mô hình giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 17714

78015. 07-2021. **Nghiên cứu xây dựng hệ thống chuẩn đầu ra cho các bậc đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội/** PGS. TS. Bùi Đăng Hiếu, GS. TS. Nguyễn Ngọc Hoà; ThS. Nguyễn Đức Ngọc; CN. Lê Thị Bích Đào; ThS. Đàm Quang Ngọc; TS. Nguyễn Văn Quang; ThS. Phạm Thị Hằng; PGS. TS. Nguyễn Hữu Chí; TS. Nguyễn Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Văn Tuyên - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2015 - 03/2014 - 09/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các vấn đề lý luận về các bậc đào tạo và chuẩn đầu ra đào tạo, về các yếu tố cấu thành chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng và vị trí công việc), ý nghĩa và phương thức xây dựng chuẩn đầu ra đào tạo; Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra, trong đó có sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo với người sử dụng lao động để giúp cho chuẩn đầu ra đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Khảo sát yêu cầu của xã hội về kiến thức, kỹ năng và năng lực cụ thể đối với từng bậc đào tạo luật (cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ), khảo sát thực trạng người học tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu của người tuyển dụng lao động. Nghiên cứu các văn bản pháp luật có liên quan đến xây dựng và công bố chuẩn đầu ra đào tạo. Xây dựng hệ thống các chuẩn đầu ra đối với các bậc đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 17843

78237. 07-2021. **Giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính ở tỉnh Hòa Bình hiện nay/** ThS. Nguyễn Văn Vân, ThS. Nguyễn Thị Đa; ThS. Nguyễn Trọng Khiêm; CN. Vũ Mạnh Hồng; ThS. Bùi Thị Minh Thủy; ThS. Hoàng Thị Năm; ThS. Hà Thị Thanh Hải; ThS. Nguyễn Hữu Đa; ThS. Hoàng Thị Hiền; CN. Đặng Thị Mai Phương - Hòa Bình - Trường Chính trị tỉnh Hòa Bình, 2018 - 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng (ĐTBD) cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính (CCHC) ở tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2012-2017. Đề ra các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng công tác ĐTBD cán bộ và công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu CCHC ở tỉnh Hòa Bình trong giai đoạn hiện nay. Đề xuất với Tỉnh ủy HĐND, UBND tỉnh ban hành chính sách nhằm nâng cao chất lượng công tác ĐTBD cán bộ và công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính ở tỉnh Hòa Bình trong giai đoạn hiện nay.

Số hồ sơ lưu: HBH-005-2020

504. Xã hội học

50401. Xã hội học nói chung

78087. 07-2021. **Nghiên cứu điều chỉnh chỉ tiêu trong tiêu chí nông thôn mới cấp xã sau đạt chuẩn và đề xuất giải pháp duy trì bền vững các chỉ tiêu đó/** GS. TS. Phạm Văn Đức, PGS. TS. Bùi

Quang Tuấn; PGS. TS. Đặng Nguyên Anh; PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Châm; PGS. TS. Lê Thanh Sang; PGS. TS. Nguyễn Hữu Minh; PGS. TS. Nguyễn Văn Minh; PGS. TS. Nguyễn Tài Đông; TS. Nguyễn Chiến Thắng; TS. Lương Thị Thu Hằng; TS. Nguyễn Đức Đồng; TS. Lê Anh Vũ; ThS. Vũ Thị Chanh; ThS. Đỗ Thị Ngân; ThS. Nguyễn Dương Hoa; ThS. Đỗ Thị Hải Vân - Hà Nội - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2017 - 12/2015 - 04/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa và làm rõ lý luận về tính bền vững của việc đạt tiêu chí quốc gia tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và rút ra bài học cho Việt Nam về các tiêu chí phát triển bền vững nông thôn kiểu mới. Nghiên cứu cơ sở thực tiễn để điều chỉnh các chỉ tiêu trong tiêu chí nông thôn mới cấp xã sau đạt chuẩn. Làm rõ thực trạng mức độ bền vững của việc đạt các chỉ tiêu đó và các nguyên nhân, hạn chế dẫn đến tình trạng thiếu bền vững của việc đạt các chỉ tiêu đó. Đề xuất điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện bộ tiêu chí để nâng cao chất lượng của bộ tiêu chí nông thôn mới và đề xuất giải pháp duy trì bền vững các chỉ tiêu trong tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại các xã sau đạt chuẩn.

Số hồ sơ lưu: 17876

50404. Dân tộc học

74034. 07-2021. **Tri thức bản địa của các tộc người thiểu số tại chỗ ở tỉnh Đắk Nông trong tiến**

trình phát triển xã hội tộc người./ GS. TS. Ngô Văn Lệ, TS. Huỳnh Ngọc Thu; TS. Nguyễn Thị Minh Tâm; TS. Trương Thị Thu Hằng; TS. Đặng Kim Oanh; ThS. Trần Thị Thảo; ThS. Phạm Thanh Thôi; ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2017 - 08/2014 - 02/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận về tri thức bản địa và tổng quan cơ sở hình thành nên tri thức bản địa của các tộc người thiểu số tại chỗ ở Đắk Nông và những nhân tố có khả năng tác động làm thay đổi vốn tri thức này trong điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển. Tri thức bản địa về hoạt động kinh tế của các tộc người thiểu số tại chỗ ở tỉnh Đắk Nông như khai thác tự nhiên, sản xuất, chăn nuôi, trao đổi hàng hóa. Tri thức bản địa về sinh hoạt văn hóa - xã hội của các tộc người thiểu số này về sinh hoạt văn hóa cộng đồng, đời sống, cách tổ chức không gian sinh tồn, quản lý gia đình - dòng họ và tri thức về việc điều hành, quản lý xã hội. Những thay đổi trong tri thức bản địa của các tộc người thiểu số tại chỗ ở Đắk Nông và phương thức bảo tồn trên cơ sở phân tích các nhân tố tác động như kinh tế - chính trị, tính đa tộc người trong cộng đồng, chính sách phát triển, tôn giáo mới... Ngoài ra còn đưa ra những đánh giá cụ thể về vai trò của tri thức bản địa có định hướng, đề xuất phát huy giá trị thực tại của tri thức này trong đời sống hiện nay.

Số hồ sơ lưu: DNG-008-2019

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

77631. 07-2021. Nghiên cứu chính sách thu hút nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, đến năm 2030/ TS. Nguyễn Thị Giáng Hương, TS. Hà Xuân Hùng; TS. Vũ Thị Thanh Thủy; TS. Vũ Hồng Phong; ThS. Đào Thị Kim Liên; TS. Đào Quang Vinh; TS. Trần Anh Tuấn; CN. Bé Thị Hồng Vân; TS. Nguyễn Hồng Vỹ; TS. Phạm Thị Thủy - Hà Nội - Trường đại học Lao động - xã hội, 2020 - 06/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tình hình nghiên cứu nhằm tập hợp, giới thiệu, nhận định và đánh giá các nghiên cứu trước đây cả về nội dung và phương pháp tiếp cận có liên quan đến mục tiêu nghiên cứu. Từ đó, đề xuất phương pháp tiếp cận cũng như những đóng góp mới của đề tài nghiên cứu. Xây dựng bộ công cụ điều tra khảo sát, chọn mẫu khảo sát và tiến hành điều tra khảo sát trên thực địa. Xử lý, phân tích số liệu, dữ liệu điều tra khảo sát. Phân tích thực trạng nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và thực trạng chính sách thu hút nguồn nhân lực cho phát triển KT - XH vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Định hướng chiến lược phát triển KT-XH, dự báo nhu cầu phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số đến năm 2030 và khả năng đáp ứng nguồn nhân lực tại chỗ đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 17702

77651. 07-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất giải pháp chính sách đối với cán bộ khoa học nữ trong hoạt động khoa học và công nghệ/** ThS. Phạm Thị Vân Anh, ThS. Nguyễn Lan Anh; PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Dung; ThS. Nguyễn Thị Hà; TS. Nguyễn Thị Thanh Hà; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Huệ; ThS. Trần Thị Hồng Lan; ThS. Nguyễn Tú Lan; ThS. Nguyễn Thị Nga; ThS. Ngô Thị Ánh Nguyệt; TS. Phạm Hương Sơn; ThS. Lê Thị Khánh Vân; CN. Nguyễn Hương Ngọc Thảo; ThS. Nguyễn Kim Anh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; CN. Phạm Thị Quỳnh - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020 - 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan hiện trạng về cán bộ khoa học nữ ở Việt Nam; Đánh giá thực trạng chính sách đối với cán bộ khoa học nữ trong hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam; Đề xuất một số giải pháp chính sách đối với cán bộ khoa học nữ trong hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Tổng hợp, phân tích, hệ thống các tài liệu về lý luận, kinh nghiệm nước ngoài, thực tiễn trong nước về vai trò, vị trí của nhà khoa học nữ, về chính sách phát triển đội ngũ nhà khoa học nữ; hệ thống các văn bản (từ chủ trương của Đảng và Nhà nước, các quy định pháp lý, một số chính sách cụ thể đối với cán bộ nữ của một số ngành, địa phương).

Số hồ sơ lưu: 17706

78030. 07-2021. **Luận cứ khoa học và thực tiễn, đề xuất định hướng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc giai đoạn 2019-2025/** GS. TS. Mai Trọng Nhuận, TS. Nguyễn Thị Hoàng Hà; TS. Trương Xuân Cừ; GS. TSKH. Dương Ngọc Hải; GS. TSKH. Vũ Minh Giang; PGS. TS. Trương Vũ Bằng Giang; PGS. TS. Vũ Văn Tích; TS. Hoàng Khắc Lịch; PGS. TS. Trần Văn Hải; PGS. TS. Đào Thanh Trường; TS. Nguyễn Văn Tăng; TS. Vương Quốc Thắng; TS. Tạ Thị Thu Hiền; TS. Vũ Thị Minh Hiền; PGS. TS. Nguyễn Tuấn Anh - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế, 2020 - 05/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cung cấp luận cứ, mô hình và giải pháp tổng thể phát triển khoa học và công nghệ và chuyển giao tri thức phục vụ phát triển bền vững, bao trùm, góp phần đảm bảo quốc phòng - an ninh (truyền thông và phi truyền thông), ứng phó biến đổi toàn cầu, nâng cao tính bền vững về hệ thống xã hội, hệ thống tự nhiên và hệ thống con người. Phát triển và chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao phục vụ phát triển bền vững nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, dịch vụ, xử lý rác thải, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, giáo dục và đào tạo thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện các mục tiêu phát triển bền

vững và ứng phó với biến đổi toàn cầu.

Số hồ sơ lưu: 17853

78078. 07-2021. **Những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quan hệ giữa các chế định bắt buộc với lối sống ở Việt Nam hiện nay/** TS. Võ Thành Khôi, TS. Phan Công Khanh; PGS. TS. Phạm Minh Tuấn; ThS. Lưu Hoàng Chương; TS. Nguyễn Thị Oanh; ThS. Phạm Mai Phương; ThS. Nguyễn Thị Hằng; PGS. TS. Nguyễn Xuân Hồng; PGS. TS. Lê Quý Đức; PGS. TS. Lê Thanh Sang - Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị khu vực II, 2020 - 11/2016 - 01/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của mối quan hệ giữa chế định bắt buộc và lối sống: chế định bắt buộc tham gia điều chỉnh và định hướng lối sống; tác động trở lại của lối sống đối với việc thực thi, điều chỉnh, hoàn thiện các chế định bắt buộc ở Việt Nam hiện nay. Khảo sát, đánh giá thực trạng các chế định bắt buộc tham gia điều chỉnh và định hướng lối sống, ảnh hưởng của lối sống đối với việc thực thi, điều chỉnh và hoàn thiện các chế định bắt buộc ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 17873

78326. 07-2021. **Nghiên cứu giải pháp, chính sách phát triển thể lực, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số đến năm 2030./** PGS.TS. Vũ Chung Thủy, PGS.TS. Đặng Văn Dũng; GS.TS. Nguyễn Đại Dương; PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc; GS.TS.

Nguyễn Chí Bền; GS.TS. Lê Quý Phương; PGS.TS. Lê Đức Chương; PGS.TS. Nguyễn Danh Hoàng Việt; PGS.TS. Lê Danh Tuyên; PGS.TS. Trần Trung - Bắc Ninh - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, 2020 - 06/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa những cơ sở khoa học nghiên cứu về thể lực, phát triển thể chất, các phương tiện, phương pháp phát triển thể lực cho người dân tộc thiểu số (DTTS); đúc kết kinh nghiệm về chính sách phát triển thể lực cho người DTTS của một số quốc gia và bài học áp dụng cho Việt Nam; Đánh giá thực trạng thể lực của người DTTS; Xác định nguyên nhân, hạn chế, yếu kém về thể lực, thể chất của người DTTS; Hệ thống hóa, phân tích, đánh giá kết quả, tác động giải pháp, chính sách phát triển thể lực của người DTTS từ đổi mới đến nay; Xác lập cơ sở khoa học về giải pháp, chính sách tác động đến sự phát triển thể lực của người DTTS; Đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể lực của người DTTS; Xác định các nguyên nhân và định hướng khắc phục những hạn chế, yếu kém của các yếu tố tác động đến phát triển thể lực của người DTTS; Xác lập các nguyên tắc và luận cứ xây dựng giải pháp, chính sách phát triển thể lực, thể chất góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các DTTS đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 17993

78334. 07-2021. **Chất lượng cuộc thanh tra - Thực trạng và giải pháp/** ThS. Đặng Khánh Toàn,

TS. Trần Đức Lượng; TS. Đinh Văn Minh; TS. Nguyễn Tuấn Khanh; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; ThS. Trần Văn Dương; ThS. Đặng Trường Giang; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Trần Xuân Dũng; ThS. Nguyễn Hoàng Nam; ThS. Diêm Đăng Việt; ThS. Nguyễn Sỹ Giao; Cử nhân. Nguyễn Duy Đông; Cử nhân. Ngô Khánh Luận; Cử nhân. Hoàng Đức Quỳnh; Cử nhân. Lê Thị Hồng - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2019 - 03/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chất lượng cuộc thanh tra từ thực tiễn công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ và một số bộ, ngành, địa phương từ năm 2013 cho đến nay. Nghiên cứu lý luận về chất lượng cuộc thanh tra hành chính, các tiêu chí đánh giá chất lượng cuộc thanh tra; quy định pháp luật và các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng cuộc thanh tra hành chính. Hoàn thiện cơ sở lý luận về chất lượng cuộc thanh tra; nhận diện, đánh giá thực trạng chất lượng cuộc thanh tra trong thời gian qua và nhu cầu thực tiễn về việc kiểm soát chất lượng cuộc thanh tra; đề xuất phương hướng, giải pháp, kiến nghị cụ thể nhằm nâng cao chất lượng cuộc thanh tra trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 17982

78349. 07-2021. **Xây dựng chiến lược truyền thông ngành Bảo hiểm xã hội giai đoạn 2020-2025/** ThS. Nguyễn Đức Toàn, ThS. Trần Thị Huệ; Cử nhân. Vũ Thị Thu; Cử nhân. Vũ Văn Chức; Cử nhân. Bùi Thị Anh Thư; ThS. Đỗ Thanh Hương; ThS. Phạm Thị Linh; ThS.

Đoàn Thị Nguyệt; Cử nhân. Phạm Văn Chính; Cử nhân. Phạm Thị Phương Chi - Hà Nội - Trung tâm Truyền thông, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận, pháp lý về truyền thông, chiến lược truyền thông, các yếu tố tác động đến công tác truyền thông và chiến lược truyền thông, kinh nghiệm xây dựng và thực hiện chiến lược truyền thông. Đánh giá thực trạng tình hình thực hiện truyền thông ngành BHXH giai đoạn 2015-2019 và đề xuất giải pháp. Dự thảo chiến lược truyền thông chính sách, pháp luật BHXH, BHYT giai đoạn 2020-2025 và tổ chức thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 17972

78408. 07-2021. **Đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ cho khu vực Bắc bộ và Miền Trung/** PGS.TS. Nguyễn Thị Quế Anh, TS. Nguyễn Thị Xuân Sơn; TS. Nguyễn Bích Thảo; TS. Lê Lan Chi; TS. Trần Thu Hạnh; TS. Trần Kiên; TS. Nguyễn Thị Phương Châm; TS. Mai Văn Thắng; ThS. Nguyễn Anh Đức; TS. Hà Nguyệt Thu; Cử nhân. Trần Đăng Ngọc Sơn; Cử nhân. Vũ Thị Hạnh - Hà Nội - Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019 - 10/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổ chức đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ ở khu vực Bắc Bộ và miền Trung cho các nhóm đối tượng có liên quan trực tiếp đến sở hữu trí tuệ nhằm góp phần khuyến khích, thúc đẩy việc tạo dựng, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ. Tính chuyên

sâu của chương trình đào tạo trong dự án được thể hiện trong thiết kế các chương trình đào tạo về sở hữu trí tuệ gắn liền với hoạt động chuyên môn của từng nhóm đối tượng để bảo đảm đáp ứng thiết thực cho hoạt động sở hữu trí tuệ của các nhóm đối tượng này.

Số hồ sơ lưu: 17974

505. Pháp luật

78112. 07-2021. **Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận “Mật ong Hòa Bình” cho sản phẩm mật ong của tỉnh Hòa Bình/** TS. Hoàng Hà, TS. Vương Thị Thanh Trì; GS.TS. Nguyễn Đình Phan; KS. Trần Quốc Hoàn; KS. Nguyễn Xuân Khang; CN. Lê Thiên Lý; CN. Phạm Hương Khê; CN. Nguyễn Hùng Tính; CN. Vũ Tiến Sửu; CN. Trần Thị Mai Anh - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ Âu Mỹ, 2018 - 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Mật ong Hòa Bình” cho sản phẩm mật ong của tỉnh Hòa Bình. Xác định các tiêu chí, đặc tính cần chứng nhận của sản phẩm mật ong mang nhãn hiệu chứng nhận “Mật ong hoa rừng Hòa Bình, từ đó tiến hành thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận. Xây dựng được tổ chức chứng nhận và công cụ quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Mật ong Hòa Bình”. Thiết lập hệ thống tổ chức, hệ thống các phương tiện, điều kiện để quản lý và khai thác giá trị nhãn hiệu chứng nhận “Mật ong Hòa Bình”;

Nâng cao được nhận thức của xã hội, người sản xuất, người tiêu dùng đối với các sản phẩm mật ong Hòa Bình. Góp phần duy trì danh tiếng của các sản phẩm, tăng thu nhập cho người sản xuất.

Số hồ sơ lưu: HBH-008-2020

78116. 07-2021. **Xây dựng nhãn hiệu tập thể “Quýt Nam Sơn” cho sản phẩm quýt Nam Sơn của huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình/** Phạm Thế Hải, - Hòa Bình - Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc lập hồ sơ đăng ký xác lập quyền nhãn hiệu tập thể và hệ thống quản lý nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm. Lập bản đồ địa lý cho vùng bảo hộ sản phẩm và xây dựng hoàn thiện hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm đề nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ. Ban hành các quy chế về quản lý nhãn hiệu tập thể kèm theo các quy trình cấp quyền sử dụng, cách thức dán tem nhãn cho sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể. Nghiên cứu thị trường, ngành hàng và xây dựng hệ thống thương mại cho sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể tạo uy tín đối với người tiêu dùng sản phẩm. Báo cáo xây dựng chiến lược quảng bá, thị trường cho sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể (Quýt Nam Sơn, Tân Lạc).

Số hồ sơ lưu: HBH-012-2020

50501. Luật học

77623. 07-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng dự thảo thông tư hướng dẫn chi tiết việc sử dụng mã số, mã vạch/** TS. Bùi Bá Chính, ThS. Nguyễn Đắc Minh; ThS. Lê Đức Lâm; CN. Trần Đăng Khoa; CN. Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Thị Lan Thanh; ThS. Phan Hồng Nga; CN. Thái Xuân Quỳnh; KS. Đoàn Thanh Thọ; ThS. Nguyễn Văn Khôi - Hà Nội - Trung tâm Mã số, mã vạch Quốc gia, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn để xây dựng văn bản hướng dẫn chi tiết việc quản lý và sử dụng mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc phù hợp với thực tiễn và phù hợp với nghị định, các quy định mới ban hành. Đề xuất các nội dung làm căn cứ xây dựng dự thảo thông tư quy định chi tiết và biện pháp quản lý và sử dụng mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, trình Bộ Khoa học và công nghệ duyệt, ký ban hành.

Số hồ sơ lưu: 17696

77663. 07-2021. **Công lý và quyền tiếp cận công lý ở Việt Nam/** PGS. TS. Vũ Công Giao, GS. TSKH. Đào Trí Úc; GS. TS. Phạm Hồng Thái; PGS. TS. Đặng Minh Tuấn; PGS. TS. Trương Thị Hồng Hà; CN. Nguyễn Thùy Ngân - Hà Nội - Viện Chính sách công và Pháp luật, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ được những tư tưởng, quan điểm khoa học và thực trạng nhận thức lý luận về công lý và quyền tiếp cận công lý ở Việt Nam hiện nay, chỉ ra những khoảng trống so với những tư tưởng, quan điểm khoa học và nhận thức chung ở trên thế giới về vấn đề này; xác định những rủi ro với việc thể chế hoá và tổ chức thực hiện các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam xuất phát từ nhận thức thiếu hụt về công lý và quyền tiếp cận công lý. Đề xuất khung nhận thức khoa học về công lý và quyền tiếp cận công lý phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện hiện nay ở Việt Nam làm nền tảng cho việc triển khai nghiên cứu cụ thể hoá và thực hiện các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề này trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 17719

78049. 07-2021. **Lợi ích nhóm trong xây dựng pháp luật - thực trạng, nguyên nhân và giải pháp/** ThS. Cao Xuân Phong, CN. Trần Thị Lan Phương; ThS. Nguyễn Đức Lam; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Dương Bạch Long; CN. Phan Minh Thủy; CN. Nguyễn Bá Sơn; TS. Vũ Ngọc Bình; ThS. Hà Tú Cầu; ThS. Nguyễn Thị Hằng Như - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2018 - 03/2015 - 09/2016. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ thực trạng tồn tại của lợi ích nhóm trong hoạt động xây dựng pháp luật ở Việt Nam và phân tích nguyên nhân của tình trạng đó, từ đó xây dựng các kiến nghị về giải pháp điều chỉnh lợi ích nhóm phù

hợp và khả thi với điều kiện của Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung về lợi ích nhóm - nhóm lợi ích, bao gồm khái niệm, sự tồn tại của lợi ích nhóm và nhóm lợi ích trong hoạt động xây dựng pháp luật; Thực trạng lợi ích nhóm trong hoạt động xây dựng pháp luật ở Việt Nam hiện nay; Thực tiễn về lợi ích nhóm và giải quyết vấn đề lợi ích nhóm từ kinh nghiệm xây dựng pháp luật một số nước.

Số hồ sơ lưu: 17861

78070. 07-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết việc xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ/** KS. Trần Đức Thái, CN. Bùi Xuân Tùng; CN. Đoàn Thanh Thọ; KS. Nguyễn Tuấn An; KS. Vũ Thị Hồng Hạnh; CN. Nguyễn Thành Dũng; ThS. Trần Văn Tuyển; KS. Hà Thành Thục; CN. Phạm Thị Đào Anh; ThS. Nghiêm Thanh Hải - Hà Nội - Vụ Pháp chế - Thanh tra, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 13b nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 32/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Hướng dẫn chi tiết nội dung xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ làm căn cứ để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017

của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Số hồ sơ lưu: 17865

78310. 07-2021. **Cơ chế pháp lý bảo vệ quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình/** PGS.TS. Phùng Trung Tập, TS. Vương Thanh Thúy; PGS.TS. Trần Anh Tuấn; TS. Kiều Thị Thùy Linh; TS. Nguyễn Hải An; TS. Bùi Đức Hiền; ThS. Lê Thị Giang; PGS.TS. Vũ Công Giao; TS. Nguyễn Thùy Trang; TS. Nguyễn Minh Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2019 - 03/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về lý luận, làm rõ những vấn đề pháp lý trong việc xác định cơ sở lý luận, các phương thức bảo vệ quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Xác định, nhận diện bản chất pháp lý của từng quyền cụ thể, bao gồm: quyền về đời sống riêng tư, quyền về bí mật cá nhân, quyền về bí mật gia đình. Phân tích thực trạng của các văn bản pháp luật nền tảng và chuyên ngành liên quan đến bảo vệ quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Phân tích, so sánh, đối chiếu vấn đề bảo vệ quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trên góc độ pháp luật các quốc gia khác và pháp luật quốc tế để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18001

78420. 07-2021. **Tăng cường hiệu quả thực thi và khai thác phát triển giá trị quyền sở hữu trí tuệ đối với Tập đoàn Dệt may Việt Nam/** TS. Nguyễn Như Quỳnh, TS. Đỗ Thị Minh Thủy; CN. Trần Thị Cẩm Lệ; KS.Hoàng Vệ Dũng; TS.Lê Ngọc Lâm; ThS.Nguyễn Hữu Cẩn; PGS.TS.Vũ Thị Hải Yến; Cử nhân.Nguyễn Thị Thanh Huyền; Cử nhân.Nguyễn Đức Tri; Cử nhân.Bùi Văn Tiên; Cử nhân.Phạm Phú Cường; ThS.Phạm Ngọc Hân; Cử nhân.Đỗ Quế Nga; ThS.Phạm Hồng Quyền; ThS.Đoàn Duy Hiệp; ThS. Trần Tiến Đạt; CN. Dương Thành Long; ThS. Nguyễn Thanh Tuấn; CN. Vương Trung Dũng; CN. Vũ Hoàng Nam - Hà Nội - Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, 2020 - 10/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nâng cao nhận thức và năng lực thực thi, khai thác và phát triển giá trị quyền sở hữu trí tuệ của tập đoàn Vinatex và các doanh nghiệp thành viên; Nhận thức của người tiêu dùng trong sử dụng sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ, tạo môi trường thuận lợi để các sản phẩm dệt may Việt Nam phát triển bền vững. Nâng cao năng lực thực thi, khai thác và phát triển giá trị quyền sở hữu trí tuệ đối với một số nhãn hiệu của tập đoàn; Hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp và nhận thức cộng đồng đối với việc người Việt Nam ưu tiên dùng hàng dệt may “thật” của các doanh nghiệp Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17868

78451. 07-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao trách nhiệm thực hiện pháp luật về công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Yên Bái/** CN. Đỗ Việt Trung, CN. Phạm Thị Phương; CN. Phạm Thị Bích Thuận; CN. Nguyễn Thanh Huyền; ThS. Lương Đức Thiện; ThS. Đậu Đình Năng; CN. Nguyễn Bình Hà; CN. Nguyễn Thị Hồng Phúc - Yên Bái - Thanh tra tỉnh Yên Bái, 2018 - 08/2017 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lý luận cơ bản về trách nhiệm thực hiện pháp luật về công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Tìm hiểu thực trạng trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực trạng, kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh từ năm 2012 - 2016. Từ đó, đề xuất các giải pháp, kiến nghị nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Số hồ sơ lưu: YBI-016-2020

78469. 07-2021. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực chuyên môn về bình đẳng giới đối với cán bộ cấp xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái/** BS. Phạm Tuấn Chung, - Yên Bái - Sở Lao động - Thương binh và xã hội, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng năng lực chuyên môn về bình đẳng giới của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2013-2016. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao năng lực chuyên môn về bình đẳng giới đối với đội ngũ cán bộ công chức cấp xã phù hợp với bối cảnh tình hình kinh tế của địa phương góp phần thúc đẩy thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh nhà.

Số hồ sơ lưu: YBI-017-2020

50599. Các vấn đề pháp luật khác

78307. 07-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng Luật/** Cử nhân. Võ Văn Tuyên, ThS. Bùi Thu Hằng; GS.TS. Trần Ngọc Đường; ThS. Đặng Đình Luyện; ThS. Nguyễn Hồng Tuyên; TS. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Phước Thọ; ThS. Lê Thị Thiệu Hoa; TS. Vũ Đức Long; TS. Nguyễn Thị Kim Thoa; TS. Hoàng Văn Tú; ThS. Trần Việt Đức; ThS. Đào Thị Hồng Minh; Cử nhân. Nguyễn Hoàng Hà; Cử nhân. Nguyễn Thị Phương Liên - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 04/2019 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích cơ sở lý luận để làm sáng tỏ khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung của quy trình xây dựng luật; mô tả, phân tích, đánh giá quy trình lập pháp ở một số quốc gia trên thế giới có so sánh với quy trình xây dựng luật hiện nay ở Việt Nam để rút ra những kinh nghiệm phù hợp cho Việt Nam. Phân tích, đánh giá: Sự phát triển của quy trình xây dựng

luật ở Việt Nam; Các giai đoạn, các bước của quy trình xây dựng luật hiện nay, từ khi hình thành sáng kiến pháp luật (lập đề nghị xây dựng luật) đến soạn thảo dự án luật, thẩm tra, xem xét, thông qua và công bố luật; Một số vấn đề khác có liên quan đến quy trình xây dựng luật như trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng luật; kỹ thuật một luật sửa nhiều luật; phản biện xã hội; vai trò của ĐBQH trong quy trình xây dựng luật; những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong quy trình xây dựng luật hiện nay. Đề xuất các giải pháp cụ thể để tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng luật ở nước ta (gồm các giải pháp trước mắt và giải pháp lâu dài); đồng thời, cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn để phục vụ trực tiếp cho việc sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành VBQPPL mà Bộ Tư pháp được giao chủ trì soạn thảo.

Số hồ sơ lưu: 17998

78309. 07-2021. **Nghiên cứu xây dựng những định hướng chính sách lớn phục vụ việc sửa đổi, bổ sung Luật nuôi con nuôi 2010/** TS. Phạm Thị Kim Anh, ThS. Đào Thị Hà; TS. Nguyễn Công Khanh; TS. Nguyễn Phương Lan; ThS. Lê Thị Hoàng Thanh; TS. Bùi Minh Hồng; TS. Tô Đức; ThS. Nguyễn Triều Lưu; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Nguyễn Thanh Hà; ThS. Phan Đăng Kiên; ThS. Lê Thị Ngọc Hoa; ThS. Nguyễn Minh Phương - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 03/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về chính sách nuôi con nuôi

trong điều kiện bảo đảm thực thi quyền của trẻ em được chăm sóc thay thế và được nhận làm con nuôi; đánh giá thực tiễn thi hành chính sách; nhu cầu của xã hội đối với việc nuôi con nuôi và dự báo xu hướng phát triển của việc nuôi con nuôi trên thế giới và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất một số định hướng chính sách lớn nhằm phục vụ việc sửa đổi, bổ sung Luật Nuôi con nuôi trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 17999

78313. 07-2021. **Cơ sở lý luận và thực tiễn nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực thi hành án dân sự/** TS. Nguyễn Thanh Thủy, TS. Nguyễn Thắng Lợi; ThS. Vũ Tiến Đức; Cử nhân. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Lê Thị Thu; TS. Nguyễn Minh Khuê; ThS. Đinh Công Tuấn; ThS. Ngô Thanh Xuyên; ThS. Kiều Thị Hảo; Cử nhân. Nguyễn Thị Yến; Cử nhân. Bùi Thị Phương Anh - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2019 - 01/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu có quy định về tiêu chí phân biệt rõ khiếu nại (KN) và tố cáo (TC) trong thi hành án dân sự (THADS), không để tình trạng cơ quan THADS lúng túng, khó xác định khi nào thì giải quyết KN, khi nào thì giải quyết TC; Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy định đối với những vấn đề pháp luật hiện hành về giải quyết KN, TC trong THADS chưa quy định; Tăng cường đối thoại với người KN, TC, coi trọng việc hòa giải giữa các bên trước khi thực hiện thủ tục giải quyết KN, TC; Đưa ra tiêu chí đánh giá hiệu quả và

những yếu tố ảnh hưởng đến công tác giải quyết KN, TC trong THADS ở Việt Nam hiện nay;

Số hồ sơ lưu: 18002

78330. 07-2021. **Hoàn thiện pháp luật tiếp công dân ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay/** TS. Nguyễn Văn Kim, ThS. Phạm Thị Phụng; TS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Hồ Thị Thu An; ThS. Nguyễn Vi Đăng Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Bích Hương; ThS. Lê Mạnh Hùng; Cử nhân. Hoàng Thị Thanh Thủy; Cử nhân. Phạm Bá Thắng - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2019 - 03/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Luận giải rõ một số vấn đề lý luận về tiếp công dân: khái niệm, vị trí, vai trò và đặc điểm của pháp luật về tiếp công dân. Làm rõ các tiêu chí đánh giá hoàn thiện pháp luật về tiếp công dân. Đánh giá thực trạng pháp luật về tiếp công dân. Đề xuất các giải pháp, kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật về tiếp công dân ở Việt Nam mà trọng tâm là Luật tiếp công dân.

Số hồ sơ lưu: 17979

78432. 07-2021. **Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo/** TS. Nguyễn Tuấn Khanh, PGS.TS. Lê Thị Hương; TS. Lê Thái Phương; TS. Nguyễn Văn Tuấn; TS. Trần Thùy Dương; ThS. Đào Trung Kiên; ThS. Lê Văn Dũng; ThS. Bùi Ngọc Sơn; Cử nhân. Lê Thị Hồng; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Lê Văn Đức; ThS. Vũ Đức Hoan; ThS. Nguyễn Phương

Vy; Cử nhân. Phạm Diệu Huyền; Cử nhân. Trần Thị Tú Uyên; ThS. Trịnh Thị Lan Anh; Cử nhân. Nguyễn Thị Huỳnh Thơ; ThS. Hoàng Văn Xuân - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2019 - 03/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về Trách nhiệm bồi thường của nhà nước (TNBTCNN) trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo như: Quan niệm, đặc điểm, phạm vi trách nhiệm, đối tượng được bồi thường, trình tự thủ tục thực hiện việc bồi thường, cơ sở xác định thiệt hại; các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện TNBTCNN trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Rà soát, hệ thống hóa và đánh giá cơ sở pháp lý hiện hành về TNBTCNN trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Nhận diện các nguy cơ và thực tiễn việc gây thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và những yêu cầu đặt ra đối với việc xác định TNBTCNN do hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo gây ra. Đề xuất giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật và bảo đảm thực hiện TNBTCNN trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Số hồ sơ lưu: 17978

506. Khoa học chính trị

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

73976. 07-2021. Vai trò của HĐND các cấp đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu

nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông./ Võ Văn Hân, - Đắk Nông - Văn phòng HĐND tỉnh Đắk Nông, 2018 - 06/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ cơ sở lý luận về quyền khiếu nại, tố cáo của người dân, trách nhiệm của cơ quan chức năng và vai trò của HĐND đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân khiếu nại, tố cáo của công dân, kết quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đồng thời phân tích, đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐND, thường trực HĐND, các ban HĐND... các cấp tỉnh Đắk Nông đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đề xuất giải pháp nâng cao vai trò của HĐND, thường trực HĐND, các ban HĐND... trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo qua đó góp phần nhằm giảm thiểu phát sinh khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, cũng như đảm bảo cho các quy định của pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo được thực thi nghiêm túc.

Số hồ sơ lưu: DNG-001-2019

78223. 07-2021. Ứng dụng CNTT xây dựng quy trình quản lý, vận hành Trung tâm hành chính công tỉnh Yên Bái./ DS. Chu Đình Ngũ, - Yên Bái - Văn phòng UBND tỉnh Yên Bái, 2018 - 07/2017 - 09/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích, lựa chọn giải pháp, quy mô ứng dụng công nghệ thông tin quản lý, vận hành Trung tâm HCC tỉnh Yên Bái. Xây dựng phần mềm quản lý, vận hành Trung tâm HCC của Yên Bái; tích hợp vào hệ thống quản lý, điều hành của tỉnh. Tiến hành tập huấn, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách của Trung tâm, cán bộ các sở, ban, ngành sử dụng phần mềm.

Số hồ sơ lưu: YBI-002-2020

78311. 07-2021. **Phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp theo tinh thần Hiến pháp năm 2013/** ThS. Lê Thị Thiệu Hoa, Cử nhân. Trương Hồng Quang; GS.TS. Trần Ngọc Đường; GS.TS. Nguyễn Minh Đoan; TS. Hoàng Thị Ngân; TS. Hoàng Minh Hiếu; ThS. Nguyễn Phước Thọ; ThS. Nguyễn Đức Lam; ThS. Hòa Thị Thủy; ThS. Phan Thị Thu Hằng; GS.TS. Nguyễn Đăng Dung - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2019 - 03/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Củng cố, phát triển thêm lý luận về quyền lập pháp và phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp; Làm rõ nội dung, nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 từ đó đánh giá thực trạng phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp tại Việt Nam thời gian qua; Đưa ra các giải pháp nhằm

hoàn thiện vấn đề phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18007

78312. 07-2021. **Các giải pháp đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay/** TS. Đỗ Xuân Lân, ThS. Tô Thị Thu Hà; GS.TS. Trần Ngọc Đường; TS. Đặng Vũ Huân; TS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Phước Thọ; ThS. Phan Hồng Nguyên; ThS. Nguyễn Thị Thu Hoài; ThS. Hồ Xuân Hương; ThS. Trần Việt Thái; Cử nhân. Trương Hồng Quang; ThS. Hồ Thị Nga; ThS. Trần Văn Tùy; Cử nhân. Nguyễn Thanh Thảo; Cử nhân. Nguyễn Thùy Nhung; Cử nhân. Bùi Phương Thảo - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 03/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các vấn đề lý luận về các giải pháp đổi mới công tác phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN; Đánh giá thực trạng công tác PBGDPL trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, cả thành tựu, hạn chế, bất cập và nguyên nhân. Đề xuất mục tiêu, quan điểm và các giải pháp đổi mới công tác PBGDPL trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN.

Số hồ sơ lưu: 18003

78322. 07-2021. **Nghiên cứu nâng cao hiệu quả giám sát của cơ**

quan dân cử đối với việc thực thi chính sách, pháp luật về an sinh xã hội ở Việt Nam/ TS. Bùi Sỹ Lợi, GS.TS. Mai Ngọc Cường; GS.TS. Nguyễn Đình Hương; PGS.TS. Lê Quốc Hội; PGS.TS. Lưu Bích Ngọc; TS. Nguyễn Thị Huệ; PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Hương; PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí; TS. Bùi Sỹ Tuấn; TS. Lưu Bình Nhưỡng; PGS.TS. Hoàng Văn Cường; GS.TSKH. Lương Xuân Quý; TS. Phạm Việt Hùng; TS. Hồ Thị Hải Yến; TS. Nguyễn Sỹ Dũng; TS. Nguyễn Hoài Nam; TS. Nguyễn Đình Hưng; ThS. Võ Thế Vinh; ThS. Lâm Văn Đoàn; ThS. Phạm Trọng Cường; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hiếu; TS. Nguyễn Thị Hào; ThS. Thái Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Đức Đông; ThS. Lê Văn Hạnh - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020 - 09/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng khung giám sát để phân định rõ chủ thể, đối tượng, phạm vi, nội dung, hình thức, công cụ giám sát của cơ quan dân cử đối với thực thi chính sách, pháp luật an sinh xã hội (ASXH). Xây dựng quan điểm phương pháp luận và hệ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động giám sát của cơ quan dân cử đối với thực thi chính sách, pháp luật ASXH ở nước ta. Trên cơ sở thực trạng hoạt động giám sát hiện nay, đề tài xác định quan điểm, phương hướng và đề xuất hệ thống giải pháp nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của cơ quan dân cử đối với thực thi chính sách, pháp luật ASXH những năm tới.

Số hồ sơ lưu: 17990

78332. 07-2021. **Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức ngành thanh tra theo yêu cầu của chiến lược phát triển ngành thanh tra/** TS. Trịnh Văn Toàn, ThS. Phạm Thị Thi; Vũ Văn Chiến; TS. Đinh Văn Minh; TS. Nguyễn Huy Hoàng; TS. Nguyễn Tuấn Khanh; TS. Trần Văn Long; ThS. Phạm Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Lê Việt; TS. Trần Thị Thúy; Cử nhân. Nguyễn Thị Nhuận - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2019 - 03/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về về nâng cao chất lượng công tác đào tạo bồi dưỡng (ĐTBD) công chức ngành Thanh tra theo Chiến lược phát triển ngành Thanh tra. Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng nâng cao chất lượng công tác ĐTBD công chức ngành Thanh tra theo Chiến lược phát triển ngành Thanh tra từ thực tiễn của toàn ngành giai đoạn 2016-2018. Luận giải và đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao chất lượng công tác ĐTBD công chức ngành Thanh tra theo Chiến lược phát triển ngành Thanh tra.

Số hồ sơ lưu: 17988

78431. 07-2021. **Cơ sở khoa học xây dựng bộ chuẩn mực thanh tra/** TS. Lê Tiến Hào, TS. Trần Văn Long; TS. Nguyễn Thị Thu Nga; TS. Đinh Văn Minh; ThS. Văn Tiến Mai; TS. Đặng Văn Hải; ThS. Đỗ Tâm Diệu Quỳnh; TS. Tạ Thu Thủy; ThS. Lê Văn Đức; ThS. Nguyễn Hồng Thắm; ThS. Trịnh Thị Lan Anh;

Phan Hồng Nhung; ThS. Dương Ngọc Giao - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Luận giải, làm rõ một số vấn đề lý luận về xây dựng Bộ chuẩn mực thanh tra: Quan niệm, đặc điểm, nội dung của Bộ chuẩn mực thanh tra; sự cần thiết xây dựng Bộ chuẩn mực thanh tra; vai trò, ý nghĩa của Bộ chuẩn mực trong hoạt động thanh tra; nguyên tắc, phương thức xây dựng Bộ chuẩn mực thanh tra; các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng Bộ chuẩn mực thanh tra; kinh nghiệm một số ngành, lĩnh vực trong xây dựng bộ chuẩn mực;... Làm rõ thực trạng pháp luật và cơ sở thực tiễn của việc xây dựng chuẩn mực trong hoạt động thanh tra, qua đó chỉ rõ các khoảng trống, hạn chế trong quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến chuẩn mực trong hoạt động thanh tra; chỉ rõ những bất cập, hạn chế trong thực tiễn hoạt động thanh tra xuất phát trực tiếp từ nguyên nhân thiếu chuẩn mực thanh tra; đưa ra nhu cầu phát triển, đổi mới hoạt động thanh tra trên cơ sở xây dựng và thực hiện Bộ chuẩn mực thanh tra trong thời gian tới. Đưa ra các quan điểm và giải pháp, kiến nghị xây dựng Bộ chuẩn mực thanh tra.

Số hồ sơ lưu: 17989

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

77660. 07-2021. Một số điểm mới về lý luận và một số vấn đề đặt ra trong văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng/ GS. TS. Phạm Văn Đức,

PGS. TS. Nguyễn Tài Đông; TS. Nguyễn Đình Hòa; PGS. TS. Chu Đức Dũng; PGS. TS. Nguyễn Đức Minh; PGS. TS. Lê Hồng Lý; PGS. TS. Bùi Quang Tuấn; TS. Nguyễn Ngọc Toàn - Hà Nội - Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2019 - 06/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Trình bày, làm rõ những vấn đề lý luận mới được đặt ra trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng trên các lĩnh vực kinh tế; chính trị; văn hoá, xã hội, con người; quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Phân tích những vấn đề quan trọng cần tiếp tục nghiên cứu trên các lĩnh vực kinh tế; chính trị; văn hoá, xã hội, con người; quốc phòng, an ninh, đối ngoại nhằm lý giải về mặt lý luận, đồng thời cung cấp luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về các lĩnh vực trên. Làm rõ các yêu cầu đặt ra nhằm thực hiện tốt những vấn đề lý luận mới và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong văn kiện Đại hội XII của Đảng.

Số hồ sơ lưu: 17711

77662. 07-2021. Nghiên cứu khung năng lực của giáo viên làm Tổng phụ trách Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay/ TS. Nguyễn Hữu Long, ThS. Nguyễn Thái Duy; PGS. TS. Nguyễn Thị Tứ; TS. Nguyễn Thị Thu Huyền; TS. Lê Thị Linh Trang; ThS. Vũ Kim Xuyên; ThS. Trần Thị Lựa; ThS. Lê Anh Quân; ThS. Phạm Thị Quỳnh Chi - Hà Nội - Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, tổng hợp những công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước và ngoài nước về năng lực, khung năng lực và những vấn đề liên quan đến Tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong trường học. Xác định các khái niệm công cụ và các vấn đề liên quan đến nghiên cứu: khái niệm năng lực, khung năng lực, yếu tố ảnh hưởng đến năng lực giáo viên. Dựa vào kết quả tổng hợp và phân tích lí luận, xác định các yếu tố cần khảo sát; Xác định biểu hiện của năng lực thực hiện nhiệm vụ của giáo viên làm Tổng phụ trách Đội. Bên cạnh đó, phân tích một số yếu tố tác động và ảnh hưởng đến năng lực thực hiện nhiệm vụ của giáo viên làm Tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: 17709

77681. 07-2021. **Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đoàn viên trong điều kiện hiện nay/** ThS. Vũ Thị Bích Thảo, CN. Vũ Long Khánh; TS. Phan Thanh Nguyệt; ThS. Nguyễn Thái Hà; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Vũ Thị Thu Hằng; CN. Vũ Thị Thái Hà; CN. Nguyễn Văn Buồm; ThS. Đặng Đức Minh; CN. Lưu Thị Hà - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố đến chất lượng đoàn viên hiện nay, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát huy các yếu tố tích cực và điều chỉnh các yếu tố còn hạn chế nhằm nâng cao chất lượng đoàn

viên, đáp ứng yêu cầu phát triển của tổ chức Đoàn.

Số hồ sơ lưu: 17723

78028. 07-2021. **Thực hiện nguyên tắc pháp quyền trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo: thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp/** PGS. TS. Nguyễn Đức Minh, PGS. TS. Nguyễn Thị Việt Hương; TS. Phạm Thị Thúy Nga; PGS. TS. Đặng Minh Đức; TS. Nguyễn Văn Cương; PGS. TS. Trương Hồ Hải, PGS. TS. Vũ Thư; GS. TS. Võ Khánh Vinh; GS. TS. Nguyễn Minh Đoan; PGS. TS. Nguyễn Như Phát - Hà Nội - Viện Nhà nước và Pháp luật, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quát (mục tiêu theo đặt hàng) là nghiên cứu làm sáng tỏ nội dung, vai trò của nguyên tắc pháp quyền, đánh giá thực trạng nguyên tắc pháp quyền ở nước ta hiện nay, từ đó xây dựng luận cứ khoa học cho việc đề xuất các giải pháp đảm bảo thực hiện nhất quán, đồng bộ nguyên tắc pháp quyền trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17855

78107. 07-2021. **Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát của Đảng bộ tỉnh Hòa Bình/** ThS. Nguyễn Hữu Đạt, CN. Tô Đăng Hữu; Nguyễn Văn Trường; ThS. Nguyễn Xuân Hải; CN. Nguyễn Xuân Thu; CN. Nguyễn Quốc Hùng; ThS. Bùi Văn Khuyên; CN. Nguyễn Văn Khoa; ThS.

Nguyễn Thị Thanh Hải; ThS. Nguyễn Thị Hương - - UBKT Tỉnh uỷ Hòa Bình., 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống hóa và làm rõ thêm các khái niệm, cơ sở lý luận về công tác giám sát trong Đảng, những quy định của Đảng, Nhà nước về công tác giám sát và nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên. Nghiên cứu, đánh giá về thực trạng công tác giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng và Ủy ban Kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tỉnh, nhất là những khó khăn, bất cập, vướng mắc trong công tác giám sát từ năm 2012 đến hết năm 2017, rút ra những bài học kinh nghiệm để đề ra các nhóm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát của Đảng bộ tỉnh Hòa Bình. Kết luận và kiến nghị để đề tài được áp dụng vào thực tiễn trong công tác giám sát của Đảng bộ tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: HBH-001-2020

50699. Khoa học chính trị khác

78109. 07-2021. **Nâng cao chất lượng diễn tập phòng thủ gắn với phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Hòa Bình/** CN. Hà Tất Đạt, CN. Bùi Văn Hùng; CN. Nguyễn Quốc Toàn; CN. Vũ Hải Ninh; CN. Lê Hoa Vương; CN. Nguyễn Hồng Sơn; CN. Lê Văn Tuệ; CN. Nguyễn Đức Quyên; Nguyễn Đức Dung; Nguyễn Bá Thụ - Hòa Bình - Bộ CHQS tỉnh Hòa

Bình, 2019 - 04/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực trạng (ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân) công tác diễn tập phòng thủ giai đoạn 2012-2017. Xây dựng nội dung phối hợp chỉ đạo diễn tập ứng phó sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác diễn tập phòng thủ gắn với phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: HBH-003-2020

507. Địa lý kinh tế và xã hội

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá

78549. 07-2021. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp thu hút đầu tư phát triển du lịch vùng hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái/** PGS.TS. Nguyễn Minh Ngọc, - Yên Bái - Đại học Kinh tế quốc dân, 2018 - 04/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập thông tin, điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng các điều kiện cho đầu tư phát triển du lịch tại vùng hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái. Xây dựng thí điểm mô hình du lịch nhằm nâng cao khả năng truyền thông, quảng bá để thu hút đầu tư và xây dựng phim tư liệu giới thiệu tiềm năng du lịch hồ Thác Bà tỉnh Yên Bái. Tiến hành xây dựng, biên soạn bộ tài liệu, kênh thông tin làm công cụ thu hút đầu tư du lịch. Từ đó, đề xuất giải pháp thu hút đầu tư, phát triển du lịch vùng hồ Thác Bà tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-037-2020

50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị

75443. 07-2021. **Cơ sở thông tin - dữ liệu phục vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng thành phố Hồ Chí Minh - vấn đề đặt ra và giải pháp hoàn thiện/** ThS. Phạm Trần Hải, ThS. Nguyễn Phương Bắc; ThS. Vương Đình Huy; CN. Nguyễn Dương Minh Hoàng; CN. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Nguyễn Tất Thắng - TP. Hồ Chí Minh - Viện nghiên cứu phát triển Tp Hồ Chí Minh, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng cấu trúc khung thông tin - dữ liệu và công tác cập nhật, chia sẻ, sử dụng nội dung khung thông tin - dữ liệu phục vụ lập/điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng TP. Hồ Chí Minh từ sau năm 1975 đến nay; xác định các vấn đề phát sinh từ kết quả đánh giá thực trạng trên. Xác định các cơ sở khoa học nhằm giải quyết các vấn đề nêu trên; xác định khả năng áp dụng các cơ sở khoa học trên vào thực tiễn TP. Hồ Chí Minh hiện nay. Đề xuất các quy định để hoàn thiện cấu trúc khung thông tin - dữ liệu và công tác cập nhật, chia sẻ, sử dụng nội dung khung thông tin - dữ liệu phục vụ lập/điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng TP. Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-0212-2018

78113. 07-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp tạo quỹ đất xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình/** TS. Nguyễn Văn Quân, PGS.TS. Phan Thị Thanh Huyền; ThS. Bùi Nguyên Hạnh. ThS. Nguyễn Bá

Ngọc; ThS. Ngô Thị Hà; ThS. Bùi Quang Toàn; KS. Phạm Thị Mơ; ThS. Dương Quốc Thắng; ThS. Quách Tài Quỳnh; ThS. Nguyễn Văn Tâm - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2019 - 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế, xã hội; tình hình sử dụng và biến động đất đai giai đoạn 2010 - 2016 liên quan đến công tác tạo quỹ đất để xây dựng kết cấu hạ tầng tại thành phố Hòa Bình, huyện Lương Sơn và huyện Kỳ Sơn. Thực trạng tạo quỹ đất để xây dựng kết cấu hạ tầng giai đoạn 2011-2016 tại thành phố Hòa Bình, huyện Lương Sơn và huyện Kỳ Sơn. Xác định nhu cầu và khả năng tạo quỹ đất xây dựng kết cấu hạ tầng tỉnh Hòa Bình đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 cho thành phố Hòa Bình, huyện Lương Sơn và huyện Kỳ Sơn. Đề xuất giải pháp tạo quỹ đất xây dựng kết cấu hạ tầng cho thành phố Hòa Bình, huyện Lương Sơn và huyện Kỳ Sơn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: HBH-009-2020

6. Khoa học nhân văn**602. Ngôn ngữ học và văn học****60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam**

77310. 07-2021. **Xây dựng bộ gõ, biên soạn tài liệu dạy và học chữ Mường tại tỉnh Hòa Bình/** GS. TS. Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Văn Toàn; Bùi Thị Niềm; ThS. Phạm Văn Lam; PGS.TS. Nguyễn

Phương Thái; Bùi Thị Hiền; Nguyễn Quang Hưng; Bùi Kim Phúc; Bùi Nội; ThS. Đào Thị Trà - Hòa Bình - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hòa Bình, 2018 - 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng bộ gõ, biên soạn tài liệu dạy và học chữ Mường tại tỉnh Hoà Bình nhằm triển khai đưa bộ chữ Mường được phê chuẩn vào đời sống; góp phần bảo tồn và phát huy ngôn ngữ, văn hóa của dân tộc Mường tại tỉnh Hòa Bình. Xây dựng được “Bộ gõ chữ Mường” với các tính năng tiện sử dụng, chạy trên các phiên bản Windows; cài đặt thuận tiện, hoạt động không tốn nhiều tài nguyên của máy tính. Biên soạn “Tài liệu dạy, học chữ Mường” nhằm phổ biến bộ chữ Mường được phê chuẩn, đáp ứng nhu cầu của bà con dân tộc Mường và các dân tộc anh em trong tỉnh Hòa Bình về học và sử dụng chữ viết của dân tộc Mường; sử dụng cho nghiên cứu, ghi chép mọi mặt của đời sống, trong đó có văn hóa Mường như Mo Mường, các làn điệu dân ca Mường, các tri thức dân gian của dân tộc Mường; dùng để dạy tiếng Mường cho con cháu và ghi chép, lưu giữ tiếng Mường đúng với bản sắc mà không lo bị “tam sao thất bản” do truyền khẩu.

Số hồ sơ lưu: HBH-015-2020

699. Khoa học nhân văn khác

78114. 07-2021. **Nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Mo Mường ở tỉnh Hòa Bình/** ThS. Bùi Kim Phúc, Bùi Văn Nội; Bùi Văn Dịp; ThS. Bùi Văn Nam; ThS. Vũ Đình Toán; Bùi Thị Hương; Dương Thị Ngọc; Đặng Thị

Thu Hà - Hòa Bình - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2018 - 01/2017 - 01/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa Mo Mường phục vụ xây dựng hồ sơ trình UNESCO thế giới. Tổ chức, nghiên cứu đánh giá về hiện trạng di sản văn hóa Mo Mường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Xây dựng đề án bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa Mo Mường trình UBND tỉnh ban hành. Thực hiện một số nội dung quan trọng của đề án xây dựng hồ sơ cấp Nhà nước về Di sản văn hóa Mo Mường Hòa Bình trình Tổ chức UNESCO thế giới.

Số hồ sơ lưu: HBH-010-2020

Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn

bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại trang thông tin điện tử: <http://dangkykqnv.vista.gov.vn/>;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;
- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ

- 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Phiếu đăng ký để rời, đóng dấu giáp lai nếu 2 tờ, không đóng vào báo cáo tổng hợp).
- 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức), báo cáo đóng bìa cứng, gáy vuông (in tên chủ nhiệm vụ, và mã số nhiệm vụ), trên trang bìa lót bên trong có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.
- 01 bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (file hoàn chỉnh, không tách riêng các file chương, mục,...); 01 bản điện tử Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.
- 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (biên bản không đóng kèm vào báo cáo tổng hợp); văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 Bản sao đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 Phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: dangky@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*